

TUYỂN TẬP TRUYỆN CỔ QUỐC TẾ
A COLLECTION OF FOLKTALES FROM AFAR

... 0 ...

Tuyển dịch bởi Nguyễn Giác
Selected & translated by Nguyễn Giác

... 0 ...

Phạm vi công cộng. Xin tự do sử dụng.

Public domain. Free to use.

... 0 ...

MỤC LỤC

Lời thưa

1. Vị Thần Cây
2. Vị Vua Đòi Một Đại Dương Sữa
3. Hoàng Tử Ếch xứ Lai Hka
4. Con Ngựa Được Trao Cho Bảy Năm
5. Con Mèo Giả Vờ Giữ Giới
6. Tảng Đá Yên Tĩnh
7. Những Viên Gạch Bạc
8. Công chúa Hase và Phước lành của Quan Âm
9. Công chúa Ánh Trăng
10. Cậu Bé Vẽ Mèo
11. Ông Cụt khiến cây cối đâm chồi nảy lộc

12. Bà cụ yêu thích làm bánh bao
13. Truyện Chin-chin Kobakama
14. Truyền thuyết về Malin Kundang
15. Jaka Tarub và nàng tiên
16. Câu chuyện về Yeonorang và Seonyeo
17. Truyện nàng Shim Cheong
18. Truyện nàng Chunhyang
19. Công chúa ngủ trong rừng
20. Aladdin và Chiếc Đèn Thần
21. Mỹ Nhân và Quái vật
22. Bốn mươi tên trộm
23. Nàng Công Chúa Kiêu Ngạo
24. Cô gái yêu thương cá
25. Người vợ ngôi sao
26. Hoàng Tử và Bảy Pháp Sư
27. Visu và các phụ nữ cáo
28. Trong dòng chảy đời sống
29. Cuộc đời của sư Luang Phor Tuad

.... O

TABLE OF CONTENTS

Preface

1. The Spirit in the Tree
2. The King Who Wanted an Ocean of Milk
3. The Frog Prince of Lai Hka
4. The Horse Who Was Given Seven Years

5. The Cat Who Pretended to Keep the Precepts
6. The Rock of Tranquillity
7. The Silver Tiles
8. Princess Hase and the Blessing of Kwannon
9. Princess Moonlight
10. The Boy Who Drew Cats
11. The Old Man Who Made the Trees Bloom
12. The Old Woman Who Love to Make Dumplings
13. The Chin-chin Kobakama
14. The Legend of Malin Kundang
15. Jaka Tarub and the Heavenly Maiden
16. The Story of Yeonorang and Seonyeo
17. The Story of Shim Cheong
18. The Story of Chunhyang
19. Sleeping Beauty
20. Aladdin and the Wonderful Lamp
21. Beauty and the Beast
22. The Forty Thieves
23. The Haughty Princess
24. The Maiden Who Loved a Fish
25. The Star Wife
26. The Prince and the Seven Magicians
27. Visu and the Fox Women
28. In the flow of life
29. The Life of Luang Phor Tuad

.... O

LỜI THƯA

Các truyện trong sách này dựa vào Wikipedia và **Project Gutenberg** -- <https://www.gutenberg.org/>-- nơi các tác phẩm không còn giữ bản quyền, và đã trở thành tài sản văn hóa chung của nhân loại. Các truyện cổ tích được chọn từ nhiều tác giả. Bởi vì văn phong dùng trong các truyện hầu hết là tiếng Anh của Vương Quốc Anh thời kỳ đầu thế kỷ 20, nên nơi đây sẽ được chuyển sang tiếng Anh của Hoa Kỳ thời kỳ đương đại cho dễ hiểu. Một số truyện cũng sẽ được rút ngắn và viết lại, khi cần thiết. Các truyện sẽ dựa vào Google Translate để được dịch trực tiếp và dịch ngược để kiểm tra, rồi sẽ được người dịch hiệu đính bằng cảm nhận văn học tự nhiên. Bản song ngữ thực hiện bởi Nguyễn Giác Phan Tấn Hải vì lợi ích cho giới trẻ. Người viết không giữ bản quyền. Bất kỳ ai cũng có quyền in ấn, phổ biến toàn phần hay một phần trong mọi phương tiện khả dụng.

.... O

PREFACE

The stories in this book are based on Wikipedia and the **Project Gutenberg**—<https://www.gutenberg.org/>—where works are no longer copyrighted and have become the shared cultural heritage of humanity. The fairy tales are selected from various authors. Because the writing style in most stories is early 20th-century British English, they will be translated into contemporary American English for easier understanding. Some stories will also be shortened and rewritten as needed. The stories will be translated directly and back-translated using Google Translate for verification and then edited by the translator using their natural literary sensibility. This bilingual edition has been prepared by Nguyễn Giác Phan Tấn Hải for the benefit of the youth. The author claims no copyright. Anyone is free to print, share, or reproduce these stories, in whole or in part, through any available medium.

.... O

1. Vị thần cây

Theo tín ngưỡng cổ của người Miến Điện, mỗi cây lớn đều trú ngụ một vị thần gọi là Nat. Trước khi chặt cây, người đó phải xin phép thần cây. Một ngày nọ, một người tiều phu đã bỏ qua quy tắc này. Anh chặt một cây mà không hề báo trước. Thần linh Nāt sống trong cây cảm thấy vô cùng phẫn nộ và quyết định trả thù.

Vị thần này biến hình thành hình dạng giống hệt người tiều phu – cùng khuôn mặt, cùng quần áo, cùng giọng nói. Lúc hoàng hôn, thần linh đến túp lều nhỏ của người tiều phu sâu trong rừng. Vợ người tiều phu đang nấu cơm, con nhỏ ngủ trong nôi treo, và con trai nhỏ đang cắt lá chuối. Bà chào đón người

đàn ông mà bà tưởng là chồng mình, và họ cùng nhau dùng bữa tối giản dị. Mọi thứ dường như bình thường.

Nhưng sau đó vào đêm hôm đó, người tiều phu thật mới trở về nhà, gọi vọng từ bóng tối. Người vợ bước ra ngoài và nhìn thấy một người đàn ông khác – giống hệt nhau đến từng chi tiết – đang đi về phía mình. Khi cả hai người đàn ông đứng trong túp lều, bà không thể phân biệt được họ. Mỗi người đều tự nhận là chồng thật của bà. Ngay cả khi xem xét kỹ lưỡng, bà cũng thấy họ trông giống hệt nhau, kể cả những vết sẹo và dấu vết trên cơ thể. Bối rối và sợ hãi, bà đề nghị họ tìm đến sự giúp đỡ của Manoo, vị quan tòa thông thái nhất vương quốc.

Ba người họ đi xuyên qua khu rừng cho đến khi đến được tòa án của Manoo. Sau khi nghe câu chuyện của họ, vị quan tòa nhận ra rằng những phương pháp thông thường sẽ không giải quyết được bí ẩn này. Ngày hôm sau, ông đặt một bánh xe gỗ có một lỗ rất nhỏ ở giữa phòng xử án. Ông tuyên bố rằng bất cứ ai có thể chui qua lỗ đó sẽ được công nhận là người chồng thực sự.

Người tiều phu phản đối, vì biết rằng không một người nào có thể chui qua được khoảng trống nhỏ như vậy. Nhưng vị thần Nat, tự tin vào khả năng siêu nhiên của mình, bước tới. Thần dễ dàng chui qua lỗ, để lộ bản chất thật của mình. Manoo tuyên bố rằng ông đã nghi ngờ sự thật ngay từ đầu: vị khách không phải là người mà là một thần cây từ rừng.

Nat thừa nhận rằng thần đã rất tức giận khi người tiều phu chặt cây nơi anh cư mà không được phép. Manoo đồng ý rằng người tiều phu đã hành động sai trái, nhưng ông cũng nhắc nhở thần Nat rằng gây đau khổ cho những người vô tội không phải là giải pháp. Để giải quyết vấn đề, ông hướng dẫn cặp vợ chồng treo một vỏ dừa khô ở phía đẹp nhất của túp lều để thần Nat có thể sống ở đó một cách yên bình.

Vị thần chấp nhận sự sắp xếp này. Cặp vợ chồng trở về nhà, và từ đó trở đi, người dân ở Miến Điện bắt đầu treo dừa khô trong nhà để che chở cho các phi như lang thang – một truyền thống vẫn còn tiếp tục cho đến ngày nay.

Truyện này nói rằng vẫn đang có những chúng sinh đang sống bên cạnh và chung quanh chúng ta mà chúng ta không thấy bằng mắt thường.

.... O

1. The Spirit in the Tree

In old Burmese belief, every large tree shelters a spirit called a Nat. Before anyone cuts a tree, they must ask the spirit for permission. One day, a woodcutter ignored this rule. He chopped down a tree without a word of warning. The Nat who lived inside felt deeply offended and decided to take revenge.

The spirit transformed himself into the exact likeness of the woodcutter—same face, same clothes, same voice. At dusk, he arrived at the woodcutter's small hut deep in the forest. The woodcutter's wife was cooking rice, their baby slept in a hanging cradle, and their young son was cutting plantain leaves. She welcomed the man she believed to be her husband, and they shared a simple evening meal. Everything seemed ordinary.

But later that night, the real woodcutter returned home, calling out from the darkness. The wife stepped outside and saw another man—identical in every detail—walking toward her. When both men stood inside the hut, she could not tell them apart. Each claimed to be her true husband. Even when she examined them closely, they looked exactly the same, down to the same scars and marks on their bodies. Confused and frightened, she suggested they seek help from Manoo, the wisest judge in the kingdom.

The three of them traveled through the forest until they reached Manoo's court. After hearing their story, the judge realized that ordinary methods would not solve this mystery. The next day, he placed a wooden wheel with a very small opening in the center of the courtroom. He announced that whoever could pass through the hole would be recognized as the real husband.

The woodcutter protested, knowing no human could fit through such a tiny space. But the Nat, confident in his supernatural abilities, stepped forward. He slipped through the hole easily, revealing his true nature. Manoo declared that he had suspected the truth all along: the visitor was not a man but a spirit from the forest.

The Nat admitted that he had been angered when the woodcutter destroyed his tree without permission. Manoo agreed that the woodcutter had acted wrongly, but he also reminded the Nāt that causing suffering to innocent people was not the answer. As a solution, he instructed the couple to hang a dried coconut shell on the best side of their hut so the Nāt could live there peacefully.

The spirit accepted this arrangement. The couple returned home, and from that time on, people in Burma began hanging dried coconuts in their houses to offer shelter to wandering spirits—a tradition that continues even today.

This story suggests that there are still living beings beside and around us that we cannot see with our naked eyes.

.... O

2. Vị vua đòi một đại dương sữa

Ngày xưa ngày xưa, vị vua trẻ của xứ Amarapoora sống trong sự xa hoa tột bậc. Cung điện của ông được làm bằng pha lê, bao quanh bởi những khu vườn đẹp đến nỗi không từ ngữ nào có thể diễn tả được. Ông sở hữu của cải, châu báu, người hầu, vũ công, nhạc công và những người vợ đến từ nhiều vùng đất. Thần dân yêu mến ông, và các vị quan của ông thì trung thành và khôn ngoan. Không gì làm phiền ông, và không gì bị từ chối đối với ông.

Tuy nhiên, bất chấp tất cả sự giàu có đó, nhà vua vẫn cảm thấy trống rỗng. Mọi thú vui đều khiến ông chán nản. Mọi món quà, mọi màn trình diễn, mọi kho báu chỉ làm sâu thêm sự mệt mỏi của ông. Ông chưa từng thấy đau khổ hay gian truân, và bởi vì cuộc sống của ông chỉ toàn là sự thoải mái, ông không còn biết mình muốn gì nữa. Ngay cả những thứ tốt đẹp nhất cũng trở nên tẻ nhạt đối với ông.

Để mua vui cho ông, người dân đã tìm kiếm khắp vương quốc những người kể chuyện, vũ công, người tung hứng và những người bạn đồng hành thông minh. Nhiều người đã cố gắng làm ông vui vẻ, nhưng ông nhanh chóng chán ngán tất cả. Ông khao khát một điều gì đó mới mẻ.

Một ngày nọ, một lữ khách từ Ấn Độ đến với một trò chơi gọi là cờ vua. Ban đầu, lính canh cung điện chế nhạo ông, nhưng cuối cùng ông cũng được đưa ra trước mặt nhà vua. Nhà vua bị cuốn hút bởi trò chơi này và dành toàn bộ thời gian để chơi. Người thầy Ấn Độ nhanh chóng được nhà vua sủng ái, điều này gây ra sự ghen tị trong số các quan lại Miến Điện.

Nhưng chẳng bao lâu sau, nhà vua lại cảm thấy nhàm chán. Một người nước ngoài khác, Nicomar, đến với những lá bài và xúc xắc được vẽ – những trò chơi mà nhà vua chưa từng thấy trước đây. Nhà vua bỏ cờ vua và dành toàn bộ thời gian cho trò tiêu khiển mới này. Nicomar trở thành người được nhà vua sủng ái nhất, mặc dù ông thàm sợ tính khí khó đoán của nhà vua.

Nhà vua bắt đầu đặt cược những khoản tiền khổng lồ vào các trò chơi, buộc Nicomar phải thực hiện những nhiệm vụ mà người bình thường không thể làm được. Nicomar sống trong lo lắng thường trực, luôn cố gắng nghĩ ra những cách mới để làm hài lòng những ý thích bất chợt của nhà vua.

Rồi một buổi tối nọ, nhà vua đưa ra một yêu cầu chưa từng có. Ông tuyên bố rằng ông không còn muốn một biển nước nữa. Ông muốn toàn bộ đại dương được lấp đầy bằng sữa – và ông ra lệnh cho Nicomar phải thực hiện điều đó trong vòng mười bốn ngày. Nếu Nicomar thành công, ông sẽ nhận được sự giàu có và quyền lực không tưởng. Nếu thất bại, ông ta sẽ chết trong sự già yếu và khủng khiếp.

Nicomar kinh hãi. Ông biết nhiệm vụ này là bất khả thi. Ông cầu nguyện, tham khảo ý kiến các bậc hiền triết, tìm kiếm điềm báo, và lang thang khắp vùng quê trong tuyệt vọng. Sau nhiều ngày lang thang vô vọng, ông đến một con sông nơi một nhóm dân làng Miến Điện đang cố gắng vượt sông. Một chàng trai trẻ tỏ ra vô cùng thông minh, và Nicomar, tuyệt vọng tìm kiếm sự giúp đỡ, đã kể cho anh ta toàn bộ câu chuyện.

Chàng trai trẻ lắng nghe cẩn thận và đồng ý giúp đỡ, chỉ yêu cầu một nửa phần thưởng tương lai của Nicomar và gả con gái ông ta. Nicomar chấp nhận ngay lập tức.

Vào ngày thứ mười bốn, Nicomar trở về cung điện. Khi nhà vua hỏi liệu ông đã hoàn thành nhiệm vụ chưa, Nicomar trả lời rằng ông đã sẵn sàng đổ đầy biển bằng sữa—nhưng chỉ sau khi nhà vua lấy hết nước đi trước, vì ông không được lệnh tự mình làm phần việc đó.

Cả triều đình im lặng, không chắc nhà vua sẽ phản ứng thế nào. Nhưng sau một hồi im lặng, nhà vua mỉm cười. Mặc dù ông thường vô lý, nhưng ông không tàn nhẫn, và ông nhận ra rằng Nicomar đã thông minh hơn ông.

Nhà vua thừa nhận rằng biển đã tồn tại từ rất lâu trước khi bất kỳ ai trong số họ được sinh ra và sẽ vẫn tồn tại rất lâu sau khi họ biến mất. Mệnh lệnh bất khả thi đó đã bị thu hồi, và mạng sống của Nicomar được tha.

Truyện này nói rằng lòng tham có thể dẫn tới những ước muốn vô độ, và không thể thực hiện.

.... O

2. The King Who Wanted an Ocean of Milk

Long ago, the young King of Amarapoora lived in extraordinary luxury. His palace was made of crystal, surrounded by gardens so beautiful that words could not describe them. He possessed wealth, jewels, servants, dancers, musicians, and wives from many lands. His people adored him, and his ministers were loyal and wise. Nothing troubled him, and nothing was denied to him.

Yet, despite all this abundance, the King felt empty. Every pleasure bored him. Every gift, every performance, every treasure only deepened his weariness. He had never seen suffering or hardship, and because his life was filled only with comfort, he no longer knew what to desire. Even the finest things felt dull to him.

To entertain him, people searched the kingdom for storytellers, dancers, jugglers, and clever companions. Many tried to amuse him, but he quickly grew tired of them all. He longed for something new.

One day, a traveler from India arrived with a game called chess. At first, the palace guards mocked him, but eventually he was brought before the King. The King became fascinated with the game and spent all his time playing it. The Indian teacher rose quickly in royal favor, which caused jealousy among the Burmese ministers.

But soon the King grew bored again. Another foreigner, Nicomar, arrived with painted cards and dice—games the King had never seen before. The King abandoned chess and devoted himself entirely to this new amusement. Nicomar became the new favorite, though he secretly feared the King's unpredictable nature.

The King began placing impossible bets on the games, forcing Nicomar to perform tasks that no ordinary person could accomplish. Nicomar lived in constant anxiety, always trying to invent new ways to satisfy the King's whims.

Then one evening, the King made a demand unlike any before. He declared that he no longer wanted a sea of water. He wanted the entire ocean to be filled with milk—and he ordered Nicomar to make it happen within fourteen days. If Nicomar succeeded, he would receive unimaginable wealth and power. If he failed, he would die in terrible torment.

Nicomar was horrified. He knew the task was impossible. He prayed, consulted wise men, searched for signs, and wandered the countryside in despair. After days of hopeless wandering, he reached a river where a group of Burmese villagers were trying to cross. One young man showed unusual cleverness, and Nicomar, desperate for help, told him the whole story.

The young man listened carefully and agreed to help, asking only for half of Nicomar's future reward and the hand of his daughter. Nicomar accepted at once.

On the fourteenth day, Nicomar returned to the palace. When the King asked if he had completed the task, Nicomar replied that he was ready to fill the sea with milk—but only after the King removed all the water first, since he had not been ordered to do that part himself.

The court fell silent, unsure how the King would react. But after a long pause, the King smiled. Though he was often unreasonable, he was not cruel at heart, and he recognized that Nicomar had outwitted him.

He admitted that the sea existed long before any of them were born and would remain long after they were gone. The impossible command was withdrawn, and Nicomar's life was spared.

This story suggests that greed can lead to insatiable and unfulfilled desires.

.... O

3. Hoàng tử Ếch xứ Lai Hka

Ngày xưa ngày xưa, ở nước Lai Hka, có một người phụ nữ vô cùng sùng đạo. Mỗi sáng, nữ cư sĩ dâng cúng bữa cơm ngon nhất cho các nhà sư, mỗi tối mang những bông hoa tươi nhất đến tu viện, và luôn tham gia các lễ hội lớn với lòng thành kính. Nhưng lòng bà nặng trĩu vì không có con. Mỗi năm, vào dịp Lễ hội Ánh sáng, bà thả một ngọn nến nhỏ trôi xuống sông và cầu nguyện xin con trai, nhưng điều ước của bà chưa bao giờ thành hiện thực.

Cuối cùng, bà đến một ngôi chùa xa xôi, nơi người ta nói rằng một vị thần quyền năng có thể ban cho bất kỳ điều ước nào. Bà mang lễ vật đến và cầu nguyện xin con. Vua trời Sa Kyah, người cai quản các vị thần trên trời, nghe thấy lời cầu nguyện của bà và hứa sẽ ban cho bà một người con trai. Nhưng khi đứa trẻ ra đời, nó không phải là một cậu bé đẹp trai – mà là một con ếch. Người mẹ đau lòng khôn xiết, nhưng Sa Kyah an ủi bà, nói rằng con ếch thực ra là một vị thần quyền năng đội lốt và sẽ trở thành một người đàn ông đẹp trai sau một năm bảy tháng.

Dân làng chế giễu bà và gọi bà là “Mẹ Ếch”, nhưng bà chịu đựng sự tàn nhẫn của họ trong im lặng.

Vua của vùng đất đó có bảy cô con gái, tất cả đều đã kết hôn trừ người con gái út. Với mong muốn bảo đảm một tương lai tốt đẹp cho con trai mình, người nữ cư sĩ đã mạnh dạn xin nhà vua gả cô con gái út cho con ếch. Nhà vua vô cùng tức giận nhưng giả vờ đồng ý. Vua đưa ra một điều kiện bất khả thi: bà phải xây dựng một con đường lát đá hoàn hảo từ chợ đến cung điện, trang trí bằng tre sơn màu, và hoàn thành trong vòng bảy ngày. Nếu thất bại, bà sẽ phải chết.

Người nữ cư sĩ đáng thương trở về nhà trong tuyệt vọng. Bà giấu nỗi buồn của mình với con trai cho đến ngày thứ sáu, khi cuối cùng bà thú nhận rằng mình sẽ bị hành quyết vào sáng hôm sau. Bà chuẩn bị những lễ vật đơn giản và cầu nguyện tha thiết với vua trời Sa Kyah để được giúp đỡ.

Đêm đó, thần Sa Kyah nghe thấy con ếch – chính con trai mình – cầu xin lòng thương xót. Thần đã phái bốn vị thần quyền năng đến xây dựng con đường. Đến rạng sáng, một con đường cao tốc tráng lệ trải

dài từ chợ đến cung điện, hoàn chỉnh với vỉa hè lát đá, chạm khắc sư tử, nhà nghỉ và một mái che lớn màu trắng để che nắng cho nhà vua.

Nhà vua kinh ngạc nhưng không thể phá vỡ lời hứa của mình. Nhà vua tổ chức một bữa tiệc cưới kéo dài bảy ngày cho con gái và con ếch. Nhưng sau đó, ông lại đưa đôi vợ chồng đến sống trong căn nhà tồi tàn nơi con ếch được sinh ra.

Không lâu sau, sáu người con gái lớn của nhà vua tham dự một lễ hội lớn, cưới trên những con voi hoàng gia. Họ ghé thăm nhà em gái út, nhưng cô quá xấu hổ nên không dám đi cùng. Chồng cô, vẫn là một con ếch, an ủi cô và hứa rằng một ngày nào đó cô sẽ thấy những người chị kiều hãnh của mình cúi đầu trước cô.

Vua trời Sa Kyah lại thương xót. Thần xuống trần gian với y phục trắng sáng và một viên đá thần kỳ cho phép đôi vợ chồng bay lên. Ngày hôm sau, trong lễ hội đua ngựa và biểu diễn lớn, hai vị thần rạng rỡ xuất hiện từ trên trời. Mọi người quỳ xuống trước mặt họ, tin rằng họ là các vị thần trên trời. Các công chúa dâng thức ăn, nhưng các vị thần từ chối ăn những gì họ mang đến. Sau đó, người em gái út tiết lộ rằng cô và chồng mình chính là hai vị thần rạng rỡ đó, chứng minh bản chất thần thánh của chồng cô.

Để nâng cao thử thách, nhà vua loan báo tổ chức một cuộc đua thuyền hoàng gia. Người chiến thắng sẽ trở thành vua, còn người về cuối sẽ trở thành người hầu của người chiến thắng. Sáu nàng công chúa chuẩn bị những chiếc thuyền lộng lẫy, trong khi người em gái út thì không có. Nhưng vào ngày đua, một chiếc thuyền thứ bảy xuất hiện—được Sa Kyah phái đến và được chèo bởi mười sáu vị thần.

Chiếc thuyền thần kỳ bay vút trên mặt nước, hoàn thành toàn bộ chặng đua trước khi những chiếc thuyền khác đến được điểm giữa. Ngay lúc đó, thời gian biến hình của con ếch kết thúc. Nó trở thành người đàn ông đẹp trai nhất vùng đất, mặc y phục thần thánh và đội vương miện vàng. Nhà vua cuối cùng cũng hiểu ra sai lầm của mình và cúi đầu trước chàng trai.

Tân vương Khit vừa lộ diện không tìm cách trả thù. Thay vì trừng phạt những người chị gái độc ác và chồng của họ, ngài đã phong họ làm tể tướng. Lòng tốt và quyền năng của ngài trở nên huyền thoại, và người Shan ở vùng đồi núi và sông nước vẫn tôn kính Sau Maha Khit vì câu chuyện này.

Truyện này cho thấy người nữ cư sĩ thương con đã sống giới hạnh, bố thí, cúng dường để vun trồng phước đức cho con, và hy vọng chư thiên sẽ giúp con mình thành công.

.... O

3.The Frog Prince of Lai Hka

Long ago in the State of Lai Hka, there lived a deeply devout woman. She offered the best rice to the monks each morning, brought the freshest flowers to the monastery every evening, and always joined the great festivals with sincere devotion. Yet her heart was heavy, for she had no child. Each year, during the Festival of Lights, she sent a small candle floating down the river and prayed for a son, but her wish never came true.

At last, she traveled to a distant pagoda where people said a powerful spirit granted any request. She brought offerings and prayed for a child. Lord Sa Kyah, ruler of the celestial beings, heard her prayer and promised her a son. But when the child was born, he was not a beautiful boy—he was a frog. The mother was heartbroken, but Sa Kyah comforted her, saying that the frog was actually a great spirit in disguise and would become a handsome man after one year and seven months.

The villagers mocked her and called her “Frog’s Mother,” but she endured their cruelty in silence.

The king of the land had seven daughters, all married except the youngest. Hoping to secure a good future for her son, the woman boldly asked the king to give this daughter in marriage to the frog. The king was furious but pretended to agree. He set an impossible condition: she must build a perfectly paved road from the market to the palace, decorated with painted bamboo, and finish it within seven days. If she failed, she would die.

The poor woman returned home in despair. She hid her sorrow from her son until the sixth day, when she finally confessed that she would be executed the next morning. She prepared simple offerings and prayed desperately to Lord Sa Kyah for help.

That night, Sa Kyah heard the frog—his own son—begging for mercy. He sent four powerful spirits to build the road. By dawn, a magnificent highway stretched from the market to the palace, complete with stone pavements, lion carvings, resting houses, and a great white canopy to shade the king.

The king was astonished but could not break his promise. He held a seven-day wedding feast for his daughter and the frog. Yet afterward, he sent the couple to live in the humble house where the frog had been born.

Soon after, the king’s six older daughters attended a grand festival, riding on royal elephants. They stopped by their youngest sister’s house, but she was too ashamed to join them. Her husband, still a frog, comforted her and promised that she would one day see her proud sisters bow before her.

Lord Sa Kyah took pity again. He descended to earth with shining white garments and a magic stone that allowed the couple to fly. The next day, during the great festival of races and performances, two radiant beings appeared from the sky. Everyone knelt before them, believing they were celestial lords. The princesses offered food, but the spirits refused to eat what they brought. Later, the youngest sister revealed that she and her husband had been the shining visitors, proving her husband’s divine nature.

To increase the challenge, the king announced a royal boat race. The winner would become king, and the last-place finisher would become the winner’s servant. The six princesses prepared splendid boats, while the youngest sister had none. But on the day of the race, a seventh boat appeared—sent by Sa Kyah and rowed by sixteen spirits.

The magic boat flew across the water, finishing the entire course before the others reached the halfway point. At that very moment, the frog’s time of transformation ended. He became the most handsome man in the land, wearing celestial garments and a golden crown. The king finally understood his mistake and bowed before him.

The newly revealed Lord Khit did not seek revenge. Instead of punishing his unkind sisters and their husbands, he made them his ministers. His kindness and power became legendary, and the Shans of the hill and water country still honor Sau Maha Khit because of this story.

This story shows how a devout laywoman, out of love for her child, lived a virtuous life, practiced charity, and made offerings to cultivate merit for her child, hoping that the celestial beings would help her child succeed.

.... 0

4. Con Ngựa Được Trao Cho Bảy Năm

Ngày xưa ngày xưa, tại vương quốc đảo Ceylon (nước Tích Lan cổ xưa), có một vị vua thiếu sự hiểu biết thông thường. Trong cùng vương quốc đó, có một vị hiền triết Paṇḍitayā, một học giả nổi tiếng khắp nơi vì trí tuệ uyên bác của mình. Mọi người vô cùng ngưỡng mộ Paṇḍitayā, trong khi nhà vua lại ít được tôn trọng vì hành vi ngu ngốc của mình. Nhà vua nhận thấy sự khác biệt này và trở nên ghen tị. Sự ghen tị của ông dần biến thành mong muốn tiêu diệt người đàn ông thông thái.

Nhà vua có một con ngựa trắng tuyệt đẹp, con vật mà ông yêu quý hơn bất cứ thứ gì khác. Một ngày nọ, quyết tâm bẫy Paṇḍitayā, vua triệu nhà hiền triết đến cung điện. Vị học giả cúi đầu trước ngai vàng, và nhà vua ra lệnh cho ông một điều bất khả thi: ông phải dạy con ngựa hoàng gia nói. Nhà vua cho ông một tuần để suy nghĩ. Nếu thất bại, ông sẽ bị xử tử.

Nhà hiền triết Paṇḍitayā trở về nhà trong tuyệt vọng. Ông sống với cô con gái duy nhất của mình, một thiếu nữ thông minh và xinh đẹp. Thấy cha mình đau khổ, nàng hỏi chuyện gì đã xảy ra. Khi ông kể cho nàng nghe yêu cầu của nhà vua, ông giải thích rằng không ai có thể dạy một con ngựa nói, và ông phải chuẩn bị cho cái chết.

Nhưng con gái ông vẫn bình tĩnh. Nàng nói với cha rằng mạng sống của cha vẫn có thể được cứu. Vào ngày đã định, nàng dặn cha nói với nhà vua rằng ông thực sự có thể dạy con ngựa nói, nhưng nhiệm vụ này sẽ cần bảy năm. Trong thời gian đó, ông phải được phép giữ con ngựa bên mình, cưỡi nó và chăm sóc nó, trong khi nhà vua tiếp tục cung cấp thức ăn cho con vật. “Trong bảy năm,” nàng nói, “nhiều chuyện có thể xảy ra.”

Nhà hiền triết Paṇḍitayā làm theo lời khuyên của nàng. Cuối tuần, ông trở về cung điện và tuyên bố rằng ông có thể dạy con ngựa nói, nhưng chỉ khi có thời gian và điều kiện thích hợp. Nhà vua, vui mừng trước ý tưởng sở hữu một con ngựa biết nói, lập tức đồng ý.

Vì vậy, người Paṇḍitayā đưa con ngựa trắng về nhà và chăm sóc nó với chi phí của nhà vua. Nhiều năm trôi qua. Trước khi thời hạn bảy năm kết thúc, vị vua ngu ngốc đã băng hà. Mệnh lệnh bất khả thi bị lãng quên, và con ngựa ở lại với vị hiền triết Paṇḍitayā cho đến hết đời.

Truyện này cho thấy người sống với lòng ghen tị sẽ đòi hỏi những chuyện vô lý, trong khi bậc trí tuệ sống biết đủ và thích ứng với luật vô thường.

.... O

4.The Horse Who Was Given Seven Years

Long ago in the island kingdom of Ceylon, there lived a King who lacked ordinary common sense. In the same kingdom lived a Paṇḍitayā, a scholar known everywhere for his deep wisdom. People admired the Paṇḍitayā greatly, while the King received little respect because of his foolish behavior. The King noticed this difference and became jealous. His jealousy slowly turned into a desire to destroy the wise man.

The King owned a magnificent white horse, the animal he loved more than anything else. One day, determined to trap the Paṇḍitayā, he summoned him to the palace. The scholar bowed before the throne, and the King gave him an impossible command: he must teach the royal horse to speak. The King allowed him one week to think about it. If he failed, he would be executed.

The Paṇḍitayā returned home in despair. He lived with his only daughter, a young woman of great intelligence and beauty. Seeing her father's sorrow, she asked what had happened. When he told her the King's demand, he explained that no one could teach a horse to speak, and that he must prepare for death.

But his daughter remained calm. She told him that his life could still be saved. On the appointed day, she instructed him to tell the King that he could indeed teach the horse to speak, but that the task would require seven full years. During that time, he must be allowed to keep the horse with him, ride it, and care for it, while the King continued to provide food for the animal. "In seven years," she said, "many things may happen."

The Paṇḍitayā followed her advice. At the end of the week, he returned to the palace and declared that he was able to teach the horse to speak, but only with time and proper conditions. The King, delighted by the idea of owning a talking horse, immediately agreed.

So the Paṇḍitayā took the white horse home and cared for it at the King's expense. Years passed. Before the seven-year period was over, the foolish King died. The impossible command was forgotten, and the horse remained with the wise Paṇḍitayā for the rest of his life.

This story illustrates that those consumed by envy will demand unreasonable things, while wise people live contentedly and adapt to the law of impermanence.

.... O

5. Con Mèo Giả Vờ Giữ GiỚI

Ngày xưa ngày xưa, có một con Mèo ranh mãnh nhưng xảo quyệt lang thang gần một ngôi làng. Một ngày nọ, nó phát hiện một con cá phơi khô giấu trong bao gạo. Khi nó định ăn trộm, một chuỗi tràng hạt treo gần đó tuột xuống và rơi vào cổ nó. Con Mèo không tháo nó ra. Thay vào đó, nó tự hào bước đi trên cổ.

Trên đường đi, một con Gà Rừng nhìn thấy nó và lập tức bỏ chạy trong sợ hãi. Con Mèo, nhận thấy phản ứng của nó, giả vờ là người thánh thiện. Nó tự xưng là người giữ giới do Phật ban dạy, và mời con Gà đang sợ hãi đi theo mình. Tin lời nó, con Gà đi theo.

Chẳng bao lâu sau, chúng gặp một con Chim Cúc Cu Đất. Con Mèo lặp lại trò cũ, nói rằng nó đang giữ giới thiêng liêng và con chim nên đi cùng chúng. Chim Cúc đi theo.

Sau đó, chúng gặp một con Thỏ. Con Mèo lại giả vờ là người giữ giới đức hạnh và thuyết phục con Thỏ đi theo chúng. Cả ba cùng nhau đi bộ cho đến khi đến một hang đá, nơi Mèo tuyên bố là nơi ở của chúng, giống như một tu viện nhỏ.

Vừa vào trong, Mèo bắt đầu buộc tội những con vật khác làm điều sai trái. Đầu tiên, nó cáo buộc Gà Rừng đã cào xới đất làm ô uế hang động. Thỏ, không hiểu ý của Mèo, đồng ý rằng đó là hành vi xấu. Mèo lập tức giết chết Gà và hỏi liệu ăn thịt một con vật đã chết có sai không. Khi Thỏ nói rằng không có gì sai, Mèo đã ăn thịt Thỏ.

Sau đó, Mèo buộc tội Chim Cúc uống quá nhiều rượu cọ, nói rằng đôi mắt đỏ của nó là bằng chứng. Nó lại tuyên bố rằng hành vi như vậy đã vi phạm sự thanh tịnh của nơi ở của chúng. Không chút do dự, nó giết chết Chim Cúc và ăn thịt nó.

Cuối cùng, Mèo quay sang Thỏ. Nó buộc tội Thỏ đã làm ô uế hang động bằng cách thải phân. Thỏ, nhận ra nguy hiểm, giả vờ chấp nhận số phận của mình. Nó nói rằng trước khi bị giết, nó phải thực hiện hai điều nhảy truyền thống: một điều phi nước đại nhỏ và một điều phi nước đại lớn. Con Mèo, nghĩ rằng điều này vô hại, đã để yên.

Con Thỏ chạy nhanh quanh hang và thông báo rằng cuộc chạy nước rút nhỏ đã kết thúc. Sau đó, nó lại chạy, nhảy qua đầu con Mèo và thoát ra khỏi hang. Khi chạy vào rừng, nó hét lên rằng cuộc chạy nước rút lớn đã hoàn thành.

Con Mèo, bị bỏ lại phía sau và bị đánh lừa, không thể làm gì ngoài việc nhìn con Thỏ biến mất vào nơi an toàn.

Truyện cổ Tích Lan này nói rằng người giả vờ giữ giới của Phật ban ra không thể lừa gạt tất cả mọi người được.

.... O

5. The Cat Who Pretended to Keep the Precepts

Long ago, there was a clever but deceitful Cat who wandered near a village. One day, he discovered a sun-dried fish hidden inside a bag of rice. As he tried to steal it, a rosary hanging nearby slipped and fell around his neck. The Cat did not remove it. Instead, he proudly walked away wearing it.

As he traveled, a Jungle Hen saw him and immediately ran in fear. The Cat, noticing her reaction, pretended to be holy. He claimed to be a guardian of the Buddha's Precepts and invited the frightened Hen to follow him. Believing him, she went along.

Soon they met a Ground Cuckoo. The Cat repeated the same trick, saying he was keeping the sacred Precepts and that the bird should join them. The Cuckoo followed.

Later they met a Hare. The Cat again pretended to be a virtuous keeper of the Precepts and persuaded the Hare to come with them. Together they all walked until they reached a rock cave, which the Cat declared to be their dwelling place, like a small monastery.

Once inside, the Cat began to accuse the others of wrongdoing. He first claimed that the Jungle Hen had scratched the ground and made the cave impure. The Hare, not understanding the Cat's intentions, agreed that this was bad behavior. The Cat immediately killed the Hen and then asked if it was wrong to eat an animal that was already dead. When the Hare said there was no fault in it, the Cat ate her.

Later, the Cat accused the Ground Cuckoo of drinking too much palm liquor, saying its red eyes were proof. Again he declared that such behavior violated the purity of their dwelling. Without hesitation, he killed the Cuckoo and ate it as well.

Finally, the Cat turned to the Hare. He accused the Hare of defiling the cave by dropping dung. The Hare, realizing the danger, pretended to accept his fate. He said that before being killed, he must perform two traditional dances: a small gallop and a great gallop. The Cat, thinking this was harmless, allowed it.

The Hare ran quickly around the cave and announced that the small gallop was done. Then he ran again, leapt over the Cat's head, and escaped out of the cave. As he fled into the forest, he shouted that the great gallop was complete.

The Cat, left behind and outwitted, could do nothing but watch the Hare disappear into safety.

This Ceylon folk tale says that someone who pretends to keep the precepts given by the Buddha cannot deceive everyone.

.... O

6. Tảng Đá Yên Tĩnh

Ngày xưa ngày xưa, ở vùng đất Laṅkā, có một khu rừng rộng lớn và hoang dã. Voi lang thang giữa những tán cây, gấu tìm kiếm thức ăn, báo di chuyển lặng lẽ trong bóng tối, và nhiều loài khỉ cùng các loài thú rừng khác sinh sống ở đó. Cuộc sống trong rừng đầy rẫy nguy hiểm, và mọi sinh vật đều phải nhanh nhẹn và cảnh giác để tồn tại.

Ở giữa khu rừng này, có một tảng đá lớn sừng sững giữa một khoảng đất trống. Một điều kỳ lạ xảy ra mỗi khi một con vật đuổi theo một con vật khác. Khi con vật hoảng sợ chạy về phía tảng đá, ngay khi nó đến được khoảng đất trống, tình thế đảo ngược. Kẻ săn mồi đột nhiên quay đầu bỏ chạy trong sợ hãi, và con mồi bắt đầu đuổi theo kẻ săn mồi. Chính vì điểm ngoặt kỳ lạ và yên bình này, tảng đá được biết đến với tên gọi "Tảng Đá Yên Tĩnh".

Một ngày nọ, một người thợ đan rổ đi vào rừng để chặt tre làm việc. Trong khi đang chặt tre, anh ta nhìn thấy một con chó rừng đang đuổi theo một con thỏ dọc theo một con đường hẹp. Con thỏ chạy

thục mạng về phía tảng đá. Nhưng ngay khi đến được bãi đất trống, con chó rừng đột nhiên quay đầu bỏ chạy, và con thỏ rừng tự tin đuổi theo.

Người thợ đan rổ kinh ngạc. Ông quan sát kỹ nơi đó và nhận ra rằng tảng đá này có một sức mạnh đặc biệt. Ông vội vã đến gặp nhà vua và kể lại tất cả những gì mình đã chứng kiến.

Nhà vua tin rằng một nơi mà nỗi sợ hãi biến thành lòng dũng cảm hẳn là nơi của chiến thắng và may mắn. Ông đích thân đến khu rừng, nhìn thấy bãi đất trống, và quyết định xây dựng một thành phố ở đó. Ông biến nơi đó thành kinh đô và đặt tên là Senkadagala, tên cổ của thành phố ngày nay được biết đến là Kandy.

Kandy sau này trở thành một trong những thành phố quan trọng nhất ở Sri Lanka. Đây là kinh đô cuối cùng của các vị vua Sinhalese từ năm 1469 đến năm 1818. Được bao quanh bởi những ngọn đồi và giàu văn hóa, thành phố nổi tiếng với kiến trúc và truyền thống. Ngôi đền Xá lợi Răng Phật, một trong những địa điểm được tôn kính nhất trong thế giới Phật giáo, nằm ở đó. Năm 1988, UNESCO đã công nhận Kandy là Di sản Thế giới.

Trải qua nhiều thế kỷ, thành phố này đã được biết đến với nhiều tên gọi khác nhau. Có người cho rằng nó từng được gọi là Katubulu Nuwara. Những người khác lại tin rằng cái tên Senkadagala xuất phát từ một vị Bà La Môn tên là Senkanda sống trong một hang động gần đó, hoặc từ một nữ hoàng cùng tên, hoặc thậm chí từ một loại đá màu được tìm thấy trong vùng. Dù nguồn gốc thế nào, cái tên này đều phản ánh lịch sử lâu đời và vẻ đẹp trường tồn của thành phố.

.... O

6.The Rock of Tranquillity

Long ago in the land of Lan̄kā, there was a vast and wild forest. Elephants wandered through the trees, bears searched for food, leopards moved silently in the shadows, and many kinds of monkeys and jungle animals lived there. Life in the forest was full of danger, and every creature had to be quick and alert to survive.

In the middle of this forest stood a large rock in an open clearing. Something unusual happened whenever one animal chased another. As the frightened animal ran toward the rock, the moment it reached the clearing, the situation reversed. The hunter suddenly turned back in fear, and the prey began to chase the hunter. Because of this strange and peaceful turning point, the rock became known as “The Rock of the Place of Tranquillity.”

One day, a Basket-mender entered the forest to cut bamboo for his work. While he was gathering bamboo, he saw a jackal chasing a hare along a narrow path. The hare ran desperately toward the rock. But as soon as it reached the clearing, the jackal suddenly turned around and fled, and the hare ran after it with confidence.

The Basket-mender was amazed. He examined the place carefully and realized that this rock had a special power. He hurried to the King who ruled the land and told him everything he had witnessed.

The King believed that a place where fear turned into courage must be a place of victory and good fortune. He went to the forest himself, saw the clearing, and decided to build a city there. He made it his royal capital and named it Senkadagala, the ancient name of what is now known as Kandy.

Kandy later became one of the most important cities in Sri Lanka. It was the last capital of the Sinhalese kings from 1469 to 1818. Surrounded by hills and rich in culture, it became famous for its architecture and traditions. The sacred **Temple of the Tooth Relic**, one of the most revered sites in the Buddhist world, stands there. In 1988, UNESCO declared Kandy a World Heritage Site.

Over the centuries, the city has been known by many names. Some say it was once called Katubulu Nuwara. Others believe the name Senkadagala came from a Brahmin named Senkanda who lived in a nearby cave, or from a queen with the same name, or even from a colored stone found in the region. Whatever its origin, the name reflects the city's long history and enduring beauty.

.... O

7. Những Viên Gạch Bạc

Ngày xưa ngày xưa, tại một thành phố lớn ở tây bắc Trung Quốc, có một thương gia tên là Meng. Mọi người đều ngưỡng mộ ông. Ông đã vươn lên từ một người khuân vác nghèo khó trở thành người giàu nhất vùng, nhưng tấm lòng ông không hề thay đổi. Ông giúp đỡ người nghèo, cứu giúp các góa phụ, hỗ trợ các chủ cửa hàng đang gặp khó khăn và cho đi một cách hào phóng mà không bao giờ mong đợi phần thưởng. Lòng tốt của ông nổi tiếng khắp nơi, vượt xa cả thành phố.

Meng có một người con trai, Chin, người mà ông yêu thương sâu sắc. Khi Chin đến tuổi trưởng thành, một gia đình quý tộc từ thành phố khác đến hỏi, xin chàng Chin cưới con gái xinh đẹp của họ, cô Hoa Súng. Meng vui vẻ đồng ý, tin rằng Trời đã ban phước cho gia đình mình.

Vào khoảng thời gian này, một vị sư Phật giáo cao niên, hiền lành đến nhà Meng, xin trọ vài ngày. Meng đón tiếp nhà sư nồng nhiệt, và vị sư ở lại nhiều tháng. Nhà sư là người thông thái, tốt bụng và đặc biệt yêu quý Chin. Mỗi ngày nhà sư dạy cho chàng trai trẻ những tư tưởng cao quý, và đôi khi yêu cầu anh chôn những viên gạchngói lạ dưới sàn của những công trình trong vườn không sử dụng. Cậu Chin vâng lời vì kính trọng, mặc dù anh thấy điều đó kỳ lạ.

Một ngày nọ, vị sư tuyên bố sư phải tiếp tục cuộc hành hương của mình. Meng cố gắng dâng tiền cho nhà sư, nhưng vị sư từ chối và lặng lẽ rời đi. Không ai biết rằng nhà sư thực chất là từ một cõi trời đến để bảo vệ gia đình Meng khỏi tai họa trong tương lai.

Không lâu sau, tai họa ập đến. Một số công ty lớn phá sản, nợ Meng những khoản tiền khổng lồ. Chỉ sau một đêm, ông Meng phá sản. Cú sốc làm suy yếu sức khỏe của ông Meng, và ông ta qua đời, để lại vợ con trong đau buồn và nghèo khó.

Cậu Chin quyết định đến thăm cha của Hoa Súng, hy vọng nhận được lòng thương xót. Nhưng khi đến nơi, cổng đã đóng. Người đàn ông giàu có từ chối gặp Chin, xấu hổ khi có liên hệ với một gia đình đã phá sản. Đau lòng, chàng Chin trở về nhà.

Tuy nhiên, cô Hoa Súng vẫn trung thành. Khi biết cha mình đối xử với Chin như thế nào, nàng từ chối kết hôn với bất kỳ ai khác. Khi thân phụ cứ khăng khăng, nàng đã cải trang thành một người ăn xin bán thiu và bỏ nhà ra đi. Suốt nhiều tháng, nàng lang thang một mình, chịu đói khát và gian khổ, cho đến khi cuối cùng nàng đến được căn nhà nghèo nàn của Chin. Mẹ của Chin đón tiếp nàng bằng lòng tốt, và cô Hoa Súng đã tiết lộ thân phận thật của mình. Gia đình đoàn tụ, nhưng họ vẫn không có gì để sống.

Họ quyết định bán những công trình trong vườn không dùng đến. Khi Chin đến xem xét, anh nhận thấy có thứ gì đó lấp lánh trong đất. Đào sâu hơn, anh tìm thấy một trong những viên gạch mà nhà sư già đã bảo anh chôn – giờ đã biến thành bạc nguyên chất. Mọi viên gạch dưới sàn nhà đều biến đổi theo cùng một hướng.

Chin mang báu vật về nhà và nhận ra mình đột nhiên trở thành triệu phú. Nhà sư trên trời đã chuẩn bị phép màu này từ rất lâu trước khi Meng sa ngã. Qua món quà này, chư thiên đã tôn vinh lòng từ bi suốt đời của Meng và giúp gia đình ông trở nên thịnh vượng hơn trước.

Và thế là Chin, mẹ anh và cô Hoa Súng lại sống sung túc, luôn ghi nhớ rằng lòng tốt chân thành không bao giờ bị chư thiên bỏ qua.

Truyện này còn có một ý nghĩa của Thiền Tông, rằng các mảnh ngói nhỏ chôn xuống đất sẽ tới một lúc hóa thành kho tàng có nghĩa là: những thiện ý gieo vào đất tâm tương lai sẽ trở thành kho tàng quý báu.

.... 0

7. The Silver Tiles

Long time ago, in a great city of northwest China lived a merchant named Meng. Everyone admired him. He had risen from a poor porter to the richest man in the region, but his heart never changed. He helped the poor, rescued widows, supported struggling shopkeepers, and gave generously without ever seeking reward. His kindness became famous far beyond the city.

Meng had one son, Chin, whom he loved deeply. When Chin came of age, a noble family from another city asked to betroth their beautiful daughter, Water-Lily, to him. Meng happily agreed, believing Heaven had blessed his family.

Around this time, a gentle old Buddhist priest arrived at Meng's door, asking for a few days' lodging. Meng welcomed him warmly, and the priest stayed for months. He was wise, kind, and especially fond of Chin. Every day he taught the young man noble ideas, and sometimes asked him to bury strange tiles under the floors of unused garden buildings. Chin obeyed out of respect, though he found it odd.

One day the priest announced he must continue his pilgrimage. Meng tried to give him money, but the priest refused and departed quietly. No one knew he was actually a heavenly being sent to protect Meng's family from future disaster.

Soon afterward, disaster struck. Several large firms failed, owing Meng huge sums. Overnight he became bankrupt. The shock broke his health, and he died, leaving his wife and son in grief and poverty.

Chin decided to visit Water-Lily's father, hoping for compassion. But when he arrived, the gates were shut. The wealthy man refused to see him, ashamed to be connected with a ruined family. Heartbroken, Chin returned home.

Water-Lily, however, was loyal. When she learned how her father had treated Chin, she refused to marry anyone else. When he insisted, she disguised herself as a filthy beggar and fled her home. For months she wandered alone, suffering hunger and hardship, until at last she reached Chin's poor house. Chin's mother welcomed her with kindness, and Water-Lily revealed her true identity. The family was reunited, but they still had nothing to live on.

They decided to sell the unused garden buildings. When Chin went to inspect them, he noticed something shining in the dirt. Digging deeper, he found one of the tiles the priest had made him bury—now transformed into pure silver. Every tile under the floor had turned the same way.

Chin carried the treasure home and realized he was suddenly a millionaire. The heavenly priest had prepared this miracle long before Meng's downfall. Through this gift, the Gods honored Meng's lifetime of compassion and restored his family to even greater prosperity than before.

And so Chin, his mother, and Water-Lily lived in comfort again, remembering always that true kindness never goes unnoticed by Heaven.

This story also carries a Zen Buddhist meaning: that small pieces of roof tiles buried in the ground will one day turn into a treasure, meaning that good intentions sown in the soil of the heart will become a precious treasure in the future.

.... O

8. Công chúa Hase và Phước lành của Quan Âm

Nhiều năm về trước, tại kinh đô Nara cổ đại ở Nhật Bản, có một vị quan thông thái, Hoàng tử Toyonari Fujiwara, và người vợ hiền dịu, xinh đẹp của ông, Công chúa Murasaki. Họ hạnh phúc về mọi mặt ngoại trừ một điều—họ không có con. Khao khát có con gái hoặc con trai, họ hành hương đến đền thờ Bồ Tát Quan Âm, vị Nữ thần của lòng Từ Bi, cầu nguyện bằng cả tấm lòng.

Lời cầu nguyện của họ đã được đáp lại. Một cô con gái được sinh ra, và họ đặt tên cho cô là Hase-Hime, Công chúa Hase, bởi vì cô là món quà của Nữ thần. Cô lớn lên hiền lành, ngoan ngoãn và tài giỏi—đúng như ước nguyện của mẹ cô trước khi bà qua đời khi Hase-Hime mới năm tuổi.

Sau khi Công chúa Murasaki qua đời, Hoàng tử Toyonari tái hôn. Người vợ mới của ông, Công chúa Terute, ghen tuông và tàn nhẫn. Bà không thích con gái riêng của chồng chỉ vì cô không phải là con ruột của bà. Tuy nhiên, Hase-Hime vẫn kiên nhẫn, dịu dàng và hiếu thảo, không bao giờ để cho mẹ kế có lý do để phàn nàn.

Hase-Hime học nhạc, thơ và thư pháp với sự tận tâm. Năm mười hai tuổi, cô chơi đàn koto rất hay. Cô và mẹ kế được mời biểu diễn trước Hoàng đế trong Lễ hội Hoa anh đào. Hase-Hime chơi hoàn hảo, nhưng Công chúa Terute lại đàn thất bại và cảm thấy bị sỉ nhục. Khi Hoàng đế ban thưởng cho Hase-Hime, sự ghen tị của Terute càng biến thành thù hận.

Sau đó, Terute sinh một đứa con trai. Trong cay đắng, bà mẹ kế nghĩ: Giá như nàng Hase-Hime biến mất, con trai ta sẽ có được tất cả tình yêu thương của cha. Sự ghen tị của bà mẹ kế trở nên méo mó đến mức bà quyết định đầu độc cô gái. Nhưng trong lúc lo lắng, bà đã nhầm lẫn các chén rượu – và chính con trai mình đã uống phải rượu độc. Cậu bé chết trong vòng một giờ. Thay vì hối hận, Terute lại càng đổ lỗi cho Hase-Hime nhiều hơn.

Khi cô Hase-Hime mười ba tuổi, Hoàng đế lâm bệnh vì dòng nước lũ dữ dội của sông Tatsuta khiến ngài không ngủ được. Các vị sư cầu nguyện, nhưng không có gì thay đổi. Người ta xì xào bàn tán rằng Hase-Hime, vốn đã nổi tiếng là một nhà thơ tài năng, có thể làm dịu dòng sông bằng một bài thơ cầu nguyện. Hoàng đế triệu kiến cô.

Mặc dù sợ hãi, Hase-Hime đã viết một bài thơ trên giấy dát vàng và đọc to bên cạnh dòng sông đang cuộn chảy. Kỳ diệu thay, dòng nước lập tức dịu xuống. Hoàng đế bình phục và ban thưởng cho cô tước hiệu Công chúa Phó tướng, một vinh dự lớn lao đối với một người trẻ tuổi như vậy.

Sự ghen tị của Công chúa Terute giờ đây bùng cháy như lửa. Trong khi Hoàng tử Toyonari vắng mặt, bà ra lệnh cho một người hầu tên là Katoda đưa Hase-Hime đến vùng núi Hibari hẻo lánh và giết cô. Katoda bề ngoài tuân lệnh, nhưng anh biết cô gái vô tội. Thay vì làm hại cô, anh đã xây một túp lều nhỏ và cùng vợ mình bí mật chăm sóc cô.

Khi Hoàng tử Toyonari trở về nhà và biết tin con gái mình mất tích, ông đã tìm kiếm khắp nơi trong tuyệt vọng. Một ngày nọ, khi đang đi săn trên núi, ông nghe thấy một cô gái trẻ đang đọc kinh Phật trong một túp lều nhỏ. Trước sự kinh ngạc của ông, đó chính là Hase-Hime. Xúc động mạnh, cô chạy vào vòng tay cha mình, và người hầu Katoda đã kể toàn bộ sự thật.

Hoàng tử Toyonari lập tức đưa con gái về nhà. Khi Công chúa Terute nghe tin ông đã phát hiện ra tội lỗi của mình, bà đã bỏ trốn trong nhục nhã và không bao giờ xuất hiện nữa.

Katoda được ban thưởng hậu hĩnh, và Hase-Hime sống yên bình với cha mình. Sau này, cô kết hôn với một quý tộc do cha mình chọn và trở thành một người phụ nữ thông thái, mộ đạo và duyên dáng. Cô sống đến tuổi già, được mọi người kính trọng.

Tại một ngôi chùa ở Kyoto, người ta vẫn trân trọng một tác phẩm thêu chỉ sen tinh xảo được cho là do chính Công chúa Hase làm ra – một kỷ vật gợi nhớ về cô gái dịu dàng được Bồ Tát Quan Âm ban phước.

.... O

8. Princess Hase and the Blessing of Kwannon

Many years ago in the ancient capital of Nara lived a wise minister, Prince Toyonari Fujiwara, and his gentle, beautiful wife, Princess Murasaki. They were happy in every way except one—they had no child. Longing for a daughter or son, they made a pilgrimage to the temple of Hase-no-Kwannon, the Goddess of Mercy, praying with all their hearts.

Their prayers were answered. A daughter was born, and they named her Hase-Hime, the Princess of Hase, because she was the gift of the Goddess. She grew up kind, obedient, and talented—just as her mother had wished before she passed away when Hase-Hime was only five.

After Princess Murasaki's death, Prince Toyonari remarried. His new wife, Princess Terute, was jealous and cruel. She disliked her step-daughter simply because she was not her own child. Yet Hase-Hime remained patient, gentle, and dutiful, never giving her step-mother any reason to complain.

Hase-Hime studied music, poetry, and calligraphy with great dedication. By the age of twelve, she played the koto beautifully. She and her step-mother were invited to perform before the Emperor during the Cherry Blossom Festival. Hase-Hime played flawlessly, but Princess Terute failed and felt humiliated. When the Emperor rewarded Hase-Hime with gifts, Terute's jealousy grew into hatred.

Later, Terute gave birth to a son. In her bitterness she thought, If only Hase-Hime were gone, my son would have all his father's love. Her jealousy became so twisted that she decided to poison the girl. But in her nervousness she mixed up the cups—and her own child drank the poisoned wine. He died within the hour. Instead of repenting, Terute blamed Hase-Hime even more.

When Hase-Hime was thirteen, the Emperor fell ill because the roaring floodwaters of the Tatsuta River kept him from sleeping. Priests prayed, but nothing changed. People whispered that Hase-Hime, already known as a gifted poet, might be able to calm the river with a prayer-poem. The Emperor summoned her.

Though frightened, Hase-Hime wrote a poem on gold-flecked paper and read it aloud beside the raging river. Miraculously, the waters quieted at once. The Emperor recovered and rewarded her with the rank of Lieutenant-General Princess, a great honor for someone so young.

Princess Terute's jealousy now burned like fire. While Prince Toyonari was away, she ordered a servant named Katoda to take Hase-Hime into the remote Hibari Mountains and kill her. Katoda obeyed outwardly, but he knew the girl was innocent. Instead of harming her, he built a small cottage and, with his wife, cared for her in secret.

When Prince Toyonari returned home and learned that his daughter had vanished, he searched everywhere in despair. One day, while hunting in the mountains, he heard a young girl reading Buddhist scriptures in a tiny cottage. To his astonishment, it was Hase-Hime. Overcome with emotion, she ran into his arms, and Katoda told the whole truth.

Prince Toyonari brought his daughter home at once. When Princess Terute heard he had discovered her crime, she fled in disgrace and was never seen again.

Katoda was richly rewarded, and Hase-Hime lived peacefully with her father. Later, she married a nobleman chosen by her father and became known as a wise, devout, and gracious lady. She lived to old age, honored by all.

In a temple in Kyoto, people still treasure a piece of delicate lotus-thread embroidery said to be made by Princess Hase herself—a reminder of the gentle girl blessed by the Goddess of Mercy.

.... O

9. Công chúa Ánh Trăng

Ngày xưa ngày xưa ở Nhật Bản, có một ông lão đốn tre sống với vợ. Họ nghèo và không có con, điều đó khiến lòng họ nặng trĩu. Mỗi ngày, ông lão đều lên đồi đốn tre kiếm chút ít kế sinh nhai.

Một buổi sáng nọ, khi đang làm việc, một ánh sáng dịu nhẹ, rực rỡ đột nhiên tràn ngập khu rừng tre. Ông kinh ngạc nhìn xung quanh và thấy ánh sáng phát ra từ bên trong một thân tre. Khi bổ đôi thân tre ra, ông tìm thấy một bé gái nhỏ xíu chỉ cao khoảng 7-8 cm, tỏa sáng như ánh trăng. Vui mừng khôn xiết, ông bế cô bé về nhà, tin rằng Trời đã gửi cô bé đến làm con của họ.

Hai vợ chồng già nuôi dưỡng cô bé với tình yêu thương vô bờ bến. Chẳng bao lâu sau, những điều kỳ diệu kỳ lạ ập đến: mỗi khi ông lão đốn tre, ông đều tìm thấy vàng và châu báu giấu bên trong. Sự nghèo khó của họ biến mất, và họ trở nên giàu có.

Chỉ trong ba tháng, đứa trẻ nhỏ bé đã lớn lên thành một thiếu nữ xinh đẹp. Vẻ rạng rỡ của nàng tràn ngập ngôi nhà với ánh sáng dịu nhẹ, ngay cả vào ban đêm. Bởi vì nàng tỏa sáng như ánh trăng, một người đặt tên nổi tiếng đã gọi nàng là Công chúa Ánh Trăng. Vẻ đẹp của nàng được biết đến khắp nơi, và nhiều người cầu hôn đến với hy vọng được gặp nàng. Nhưng nàng vẫn luôn ẩn mình sau bức bình phong, không ai được phép gặp nàng.

Năm hiệp sĩ cao quý đã chờ đợi bên ngoài nhà nàng suốt mùa đông và mùa hè, hy vọng được nhìn thấy nàng. Cuối cùng, Công chúa Ánh Trăng đồng ý thử lòng trung thành của họ. Nàng yêu cầu mỗi người mang đến cho nàng một bảo vật bất khả thi: bát đá Phật, cành ngọc từ núi Horai, bộ lông không cháy của chuột lửa, viên ngọc ngũ sắc của rồng, và vỏ ốc thần kỳ của chim én.

Từng người một, các hiệp sĩ cố gắng lừa nàng bằng những bảo vật giả. Nàng nhìn thấu mọi mảnh khoe. Cả năm người đều thất bại và trở về nhà trong xấu hổ.

Tin tức về sắc đẹp của nàng đến tai Hoàng đế. Ông sai một cung nữ đến triệu nàng đến cung điện, nhưng Công chúa Ánh Trăng từ chối. Nàng cảnh báo rằng nếu bị ép buộc phải đi, nàng sẽ biến mất khỏi trần gian. Tò mò và say mê, Hoàng đế đích thân đến thăm nàng. Khi nhìn thấy bóng dáng rạng rỡ của nàng, ông đã yêu say đắm và cầu xin nàng đến cung đình. Nhưng nàng nhẹ nhàng từ chối, nói rằng nàng không bao giờ có thể kết hôn với bất kỳ ai trên trần gian. Tuy vậy, nàng vẫn viết cho chàng những bài thơ dịu dàng, và chàng trân trọng từng lời.

Thời gian trôi qua, cha mẹ nuôi của nàng nhận thấy nàng thường ngồi một mình, ngấm trăng với nước mắt lưng tròng. Một đêm nọ, nàng cuối cùng cũng nói với họ sự thật: nàng không phải người trần gian. Nàng đến từ mặt trăng như một hình phạt cho một lỗi lầm đã bị lãng quên, và thời gian của nàng trên trái đất sắp kết thúc. Vào đêm thứ mười lăm của tháng Tám, người mặt trăng sẽ đến đưa nàng về nhà.

Hai vợ chồng già khóc nức nở, và Hoàng đế đã phái hai nghìn binh lính đến canh gác nhà nàng. Nhưng Công chúa Ánh Trăng nói rằng không một thế lực trần gian nào có thể ngăn cản được điều sắp xảy ra.

Vào đêm đã định, một đám mây sáng rực từ mặt trăng giáng xuống. Một cỗ xe sáng chói xuất hiện, chở những vị thần trên trời. Người lãnh đạo của họ tuyên bố rằng Công chúa Ánh Trăng phải trở về. Ông lão đốn tre cầu xin họ cho nàng ở lại, nhưng điều đó là không thể.

Công chúa Ánh Trăng bước tới, tỏa sáng hơn bao giờ hết. Nàng an ủi cha mẹ nuôi, nói với họ rằng nàng yêu thương họ sâu sắc và sẽ không bao giờ quên lòng tốt của họ. Nàng tặng ông lão chiếc áo choàng thêu của mình làm kỷ vật. Trước khi rời đi, nàng viết một bức thư cuối cùng cho Hoàng đế và giao cho người đốn tre.

Rồi những người trên mặt trăng khoác lên vai nàng một chiếc áo choàng bằng lông vũ. Ngay khi nàng mặc nó vào, ký ức về trần gian của nàng tan biến. Cỗ xe bay lên trời và đưa nàng trở về mặt trăng, để lại đôi vợ chồng già đau lòng nhưng biết ơn những năm tháng họ đã được ở bên cạnh người con gái thần thánh của mình.

Và truyền thuyết kể rằng: bất cứ khi nào bạn nhìn lên trăng tròn, bạn có thể thấy Công chúa Ánh Trăng tỏa sáng dịu dàng, nhớ về thế giới mà nàng từng yêu thương.

.... O

9. Princess Moonlight

Long, long ago in Japan, an old bamboo cutter lived with his wife. They were poor and had no children, which made their hearts heavy. Every day the old man went into the hills to cut bamboo and earn a small living.

One morning, as he worked, a soft, glowing light suddenly filled the bamboo grove. He looked around in amazement and saw that the light came from inside one bamboo stalk. When he split it open, he found a tiny girl only three inches tall, shining like the moon. Overjoyed, he carried her home, believing Heaven had sent her to be their child.

The old couple raised the little girl with great love. Soon, strange blessings followed: whenever the old man cut bamboo, he found gold and jewels hidden inside. Their poverty disappeared, and they became wealthy.

In only three months, the tiny child grew into a beautiful young woman. Her radiance filled the house with soft light, even at night. Because she shone like moonlight, a famous name-giver called her Princess

Moonlight. Her beauty became known throughout the land, and many suitors came hoping to see her. But she stayed hidden behind screens, and no one was allowed to meet her.

Five noble knights waited outside her home through winter and summer, hoping for a glimpse. At last, Princess Moonlight agreed to test their devotion. She asked each man to bring her an impossible treasure: Buddha's stone bowl, a jeweled branch from Mount Horai, the fire-rat's unburnable fur, the dragon's five-colored jewel, and a swallow's magic shell.

One by one, the knights tried to deceive her with fake treasures. She saw through every trick. All five failed and returned home in shame.

News of her beauty reached the Emperor. He sent a court lady to summon her to the palace, but Princess Moonlight refused. She warned that if she were forced to go, she would vanish from the earth. Curious and captivated, the Emperor visited her himself. When he saw her glowing form, he fell deeply in love and begged her to come to court. But she gently refused, saying she could never marry anyone on earth. Still, she wrote him kind poems, and he treasured every word.

As time passed, her foster-parents noticed that she often sat alone, gazing at the moon with tears in her eyes. One night, she finally told them the truth: she was not from this world. She had come from the moon as punishment for a forgotten fault, and her time on earth was ending. On the fifteenth night of August, the moon people would come to take her home.

The old couple wept, and the Emperor sent two thousand soldiers to guard her house. But Princess Moonlight said no earthly force could stop what was coming.

On the appointed night, a bright cloud descended from the moon. A shining chariot appeared, carrying celestial beings. Their leader announced that Princess Moonlight must return. The old bamboo cutter begged them to let her stay, but it was impossible.

Princess Moonlight stepped forward, glowing brighter than ever. She comforted her foster-parents, telling them she loved them deeply and would never forget their kindness. She gave the old man her embroidered robe as a keepsake. Before leaving, she wrote a final letter to the Emperor and entrusted it to the bamboo cutter.

Then the moon beings placed a robe of feathers on her shoulders. As soon as she wore it, her memories of earth faded. The chariot rose into the sky and carried her back to the moon, leaving the old couple heartbroken but grateful for the years they had shared with their heavenly daughter.

And so the legend says: whenever you look at the full moon, you may see Princess Moonlight shining softly, remembering the world she once loved.

.... O

10. Cậu Bé Vẽ Mèo

Ngày xưa ngày xưa ở Nhật Bản, có một người nông dân nghèo và vợ ông sống trong một ngôi làng nhỏ. Họ làm việc vất vả mỗi ngày, nhưng vẫn khó khăn trong việc nuôi sống nhiều con. Ngay khi các con đủ lớn, chúng đã giúp cha mẹ làm việc trên đồng ruộng. Chỉ có đứa con út là khác biệt. Cậu bé thông minh và hiếu kỳ, nhưng quá nhỏ bé và yếu ớt để làm những công việc nặng nhọc.

Cha mẹ lo lắng cho tương lai của con trai. Tin rằng con trai có thể có một cuộc sống tốt hơn nếu trở thành một nhà sư, họ đưa cậu đến một ngôi chùa gần đó và xin vị trụ trì nhận cậu làm tiểu tăng. Vị trụ trì thử thách cậu bé bằng những câu hỏi khó, và những câu trả lời thông minh của cậu bé đã gây ấn tượng mạnh mẽ đến nỗi vị sư đồng ý nhận cậu vào tu viện và dạy dỗ cậu.

Cậu bé học rất nhanh, nhưng cậu có một thói quen kỳ lạ: cậu rất thích vẽ mèo. Cậu vẽ chúng ở khắp mọi nơi—trên vở ghi chép, trên mép sách, trên tường, thậm chí cả trên những cột gỗ của ngôi chùa. Cho dù vị trụ trì có mắng mỏ bao nhiêu lần đi nữa, cậu bé vẫn không thể ngừng vẽ mèo.

Một ngày nọ, sau khi cậu bé vẽ kín một tấm bình phong bằng những bức tranh mèo, vị sư nhận ra rằng đứa trẻ sẽ không bao giờ trở thành một nhà sư chân chính. Nhà sư nhẹ nhàng bảo cậu bé rời khỏi chùa. Vị sư nói thêm một lời khuyên cuối cùng, với giọng điệu rất nghiêm túc: “Tránh những nơi đông đúc vào ban đêm; hãy ở những nơi nhỏ hẹp.”

Cậu bé không hiểu ý nghĩa của lời khuyên, nhưng cậu thu dọn đồ đạc và lặng lẽ rời đi, quá sợ hãi và xấu hổ để nói lời tạm biệt. Cậu cũng sợ trở về nhà, lo lắng cha sẽ trừng phạt mình. Thay vào đó, cậu quyết định đi bộ mười hai dặm đến một ngôi chùa lớn hơn ở làng kế bên và xin được làm tiểu tăng ở đó.

Điều cậu không biết là ngôi chùa lớn đó đã bị bỏ hoang. Một con yêu tinh đáng sợ đã đuổi hết các sư thầy đi, và tòa nhà đã bị khóa lại. Khi cậu bé đến nơi sau khi trời tối, cậu gõ cửa vài lần nhưng không ai trả lời. Nghĩ rằng các nhà sư chỉ đang ngủ, cậu đẩy cửa bước vào.

Ngôi chùa im lặng, bụi bặm và trống rỗng. Cậu tìm thấy vài tấm bình phong giấy trắng và, không thể cưỡng lại được, cậu lấy mực ra và bắt đầu vẽ mèo trở lại. Khi vẽ xong, cậu nhớ lại lời cảnh báo của vị sư già. Không biết phải làm gì khác, cậu tìm một chiếc tủ nhỏ và cuộn mình ngủ trong đó.

Đêm khuya hôm đó, cậu tỉnh giấc bởi tiếng đổ vỡ dữ dội, tiếng la hét và tiếng đánh nhau kinh hoàng ở đâu đó trong đền. Sợ hãi đến tê người, cậu trốn trong tủ cho đến rạng sáng.

Khi mặt trời cuối cùng cũng mọc, đền lại trở nên yên tĩnh. Cậu bé bước ra và thấy sàn nhà nhuộm máu. Ở giữa đại sảnh là xác một con chuột khổng lồ – đã chết. Không còn ai khác ở đó. Rồi cậu nhận thấy điều gì đó kỳ lạ: những con mèo mà cậu đã vẽ trên bình phong bị vấy máu tươi, như thể chúng đã sống dậy trong đêm.

Lúc đó, cậu hiểu ý nghĩa lời khuyên của vị sư. Bằng cách ẩn náu ở một nơi nhỏ, cậu đã sống sót qua nguy hiểm trong đại sảnh rộng lớn.

Từ ngày đó trở đi, cậu bé dành cả đời mình cho nghệ thuật. Cậu lớn lên trở thành một họa sĩ vĩ đại và nổi tiếng, được nhớ đến đặc biệt với những bức tranh mèo của mình.

10. The Boy Who Drew Cats

Long ago in Japan, a poor farmer and his wife lived in a small country village. They worked hard every day, but it was still difficult to feed their many children. As soon as the children were old enough, they helped their parents in the fields. Only the youngest child was different. He was bright and curious, but too small and weak to do heavy work.

The parents worried about his future. Believing he might have a better life as a monk, they took him to a nearby temple and asked the head priest to accept him as a novice. The priest tested the boy with difficult questions, and the boy's clever answers impressed him so much that he agreed to take the child in and educate him.

The boy learned quickly, but he had one strange habit: he loved drawing cats. He drew them everywhere—on his notes, on the edges of books, on the walls, even on the wooden pillars of the temple. No matter how often the priest scolded him, the boy could not stop drawing cats.

One day, after the boy covered a folding screen with cat drawings, the priest realized the child would never become a proper monk. He gently told the boy to leave the temple. The priest added one final piece of advice, spoken with great seriousness: "Avoid large places at night; keep to small."

The boy did not understand the meaning, but he packed his things and left quietly, too frightened and ashamed to say goodbye. He was also afraid to return home, worried that his father would punish him. Instead, he decided to walk twelve miles to a larger temple in the next village and ask to become a novice there.

What he did not know was that the big temple had been abandoned. A terrifying goblin had driven away all the priests, and the building had been locked up. When the boy arrived after dark, he knocked several times, but no one answered. Thinking the priests were simply asleep, he pushed the door open and stepped inside.

The temple was silent, dusty, and empty. He found several blank paper screens and, unable to resist, he took out ink and began drawing cats again. When he finished, he remembered the old priest's warning. Not knowing what else to do, he found a small storage cabinet and curled up inside to sleep.

Late that night, he woke to the sound of violent crashing, screaming, and terrible fighting somewhere in the temple. Frozen with fear, he stayed hidden in the cabinet until dawn.

When the sun finally rose, the temple became quiet again. The boy stepped out and saw the floor stained with blood. In the center of the hall lay the huge body of a monstrous rat—dead. No one else was there. Then he noticed something strange: the cats he had painted on the screens were splattered with fresh blood, as if they had come alive during the night.

At that moment, he understood the meaning of the priest's advice. By keeping to a small place, he had survived the danger in the large hall.

From that day on, the boy devoted himself to art. He grew up to become a great and celebrated painter, remembered especially for his cats.

.... O

11. Ông Cụ khiến cây cối đâm chồi nảy lộc

Ngày xưa ngày xưa ở Nhật Bản, có một ông cụ tốt bụng và vợ ông sống yên bình ở vùng quê. Họ nuôi một chú chó nhỏ hiền lành, thân thiết như thành viên trong gia đình. Một ngày nọ, khi ông lão đang làm vườn, chú chó bắt đầu cào đất một cách phấn khích. Tò mò, ông cụ đào xuống chỗ đó – và thật kinh ngạc, ông tìm thấy một chiếc chum đầy vàng. Cuộc sống của hai vợ chồng thay đổi ngay lập tức, và họ biết ơn chú chó trung thành của mình.

Tuy nhiên, hàng xóm của họ là một cặp vợ chồng già độc ác và ghen tị. Khi nghe tin về kho báu, họ đòi mượn chú chó, hy vọng nó cũng sẽ dẫn họ đến vàng. Nhưng chú chó từ chối cào đất cho họ. Khi họ ép nó đào, họ chỉ tìm thấy những thứ bẩn thỉu, vô dụng trong đất. Tức giận và thất vọng, cặp vợ chồng độc ác đã giết chú chó và chôn nó dưới một cây thông.

Không lâu sau, cây thông lớn lên với tốc độ phi thường, trở nên cao lớn và khỏe mạnh trong một thời gian rất ngắn. Ông cụ tốt bụng, thương tiếc chú chó của mình, đã chặt cây xuống và làm một cái cối giã từ gỗ của nó. Khi ông cụ dùng cối giã gạo, điều kỳ diệu là cối lại tràn ra đầy lúa mạch tươi. Một lần nữa, người hàng xóm ghen tị mượn cối, hy vọng sẽ có được vận may tương tự. Nhưng khi dùng, lúa mạch của hắn lại bị hỏng. Tức giận, hắn đập vỡ cối và đốt đi.

Ông cụ tốt bụng gom tro tàn của chiếc cối cháy và nhẹ nhàng rắc lên những cây khô. Trước sự kinh ngạc của ông, những cây đó bỗng nở hoa rực rỡ. Tin tức về phép lạ này đến tai hoàng tử của đất nước. Khi hoàng tử nhìn thấy những cây nở hoa trước mắt mình, ông đã thưởng cho ông cụ bằng của cải và phong cho ông một cái tên mới: "Ông cụ làm cho cây khô nở hoa".

Người hàng xóm độc ác, lòng ghen tị thiêu đốt, cố gắng lặp lại phép lạ. Hắn gom tro tàn còn lại và rắc lên những cây khô trước mặt hoàng tử. Nhưng thay vì nở hoa, tro tàn lại bay vào mắt hoàng tử. Tức giận, những người hầu của hoàng tử đánh hắn rất nặng, và hắn suýt chết.

Từ xa, bà lão độc ác nhìn thấy chồng mình loạng choạng về nhà. Bà tưởng rằng hoàng tử đã ban thưởng cho ông một bộ áo choàng màu tím tuyệt đẹp, nhưng khi đến gần hơn, bà nhận ra màu đó chỉ là máu khô. Người đàn ông gục xuống giường, và chẳng bao lâu sau, chết vì vết thương.

.... O

11.The Old Man Who Made the Trees Bloom

Long ago in Japan, a kind old man and his wife lived quietly in the countryside. They owned a gentle little dog who was like family to them. One day, while the old man was working in his garden, the dog began

scratching excitedly at the ground. Curious, the old man dug at the spot—and to his amazement, he uncovered a pot filled with gold. The couple’s life changed instantly, and they were grateful to their loyal dog.

Their neighbors, however, were a mean and jealous old couple. When they heard about the treasure, they demanded to borrow the dog, hoping it would lead them to gold as well. But the dog refused to scratch anywhere for them. When they forced him to dig, they found only foul, useless things in the soil. Enraged and disappointed, the cruel couple killed the dog and buried him beneath a pine tree.

Soon after, the pine tree grew at an unnatural speed, becoming tall and strong in a very short time. The kind old man, mourning his dog, cut down the tree and carved a mortar from its wood. When he used the mortar to pound rice, it miraculously overflowed with fresh barley. Once again, the jealous neighbor borrowed the mortar, hoping for the same fortune. But when he used it, his barley was ruined. Furious, he smashed the mortar to pieces and burned it.

The kind old man gathered the ashes of the burned mortar and gently scattered them over some dead trees. To his astonishment, the trees burst into full bloom, covered with beautiful flowers. Word of this miracle reached the prince of the country. When the prince saw the trees bloom before his eyes, he rewarded the old man with treasure and honored him with a new name: **“The Old Man Who Made the Dead Trees Blossom.”**

The mean neighbor, burning with envy, tried to repeat the miracle. He collected the remaining ashes and threw them over dead trees in front of the prince. But instead of blooming, the ashes blew into the prince’s eyes. Outraged, the prince’s retainers beat the man severely, and he barely escaped with his life.

From a distance, the mean old woman saw her husband stumbling home. She thought the prince had rewarded him with fine purple robes, but when he came closer, she realized the color was only dried blood. The man collapsed into bed, and before long, he died from his injuries.

.... O

12. Bà cụ yêu thích làm bánh bao

Ngày xưa ngày xưa ở Nhật Bản, có một bà lão rất thích cười và làm bánh bao. Một ngày nọ, khi đang chuẩn bị một mẻ bánh bao mới, một chiếc bánh bao tuột khỏi tay bà và lăn trên sàn bếp. Nó rơi vào một lỗ nhỏ trên ván sàn. Khi bà lão cúi xuống nhặt, sàn nhà đột nhiên sụp xuống, và bà rơi xuống.

Bà đặt chân xuống đất an toàn và thấy mình đang đứng trên một con đường trông rất giống con đường gần nhà bà, nhưng xung quanh là những cánh đồng lúa xa lạ. Cô đơn và bối rối, bà bắt đầu đi xuống con đường dốc, gọi to chiếc bánh bao bị mất như thể nó sẽ trả lời bà.

Sau một lúc, bà đến gặp một bức tượng đá của Jizō (Địa Tạng), vị Bồ Tát nổi tiếng vì đã xuống địa ngục để giúp những linh hồn đau khổ hiểu được Phật pháp. Bà hỏi ngài có thấy chiếc bánh bao của bà không. Jizō nói rằng ngài đã thấy, nhưng cảnh báo bà không nên tiếp tục đi xuống con đường vì có một con quỷ ở phía trước. Bà lão chỉ cười và tiếp tục đi.

Bà lão nhanh chóng tìm thấy một tượng đá Jizō thứ hai và lặp lại câu hỏi của mình. Một lần nữa, bà được cảnh báo về con quỷ Oni, và một lần nữa bà cười và tiếp tục cuộc hành trình. Khi bà đến gặp một Jizō thứ ba và hỏi về chiếc bánh bao của mình, ông ta khẩn trương bảo bà im lặng và trốn sau lưng ông vì Oni đang đến gần.

Con Oni đến, chào Jizō, và ngửi không khí một cách nghi ngờ, nói rằng nó ngửi thấy mùi người. Jizō giả vờ như không nhận thấy điều gì bất thường, nhưng bà lão đột nhiên bật cười không kiểm soát. Con Oni lập tức kéo bà ra khỏi phía sau bức tượng. Jizō ra lệnh cho Oni không được làm hại bà. Con Oni đồng ý, nói rằng nó sẽ đưa bà về nhà để bà nấu ăn cho tộc Oni, và hứa rằng bà sẽ không bị hại.

Con Oni dẫn bà lão đi tiếp trên con đường, rồi chở bà qua một con sông rộng bằng thuyền đến một ngôi nhà lớn. Nó đưa bà vào bếp và bảo bà chuẩn bị bữa tối cho nó và những con Oni khác. Ông ta đưa cho bà một cái muỗng múc cơm và dặn bà chỉ cho một hạt gạo vào nồi. Khi khuấy bằng muỗng, ông ta giải thích, hạt gạo sẽ tự sinh sôi nảy nở.

Bà lão làm theo lời con quỷ, và gạo sinh sôi nảy nở một cách kỳ diệu cho đến khi đầy nồi. Bà sống với lũ quỷ Oni một thời gian dài, ngày nào cũng nấu ăn cho chúng. Chúng không bao giờ làm hại hay đe dọa bà, nhưng bà dần trở nên cô đơn và nhớ nhà, nhớ cuộc sống yên bình và việc làm bánh bao của mình.

Một ngày nọ, khi tất cả lũ quỷ Oni đều đi vắng, bà quyết định bỏ trốn. Bà cầm chiếc muỗng thần kỳ, vội vã đến bờ sông và bắt đầu chèo thuyền qua sông. Dòng sông vô cùng rộng lớn, và bà mới chỉ chèo được một phần tư quãng đường thì lũ quỷ Oni quay lại và chạy lên bờ. Bà chèo nhanh hết sức có thể trong khi lũ quỷ Oni cố gắng uống cạn cả dòng sông để đến được chỗ bà.

Khi mực nước hạ xuống, lũ quỷ Oni chuẩn bị lội qua sông. Ngay lúc đó, bà lão quay lại, giơ chiếc muỗng lên và làm những khuôn mặt ngớ ngẩn với chúng. Bọn quỷ Oni cười phá lên đến nỗi chúng phun hết nước đã nuốt vào ra, làm cho dòng sông đầy nước trở lại và ngăn chúng sang bờ bên kia.

Bà lão đến được bờ bên kia, chạy dọc con đường và cuối cùng tìm được đường về nhà. Bà lại tiếp tục làm bánh bao, và chiếc mái chèo thần kỳ cung cấp cho bà vô số gạo. Bà bán bánh bao và chẳng bao lâu sau, bà trở thành giàu có.

.... O

12. The Old Woman Who Love to Make Dumplings

Long ago in Japan, there lived an old woman who loved to laugh and make dumplings. One day, while she was preparing a fresh batch, one dumpling slipped from her hands and rolled across the kitchen floor. It dropped into a small hole in the floorboards. When the old woman reached down to retrieve it, the floor suddenly gave way, and she fell through.

She landed safely and found herself standing on a road that looked very much like the one near her home, but she was surrounded by unfamiliar rice fields. Alone and confused, she began walking down the sloping road, calling out for her lost dumpling as if it might answer her.

After some time, she came upon a stone statue of Jizō, the Bodhisattva known for descending into the underworld to help suffering spirits understand the Dharma. She asked if he had seen her dumpling. Jizō told her he had, but warned her not to continue down the road because an Oni lived ahead. The old woman simply laughed and kept walking.

She soon found a second Jizō and repeated her question. Again, she was warned about the Oni, and again she laughed and continued on her way. When she reached a third Jizō and asked about her dumpling, he urgently told her to be quiet and hide behind him because the Oni was approaching.

The Oni arrived, greeted Jizō, and sniffed the air suspiciously, claiming he smelled a human. Jizō pretended not to notice anything unusual, but the old woman suddenly burst into uncontrollable laughter. The Oni immediately pulled her out from behind the statue. Jizō ordered the Oni not to harm her. The Oni agreed, saying he would take her home with him so she could cook for the Oni clan, and promised she would not be hurt.

The Oni led the old woman farther down the road, then ferried her across a wide river in a boat to a large house. He brought her to the kitchen and told her to prepare dinner for him and the other Oni. He handed her a rice paddle and instructed her to place only a single grain of rice into the pot. When stirred with the paddle, he explained, the grain would multiply on its own.

The old woman followed his instructions, and the rice magically multiplied until the pot was full. She stayed with the Oni for a long time, cooking for them every day. They never frightened or harmed her, but she grew lonely and missed her home, her quiet life, and her dumpling-making.

One day, when all the Oni were away, she decided to escape. She took the magic paddle, hurried to the river, and began rowing across. The river was extremely wide, and she had barely reached a quarter of the way when the Oni returned and ran to the riverbank. She rowed as fast as she could while the Oni tried to drink up the entire river to reach her.

As the water level dropped, the Oni prepared to wade across. At that moment, the old woman turned around, held up the paddle, and made silly faces at them. The Oni laughed so hard that they spit out all the water they had swallowed, refilling the river and preventing them from crossing.

The old woman reached the far shore, ran up the road, and eventually found her way back home. She returned to making dumplings, and the magic paddle provided her with endless rice. She sold her dumplings, and before long, she became a wealthy woman.

.... 0

13. Truyện Chin-chin Kobakama

Ngày xưa ngày xưa ở Nhật Bản, có một cô gái trẻ xinh đẹp nhưng vô cùng lười biếng. Gia đình cô giàu có, và rất nhiều người hầu làm mọi việc cho cô. Vì không bao giờ phải động tay động chân, tính lười biếng của cô càng ngày càng tăng lên khi cô lớn lên.

Khi trở thành một thiếu nữ xinh đẹp, cô kết hôn với một chiến binh dũng mãnh. Cô chuyển đến sống trong gia đình chồng, nơi chỉ có vài người hầu. Lần đầu tiên trong đời, cô phải tự mặc quần áo, chải tóc và làm những việc vặt hàng ngày. Chồng cô thường xuyên đi lính xa nhà, và cha mẹ chồng tốt bụng không bao giờ la mắng cô, vì vậy cô dần dần quay trở lại thói quen cũ và càng trở nên lười biếng hơn.

Một đêm nọ, khi chồng cô đi vắng, cô tỉnh giấc bởi những tiếng động lạ trong phòng. Dưới ánh đèn lồng lơ mơ, cô nhìn thấy hàng trăm người tí hon mặc trang phục giống như các chiến binh trên trời. Họ nhảy múa xung quanh giường cô, vung những thanh kiếm nhỏ, nhìn cô với ánh mắt tinh nghịch. Khi chúng vây quanh cô, chúng cứ lặp đi lặp lại bài hát trên chọc ấy:

“Chúng ta là Chin-chin Kobakama; đã muộn rồi; ngủ đi, người yêu quý cao quý!”

Người phụ nữ nhận ra chúng đang chế nhạo sự lười biếng của mình. Xấu hổ và tức giận, cô cố gắng bắt chúng, nhưng chúng quá nhanh. Chúng luôn lách giữa những tấm chiếu trải sàn, vừa cười vừa hát, và cô không thể đuổi chúng đi. Kinh hãi, cô thức đến sáng, khi những chiến binh tí hon biến mất.

Xấu hổ vì bị chế giễu như vậy—đặc biệt là khi là vợ của một chiến binh—cô không kể cho ai biết. Nhưng những người đàn ông tí hon quay lại đêm hôm sau, và đêm sau đó nữa, luôn luôn vào lúc hai giờ sáng, Giờ của Trâu. Đêm này qua đêm khác, cô nằm thao thức trong sợ hãi khi chúng nhảy múa và hát hò xung quanh cô. Kiệt sức và lo lắng khiến cô ốm yếu.

Khi chồng cô cuối cùng trở về, anh thấy cô đã trở nên xanh xao và yếu ớt như thế nào. Với sự quan tâm dịu dàng, anh thuyết phục cô kể cho anh biết chuyện gì đang xảy ra. Cô thú nhận mọi chuyện, mong chờ anh sẽ cười, nhưng anh không cười. Thay vào đó, anh hứa sẽ giúp cô.

Đêm đó, anh nấp sau cánh cửa trượt và quan sát qua một khe hẹp. Vào Giờ Sửu, những chiến binh tí hon xuất hiện đúng như cô đã miêu tả. Thân hình nhỏ bé và vẻ mặt nghiêm nghị của chúng suýt khiến anh bật cười, nhưng khi thấy vợ mình sợ hãi đến thế, anh nhớ ra rằng nhiều sinh vật siêu nhiên sợ kiếm.

Anh rút kiếm và xông về phía chúng. Ngay lập tức, những chiến binh tí hon biến mất—và thay vào đó chỉ còn lại những que tăm rải rác.

Sự thật đã rõ ràng: những chiến binh tí hon Chin-chin Kobakama được tạo thành từ những que tăm mà vợ anh lười biếng không dọn dẹp, những que tăm mà cô đã bắt cần nhét vào giữa những tấm chiếu trải sàn. Chồng cô mắng cô, và cô cảm thấy vô cùng xấu hổ. Một người hầu đã dọn dẹp căn phòng kỹ lưỡng, nhặt sạch từng que tăm.

Từ đêm đó trở đi, những chiến binh tí hon không bao giờ quay trở lại. Và người ta nói rằng, đó là lý do tại sao chiếu trải sàn ở Nhật Bản luôn phải được giữ gìn gọn gàng và sạch sẽ.

.... O

13. The Chin-chin Kobakama

Long ago in Japan, there lived a pretty young girl who was also extremely lazy. Her family was wealthy, and their many servants did everything for her. Because she never had to lift a finger, her laziness grew stronger as she grew older.

When she became a beautiful young woman, she married a brave warrior. She moved into his household, where there were only a few servants. For the first time in her life, she had to dress herself, comb her own hair, and take care of small daily tasks. Her husband was often away with the army, and his kind parents never scolded her, so she slowly returned to her old habits and became even lazier.

One night, while her husband was away, she woke to strange noises in her room. By the dim lantern light, she saw hundreds of tiny men dressed like heavenly warriors. They danced around her bed, waving miniature swords, staring at her with mischievous eyes. As they circled her, they chanted the same teasing song again and again:

“We are the Chin-chin Kobakama; the hour is late; sleep, honorable noble darling!”

The woman realized they were mocking her laziness. Embarrassed and angry, she tried to catch them, but they were far too quick. They darted between the floor mats, laughing and singing, and she could not drive them away. Terrified, she stayed awake until morning, when the tiny warriors vanished.

Ashamed of being ridiculed like this—especially as the wife of a warrior—she told no one. But the tiny men returned the next night, and the night after that, always at two in the morning, the Hour of the Ox. Night after night, she lay awake in fear as they danced and sang around her. Exhaustion and anxiety made her ill.

When her husband finally returned, he saw how pale and weak she had become. With gentle concern, he persuaded her to tell him what was happening. She confessed everything, expecting him to laugh, but he did not. Instead, he promised to help her.

That night, he hid behind the sliding doors and watched through a narrow crack. At the Hour of the Ox, the tiny warriors appeared exactly as she had described. Their small bodies and serious expressions almost made him laugh, but when he saw how frightened his wife was, he remembered that many supernatural beings feared swords.

He drew his blade and charged toward them. Instantly, the tiny warriors vanished—and in their place lay nothing but scattered toothpicks.

The truth became clear: the Chin-chin Kobakama were formed from the toothpicks his wife had been too lazy to clean up, the ones she had carelessly pushed between the floor mats. Her husband scolded her, and she felt deeply ashamed. A servant cleaned the room thoroughly, removing every last toothpick.

From that night on, the tiny warriors never returned. And that, people say, is why floor mats in Japan must always be kept neat and clean.

.... O

14. Truyền thuyết về Malin Kundang

Ngày xưa ngày xưa ở Indonesia, trên bãi biển Air Manis thuộc Padang, West Sumatra, có một góa phụ tên là Mande Rubayah và người con trai duy nhất của bà, Malin Kundang.

Mande Rubayah yêu thương con trai mình sâu sắc. Bà nuôi dạy con rất chu đáo, và Malin lớn lên trở thành một chàng trai trẻ chăm chỉ và ngoan ngoãn.

Khi trưởng thành, chàng Malin xin phép được đi ra khơi. Một con tàu lớn đã cập bến, và chàng muốn tham gia chuyến đi đó. Ban đầu, mẹ chàng từ chối. Bà sợ những hiểm nguy của biển cả và không muốn mất con trai. Nhưng Malin mơ ước thay đổi cuộc đời mình, vì vậy chàng đã cầu xin mẹ ban phước lành.

Với trái tim nặng trĩu, cuối cùng bà cụ Mande cũng đồng ý. Bà cầu nguyện mỗi ngày cho sự an toàn của con trai và hy vọng chàng sẽ sớm trở về nhà.

Nhiều năm trôi qua. Mỗi khi có tàu cập bến, bà cụ Mande lại hỏi các thủy thủ xem họ có thấy chàng Malin không. Nhưng không ai mang tin tức gì về chàng. Thời gian cứ thế trôi đi, cụ bà Mande già đi. Lưng bà còng xuống vì tuổi già, nhưng bà vẫn không ngừng chờ đợi.

Một ngày nọ, thuyền trưởng của con tàu mà chàng Malin từng đi trở về làng. Ông ta nói với bà cụ Mande rằng chàng Malin đã cưới một cô gái trẻ xinh đẹp – con gái của một quý tộc rất giàu có. Bà cụ Mande vô cùng vui mừng. Bà tin rằng con trai mình sẽ sớm trở về nhà.

Không lâu sau, một con tàu lớn và sang trọng xuất hiện trên đường chân trời. Mọi người đổ xô ra bờ để xem, trong đó có bà cụ Mande. Một người đàn ông đẹp trai bước xuống từ con tàu. Đó là chàng Malin.

Trước khi dân làng kịp chào đón anh, bà cụ Mande đã vội vàng tiến đến. Bà ôm chầm lấy anh, khóc vì hạnh phúc sau bao nhiêu năm xa cách.

Nhưng chàng Malin đã rất sốc. Người phụ nữ già nua trong bộ quần áo rách rưới không giống người mẹ quý tộc mà anh đã miêu tả với vợ mình. Vợ anh, nhìn thấy vẻ ngoài của bà cụ Mande, đã cười nhạt và chế giễu bà một cách công khai.

Xấu hổ và sợ bị làm nhục, chàng Malin đẩy mẹ mình ngã xuống đất. Anh nhất quyết không thừa nhận bà là mẹ mình.

Cụ bà Mande Rubayah không thể tin vào những gì mình nghe thấy. Bà quỳ trên cát, khóc nức nở, không thể hiểu nổi sao người con trai yêu thương của mình lại trở nên tàn nhẫn đến thế.

Chàng Malin đá bà ra khi bà bám chặt lấy chân hắn, van xin hắn hãy nhớ đến bà. Dân làng, kinh hoàng trước những gì họ thấy, lặng lẽ trở về nhà.

Malin và vợ hắn lại lên thuyền và ra khơi. Bà cụ Mande nhìn con tàu ngày càng nhỏ dần. Trái tim bà tan nát. Nước mắt tuôn rơi trên khuôn mặt, bà giơ tay lên trời.

Bà cầu nguyện cho công lý. Nếu người đàn ông đó thực sự là con trai bà, và nếu hắn đã bỏ rơi bà, bà cầu xin trời đất hãy tiết lộ sự thật.

Trời đã nghe thấy tiếng khóc của bà.

Biển lặng và trong xanh khi con tàu rời bờ, nhưng đột nhiên bầu trời tối sầm lại. Một cơn bão dữ dội nổi lên mà không báo trước. Sóng vỗ mạnh, sét đánh, và một tia sét mạnh đã xé tan con tàu thành từng mảnh.

Sáng hôm sau, khi mặt trời mọc, cơn bão đã tan. Trên bãi biển, những mảnh vỡ của con tàu trôi dạt vào bờ—và hóa thành đá.

Giữa những tảng đá có một tảng đá hình người.

Người ta nói đó là chàng Malin Kundang, bị nguyền rủa vì lòng bất hiếu.

Giữa những tảng đá, cá cơm, cá đối và cá thu bơi lội. Theo truyền thuyết, những loài cá này đến từ hài cốt tan vỡ của vợ Malin, người vẫn tiếp tục tìm kiếm Malin ngay cả sau khi lời nguyền giáng xuống.

Và vì vậy, câu chuyện về Malin Kundang nhắc nhở mọi người: Hãy trân trọng cha mẹ mình, vì một trái tim không biết ơn sẽ tự hủy diệt chính mình.

.... O

14. The Legend of Malin Kundang

Long ago in Indonesia, on Air Manis Beach in Padang, West Sumatra, there lived a widow named Mande Rubayah and her only son, Malin Kundang.

Mande Rubayah loved her son deeply. She raised him with care, and Malin grew into a hardworking and obedient young man.

When he became an adult, Malin asked for permission to travel across the seas. A large ship had arrived at the beach, and he wished to join its voyage. At first, his mother refused. She feared the dangers of the ocean and did not want to lose her son. But Malin dreamed of changing his life, so he begged for her blessing.

With a heavy heart, Mande finally agreed. She prayed every day for her son's safety and hoped he would return home soon.

Years passed. Whenever a ship arrived, Mande would ask the sailors if they had seen Malin. But no one brought news of him. Time moved on, and Mande grew old. Her back bent with age, yet she never stopped waiting.

One day, the captain of the ship Malin had once boarded returned to the village. He told Mande that Malin had married a beautiful young woman—the daughter of a very wealthy nobleman. Mande was overjoyed. She believed her son would soon come home.

Not long after, a grand and elegant ship appeared on the horizon. People rushed to the shore to see it, including Mande. A handsome man stepped down from the ship. It was Malin.

Before the villagers could greet him, Mande hurried forward. She threw her arms around him, crying with happiness after so many years apart.

But Malin was shocked. The old woman in ragged clothes did not look like the noble mother he had described to his wife. His wife, seeing Mande's appearance, sneered openly and mocked her.

Ashamed and afraid of being humiliated, Malin pushed his mother to the ground. He refused to admit she was his mother.

Mande Rubayah could not believe what she heard. She knelt on the sand, crying, unable to understand how her loving son had turned so cruel.

Malin kicked her away as she clung to his legs, begging him to remember her. The villagers, horrified by what they saw, quietly returned to their homes.

Malin and his wife boarded their ship again and sailed away. Mande watched the ship grow smaller and smaller. Her heart was broken. With tears streaming down her face, she raised her hands to the sky.

She prayed for justice. If the man truly was her son, and if he had abandoned her, she asked the heavens to reveal the truth.

The sky heard her cry.

The sea was calm and bright when the ship left the shore, but suddenly the sky turned black. A violent storm rose without warning. Waves crashed, lightning struck, and a powerful bolt shattered the ship into pieces.

The next morning, when the sun rose, the storm had passed. On the beach, broken pieces of the ship had washed ashore—and turned into stone.

Among the rocks was one shaped like a human body.

People say this was Malin Kundang, cursed for his unfilial heart.

Between the stones swam anchovies, mullet, and mackerel. According to legend, these fish came from the shattered remains of Malin's wife, who continued searching for him even after the curse.

And so, the story of Malin Kundang reminds everyone: Honor your parents, for a heart without gratitude brings its own destruction.

.... O

15. Jaka Tarub và nàng tiên

Ngày xưa ngày xưa ở Indonesia, có một chàng trai trẻ tên là Jaka Tarub đang đi dạo trong rừng. Khi đi ngang qua một hồ nước tĩnh lặng, chàng nghe thấy tiếng cười và tiếng nước bắn tung tóe. Tò mò, chàng nấp sau những tán cây và nhìn về phía mặt nước.

Trước sự ngạc nhiên của chàng, bảy tiên nữ đang tắm trong hồ. Họ là những tiên nữ từ cõi trời, và vẻ đẹp của họ tỏa sáng như ánh mặt trời trên mặt nước. Họ vui đùa, không hề hay biết có ai đang quan sát. Jaka Tarub hoàn toàn bị mê hoặc.

Treo trên một cành cây gần đó là những chiếc khăn choàng của họ, những chiếc áo choàng thần kỳ cho phép họ bay trở về Thiên đường. Bị thúc đẩy bởi sự tò mò và ham muốn, Jaka Tarub lén lấy một chiếc khăn choàng và giấu nó đi.

Khi các nàng tiên tắm xong, họ trở về bờ để thay đồ và bay về nhà. Nhưng một trong số họ không tìm thấy chiếc khăn choàng của mình. Sáu người chị em của cô đã tìm kiếm cùng cô cho đến khi trời tối, nhưng vẫn không thấy. Vì đêm đã gần kề, sáu nàng tiên phải trở về Thiên đường, để lại người em út, Nawang Wulan, một mình và đau lòng.

Thấy cơ hội, Jaka Tarub tiến lại gần nàng, giả vờ là người qua đường. Anh ta tự giới thiệu một cách tử tế và đề nghị cho nàng ở nhờ qua đêm. Không còn cách nào trở về Thiên đường, Nawang Wulan đã chấp nhận.

Ngày tháng trôi qua, Nawang Wulan tiếp tục sống với Jaka Tarub. Thời gian trôi qua, họ trở nên thân thiết, yêu nhau và cuối cùng kết hôn. Cuộc sống của họ bên nhau bình yên và hạnh phúc. Sau đó, họ chào đón một cô con gái tên là Nawangsih.

Trước khi kết hôn, Nawang Wulan đã cảnh báo Jaka Tarub một điều quan trọng: Anh ta không bao giờ được chất vấn hay can thiệp vào công việc nhà của nàng.

Là một nàng tiên, nàng sở hữu một khả năng bí mật. Nàng có thể nấu đủ cơm cho cả gia đình chỉ với một hạt gạo duy nhất. Nhờ phép thuật này, nguồn cung cấp gạo của họ không bao giờ cạn kiệt.

Nhưng sự tò mò của Jaka Tarub ngày càng lớn dần. Thay vì hỏi trực tiếp nàng, anh ta quyết định theo dõi nàng. Một ngày nọ, khi Nawang Wulan đi vắng, anh ta mở chiếc nồi đặc biệt mà nàng dùng để nấu ăn. Bên trong, anh ta chỉ thấy một hạt gạo duy nhất. Bối rối, anh ta đóng nồi lại.

Khoảnh khắc anh làm điều đó, phép thuật của Nawang Wulan biến mất. Vì bí mật của nàng bị bại lộ, nàng không còn có thể nấu ăn chỉ với một hạt gạo. Từ đó trở đi, nàng phải giã và nấu cơm như người thường. Nguồn gạo của họ bắt đầu cạn kiệt.

Một ngày nọ, khi lấy gạo từ kho, Nawang Wulan thấy chiếc khăn choàng tiên nữ của mình được giấu trong đống gạo. Nàng lập tức hiểu chuyện gì đã xảy ra. Chồng nàng đã lấy trộm nó từ lâu, giam cầm nàng ở trần gian.

Bị tổn thương và phản bội, Nawang Wulan quyết định trở về cõi trời. Jaka Tarub cầu xin nàng ở lại, nhưng trái tim nàng kiên định. Nàng không thể ở lại với người đã lừa dối mình.

Trước khi rời đi, nàng đã hứa một điều cuối cùng: Nàng sẽ thỉnh thoảng xuống trần gian để chăm sóc con gái của họ, Nawangsih.

Nhưng Jaka Tarub tuyệt đối không được xuất hiện khi nàng đến thăm. Chàng phải để đứa trẻ ở lại một mình bên hồ.

Và thế là, Nawang Wulan trở về cõi trời, còn Jaka Tarub sống với hậu quả hành động của mình—nuôi dạy con gái bằng tình yêu thương, và lặng lẽ chờ đợi mỗi khi tiên nữ đến thăm con gái.

.... 0

15. Jaka Tarub and the Heavenly Maiden

Long ago in Indonesia, a young man named Jaka Tarub was walking through the forest. As he passed by a quiet lake, he heard laughter and splashing. Curious, he hid behind the trees and looked toward the water.

To his amazement, seven heavenly maidens were bathing in the lake. They were angels from Heaven, and their beauty shone like sunlight on water. They played joyfully, unaware that anyone was watching. Jaka Tarub was completely captivated.

Hanging on a branch nearby were their shawls, magical garments that allowed them to fly back to Heaven. Driven by curiosity and desire, Jaka Tarub secretly took one of the shawls and hid it.

When the angels finished bathing, they returned to the shore to dress and fly home. But one of them could not find her shawl. Her six sisters searched with her until dusk, but it was nowhere to be found. Because night was approaching, the six angels had to return to Heaven, leaving the youngest maiden, Nawang Wulan, alone and heartbroken.

Seeing his chance, Jaka Tarub approached her, pretending to be a passerby. He introduced himself kindly and offered her shelter for the night. With no way to return to Heaven, Nawang Wulan accepted.

Days turned into nights, and Nawang Wulan continued living with Jaka Tarub. Over time, they grew close, fell in love, and eventually married. Their life together was peaceful and happy. They later welcomed a daughter named Nawangsih.

Before their marriage, Nawang Wulan gave Jaka Tarub one important warning: He must never question or interfere with her household work.

As an angel, she possessed a secret ability. She could cook enough rice for the whole family using only a single grain of rice. Because of this magic, their rice supply never ran out.

But Jaka Tarub's curiosity grew stronger each day. Instead of asking her directly, he decided to spy on her. One day, when Nawang Wulan was away, he opened the special pot she used for cooking. Inside, he saw only a single stalk of rice. Confused, he closed the pot again.

The moment he did this, Nawang Wulan's magic disappeared. Because her secret had been disturbed, she could no longer cook with a single grain. From then on, she had to pound and prepare rice like ordinary people. Their rice supply began to shrink.

One day, while taking rice from the barn, Nawang Wulan discovered her angel shawl hidden among the grain. She immediately understood what had happened. Her husband had stolen it long ago, trapping her on Earth.

Hurt and betrayed, Nawang Wulan decided to return to Heaven. Jaka Tarub begged her to stay, but her heart was firm. She could not remain with someone who had deceived her.

Before leaving, she made one final promise: She would come down from Heaven from time to time to nurse their daughter, Nawangsih.

But Jaka Tarub must never appear when she visited. He had to leave the child alone near the lake.

And so, Nawang Wulan returned to Heaven, while Jaka Tarub lived with the consequences of his actions—raising his daughter with love, and waiting quietly whenever the heavenly maiden came to see her child.

.... O

16. Câu chuyện về Yeonorang và Seonyeo

Ngày xưa ngày xưa ở Hàn Quốc, có một người đàn ông tên là Yeonorang và vợ ông là Seonyeo sống trong một làng chài yên tĩnh bên bờ biển. Họ sống một cuộc sống giản dị, kiếm sống bằng nghề đánh cá và thu gom rong biển dọc bờ biển.

Một ngày nọ, Yeonorang ra khơi như thường lệ để thu gom rong biển. Khi đang đi dọc bãi biển, ông để ý thấy một tảng đá đen lớn mà ông chưa từng thấy trước đây. Tò mò, ông trèo lên đó. Ngay khi ông trèo lên, tảng đá đột nhiên bắt đầu di chuyển. Trước sự kinh ngạc của ông, tảng đá biến thành một con cá khổng lồ và nhanh chóng trôi ra biển. Yeonorang không thể leo xuống, nên ông bám chặt lấy sinh vật kỳ lạ đó khi nó đưa ông vượt qua những con sóng.

Sau một hành trình dài, con cá đến được đất liền. Yeonorang thấy mình đang ở Nhật Bản. Người dân địa phương kinh ngạc khi thấy một người đàn ông đến trên một tảng đá di chuyển. Tin rằng ông là một nhân vật đặc biệt được Trời phái xuống, họ chào đón ông với sự kính trọng lớn lao và cuối cùng tôn ông lên làm vua.

Trở về Hàn Quốc, Seonyeo chờ đợi chồng mình, nhưng ông không bao giờ trở về. Lo lắng khôn xiết, ngày nào nàng cũng đi dọc bờ biển, hy vọng tìm thấy bất kỳ dấu vết nào của chàng. Tất cả những gì nàng thấy chỉ là biển xanh bao la và cát nóng dưới chân.

Một ngày nọ, khi sắp khóc, nàng nhận thấy một điều kỳ lạ—một tảng đá đen lớn, giống hệt tảng đá mà Yeonorang đã leo lên. Điều thu hút sự chú ý của nàng hơn nữa là một đôi giày nằm trên đỉnh tảng đá. Nàng chạy về phía tảng đá và ngay lập tức nhận ra đó là giày của chồng mình. Điều này cho nàng hy vọng rằng chàng vẫn còn sống ở đâu đó.

Quyết tâm tìm chàng, Seonyeo leo lên tảng đá. Cũng như trước, tảng đá biến thành một con cá khổng lồ và bắt đầu di chuyển trên biển. Nó đưa nàng đến tận hòn đảo đó ở Nhật Bản. Người dân ở đó lại một lần

nữ kinh ngạc và đưa nàng đến gặp nhà vua của họ—người hóa ra chính là Yeonorang. Hai vợ chồng hạnh phúc đoàn tụ, và Seonyeo trở thành hoàng hậu bên cạnh chồng mình.

Tuy nhiên, một điều kỳ lạ đã xảy ra ở quê hương Silla của họ. Sau khi Yeonorang và Seonyeo rời đi, mặt trời và mặt trăng ngừng mọc. Bóng tối bao trùm khắp nơi. Một thầy bói giải thích với vua Silla rằng thần mặt trời và mặt trăng đã theo Yeonorang và Seonyeo đến Nhật Bản, gây ra tai họa.

Nhà vua phái sứ đến Nhật Bản, yêu cầu đôi vợ chồng trở về. Nhưng Yeonorang tin rằng mình được Trời đưa đến Nhật Bản và không thể rời bỏ vương quốc mới. Thay vào đó, ông đề xuất một giải pháp khác. Ông bảo sứ giả hãy lấy một mảnh lụa tuyệt đẹp do Hoàng hậu Seonyeo dệt và dùng nó trong một nghi lễ để tôn vinh các vị thần trên trời.

Sứ giả trở về Silla với mảnh lụa và lời nhắn của Yeonorang. Theo chỉ dẫn, nhà vua đã tổ chức một nghi lễ thiêng liêng tại một ngôi chùa, dâng mảnh lụa lên Trời. Ngay lập tức, mặt trời và mặt trăng bắt đầu mọc trở lại, và hòa bình trở lại đất nước.

Từ đó trở đi, mảnh lụa được trân trọng như một bảo vật quốc gia và được cất giữ trong một kho chứa hoàng gia gọi là Guibigo, có nghĩa là "căn phòng cất giữ lụa quý". Nơi thực hiện nghi lễ được đặt tên là Yeongil-hyeon, có nghĩa là "nơi đón chào mặt trời mọc". Ngày nay, khu vực này được biết đến với tên gọi Pohang, thuộc phía đông nam Hàn Quốc.

.... 0

16. The Story of Yeonorang and Seonyeo

Long ago in Korea, there lived a man named Yeonorang and his wife Seonyeo in a quiet fishing village by the sea. They lived simply, earning their living by fishing and gathering seaweed along the shore.

One day, Yeonorang went out as usual to collect seaweed. While walking along the beach, he noticed a large black rock that he had never seen before. Curious, he climbed onto it. The moment he did, the rock suddenly began to move. To his shock, the rock transformed into a giant fish and drifted quickly out to sea. Yeonorang could not climb down, so he held on tightly as the strange creature carried him across the waves.

After a long journey, the fish reached land. Yeonorang found himself in Japan. The local people were astonished to see a man arrive on a moving rock. Believing he was a special figure sent by Heaven, they welcomed him with great respect and eventually made him their king.

Back in Korea, Seonyeo waited for her husband, but he never returned. Filled with worry, she searched the seashore every day, hoping for any sign of him. All she saw was the endless blue sea and the hot sand beneath her feet.

One day, as she was about to cry, she noticed something unusual—a large black rock, just like the one Yeonorang had climbed. What caught her attention even more was a pair of shoes resting on top of it.

She ran toward the rock and immediately recognized the shoes as her husband's. This gave her hope that he was still alive somewhere.

Determined to find him, Seonyeo climbed onto the rock. Just as before, the rock turned into a giant fish and began to move across the sea. It carried her all the way to the same island in Japan. The people there were amazed once again and brought her to their king—who turned out to be Yeonorang. The couple was joyfully reunited, and Seonyeo became the queen beside her husband.

However, something extraordinary happened back in their homeland of Silla. After Yeonorang and Seonyeo left, the sun and moon stopped rising. Darkness covered the land. A fortuneteller explained to the Silla king that the spirits of the sun and moon had followed Yeonorang and Seonyeo to Japan, causing the disaster.

The king sent an envoy to Japan, asking the couple to return. But Yeonorang believed he had been brought to Japan by Heaven's will and could not leave his new kingdom. Instead, he offered another solution. He told the envoy to take a piece of beautiful silk woven by Queen Seonyeo and use it in a ritual to honor the heavenly gods.

The envoy returned to Silla with the silk and Yeonorang's message. Following the instructions, the king held a sacred ceremony at a temple, offering the silk to Heaven. Immediately, the sun and moon began to rise again, and peace returned to the land.

From that time on, the silk was treasured as a national relic and kept in a royal storage house called Guibigo, meaning "the room where precious silk is kept." The place where the ritual was performed was named Yeongil-hyeon, meaning "the place where the rising sun is welcomed." Today, this area is known as Pohang, in southeastern Korea.

.... O

17. Truyện nàng Shim Cheong

Ngày xưa ngày xưa ở Hàn Quốc, có một cô gái tên là Shim Cheong. Mẹ cô mất khi cô mới sinh ra, còn cha cô bị mù. Vì cha không thể làm việc, Shim Cheong phải kiếm tiền từ khi còn rất nhỏ để nuôi sống cả hai cha con.

Một buổi tối nọ, Shim Cheong về nhà muộn sau giờ làm việc. Lo lắng, cha cô ra ngoài tìm cô. Khi đang băng qua cầu, ông trượt chân và ngã xuống sông. Ông vùng vẫy trong nước, kêu cứu. Một vị sư tình cờ đi ngang qua, và nhà sư đã nhảy xuống cứu người đàn ông đang chết đuối. Khi biết người đàn ông bị mù, vị sư đã khuyên: nếu ông cúng dường 45 tấn gạo cho Đức Phật, ông sẽ lấy lại được thị lực.

Cha của Shim Cheong vô cùng vui mừng và hứa sẽ cúng dường. Nhưng chẳng bao lâu sau, ông nhận ra mình không có cách nào kiếm được một lượng gạo lớn như vậy. Khi Shim Cheong trở về nhà và thấy cha mình buồn rầu, ông đã kể cho cô nghe mọi chuyện. Cô quyết định sẽ tìm cách thực hiện lời hứa đó cho cha mình.

Một ngày nọ, Shim Cheong nghe tin một nhóm thủy thủ đang tìm kiếm một cô gái để hiến tế cho Thần Biển. Họ sẵn sàng trả bất kỳ giá nào. Hiểu được ý nghĩa của điều này, cô đến gặp các thủy thủ và tự nguyện dâng mình để đổi lấy 45 tấn gạo mà cha cô cần. Các thủy thủ vô cùng cảm động trước lòng thành kính của cô và đồng ý.

Trước khi đi, Shim Cheong nói với cha mình rằng cô sẽ được một gia đình giàu có nhận nuôi và họ sẽ quyên góp số gạo đó cho chùa. Tin lời con gái, cha cô vui mừng khôn xiết, nghĩ rằng ông sẽ sớm được gặp lại con.

Shim Cheong lên tàu cùng các thủy thủ. Sau vài ngày lênh đênh trên biển, họ đến vùng biển sâu. Một cơn gió dữ nổi lên, sóng gầm thét. Ngay lúc đó, các thủy thủ chuẩn bị hiến tế Shim Cheong cho Thần Biển. Cô bị ném xuống biển làm vật tế.

Khi mở mắt ra, cô thấy mình đang ở một nơi kỳ lạ và tuyệt đẹp dưới nước. Âm nhạc vang vọng xung quanh, và cô tự hỏi liệu mình còn sống hay đã chết. Một giọng nói cho nàng biết rằng nàng đang ở trong cung điện của Hải Vương, và Hải Vương đã cảm động trước lòng thành kính của nàng nên đã cứu sống nàng.

Shim Cheong ở lại trong cung điện dưới nước vài ngày. Rồi một ngày, một người hầu gái báo cho nàng biết rằng Hải Vương đã quyết định nàng nên trở về thế giới loài người. Nàng được đặt vào trong một bông sen khổng lồ, nổi lên mặt biển.

Những thủy thủ từng bắt nàng làm vật tế lễ đã tìm thấy bông sen ở đúng nơi nàng biến mất. Kinh ngạc, họ mang nó đến cho nhà vua. Khi nhà vua chạm vào bông sen, nó nở ra, để lộ Shim Cheong, còn sống và rạng rỡ. Nhà vua bị mê hoặc bởi vẻ đẹp và sự trong sáng của nàng, và vua đã phong nàng làm hoàng hậu.

Mặc dù Shim Cheong sống trong sung túc và hạnh phúc, nàng không bao giờ quên người cha mù của mình. Một ngày nọ, nhà vua nhận thấy nỗi buồn của nàng, và sau khi biết câu chuyện của nàng, ông quyết định giúp đỡ. Nhà vua ra lệnh tổ chức một bữa tiệc lớn cho tất cả những người mù trong vương quốc, hy vọng rằng cha nàng sẽ tham dự.

Trong khi đó, cha của Shim Cheong vẫn bị mù dù đã dâng cúng gạo. Ông ta đã biết được từ những người hàng xóm về những hy sinh mà con gái mình đã dành cho ông, và ông sống trong sự hối tiếc và đau buồn sâu sắc. Khi nghe tin về bữa tiệc của nhà vua dành cho người mù, ông quyết định đến dự.

Trong suốt bữa tiệc, Shim Cheong tìm kiếm cha mình trong số các vị khách, nhưng cô không thể tìm thấy ông. Vào ngày cuối cùng, khi cô gần như mất hết hy vọng, một ông lão yếu ớt trong bộ quần áo rách rưới bước vào cung điện. Shim Cheong nhận ra ông ngay lập tức và chạy đến ôm ông. Khi cô ôm lấy ông, một phép màu đã xảy ra—cha cô mở mắt và nhìn thấy con gái mình lần đầu tiên.

Nhà vua vô cùng vui mừng khi chứng kiến cuộc hội ngộ của họ. Ông ra lệnh tiếp tục lễ hội thêm một tuần nữa, và toàn bộ vương quốc hân hoan.

Từ ngày đó trở đi, Shim Cheong và cha cô sống hạnh phúc bên nhau.

17. The Story of Shim Cheong

Long ago in Korea, there lived a girl named Shim Cheong. Her mother died when she was born, and her father was blind. Because he could not work, Shim Cheong had to earn money from a very young age to support them both.

One evening, Shim Cheong was late returning home from work. Worried, her father went out to look for her. While crossing a bridge, he slipped and fell into the river. He struggled in the water, calling for help. A monk happened to pass by, and he jumped in to rescue the drowning man. When he learned that the man was blind, he offered advice: if he made an offering of 45 metric tons of rice to Buddha, he would regain his sight.

Shim Cheong's father was overjoyed and promised to make the offering. But soon he realized he had no way to obtain such a large amount of rice. When Shim Cheong returned home and saw him looking distressed, he told her everything. She decided she would find a way to fulfill the promise for him.

One day, Shim Cheong heard news that a group of sailors was looking for a girl to offer to the Sea God. They were willing to pay any price. Understanding what this meant, she went to the sailors and offered herself in exchange for the 45 metric tons of rice her father needed. The sailors were deeply moved by her devotion and agreed.

Before leaving, Shim Cheong told her father that she was being adopted by a wealthy family who would donate the rice to the temple. Believing her words, her father rejoiced, thinking he would soon see again.

Shim Cheong boarded the ship with the sailors. After several days at sea, they reached deep waters. A fierce wind rose, and the waves roared. At that moment, the sailors prepared to offer Shim Cheong to the Sea God. She was cast into the sea as the sacrifice.

When she opened her eyes, she found herself in a strange and beautiful place beneath the water. Music echoed around her, and she wondered whether she was alive or dead. A voice told her that she was in the Sea King's palace, and that the Sea King had been touched by her devotion and had saved her.

Shim Cheong stayed in the underwater palace for several days. Then, one day, a maid informed her that the Sea King had decided she should return to the human world. She was placed inside a giant lotus blossom, which floated up to the surface of the sea.

The sailors who had once taken her as a sacrifice found the lotus blossom at the very spot where she had disappeared. Astonished, they brought it to their king. When the king touched the blossom, it opened, revealing Shim Cheong, alive and radiant. The king was captivated by her beauty and purity, and he made her his queen.

Although Shim Cheong lived in comfort and happiness, she never forgot her blind father. One day, the king noticed her sadness, and after learning her story, he decided to help. He ordered a grand feast for all blind people in the kingdom, hoping that her father would attend.

Meanwhile, Shim Cheong's father remained blind despite the offering of rice. He had learned from neighbors what his daughter had sacrificed for him, and he lived in deep regret and sorrow. When he heard about the king's feast for the blind, he decided to go.

During the feast, Shim Cheong searched among the guests, but she could not find her father. On the final day, just as she was losing hope, a frail old man in tattered clothes entered the palace. Shim Cheong recognized him immediately and rushed to him. As she embraced him, a miracle occurred—her father opened his eyes and saw his daughter for the first time.

The king was overjoyed to witness their reunion. He ordered the celebration to continue for another week, and the entire kingdom rejoiced.

Shim Cheong and her father lived together in happiness from that day forward.

.... O

18. Truyện nàng Chunhyang

Ngày xưa ngày xưa ở Hàn Quốc, có một chàng học giả trẻ tên là Yi Mongryong. Chàng chăm chỉ học hành mỗi ngày, và một buổi chiều nọ, chàng ra ngoài hít thở không khí trong lành. Tại một khu vườn gần đó, chàng nhìn thấy một cô gái tên Chunhyang đang đu xích đu. Vẻ duyên dáng và xinh đẹp của nàng lập tức chiếm trọn trái tim chàng.

Yi Mongryong sai người hầu Bangja đến mời Chunhyang gặp mặt, nhưng nàng từ chối. Quyết tâm, Yi Mongryong đến gặp mẹ nàng, Wolmae, để xin phép cưới nàng. Wolmae đồng ý, và hai người kết hôn ngay ngày hôm đó.

Không lâu sau, cha của Yi Mongryong, một quan chức chính phủ, được lệnh chuyển đến Hanyang (nay là Seoul). Yi Mongryong phải đi theo cha, để lại Chunhyang ở lại. Trước khi đi, Chunhyang tặng chàng một chiếc nhẫn như biểu tượng của tình yêu và hứa sẽ chung thủy cho đến khi chàng trở về đưa nàng đến Seoul.

Sau khi Yi Mongryong rời đi, một vị quan huyện mới đến làng. Tên hắn là Byeon Hakdo, một kẻ tham nhũng và ích kỷ, suốt ngày sống hưởng lạc với các kỹ nữ. Khi nghe tin về sắc đẹp của Chunhyang, hắn đã triệu nàng đến. Mặc dù Chunhyang không phải là kỹ nữ, Byeon vẫn đối xử với nàng như một kỹ nữ vì mẹ nàng từng là một kỹ nữ. Hắn ra lệnh cho Chunhyang phải phục vụ mình, nhưng nàng từ chối, tuyên bố rằng nàng thuộc về tình yêu đích thực của mình.

Tức giận vì sự từ chối của nàng, Byeon Hakdo đã giam nàng và lên kế hoạch trừng phạt nàng công khai vào ngày sinh nhật của hắn.

Trong khi đó, Yi Mongryong tham gia kỳ thi quốc gia ở Seoul và đạt điểm cao nhất. Kết quả là, chàng được bổ nhiệm làm thanh tra hoàng gia bí mật, hay Amhaengeosa, một đặc vụ ngầm của nhà vua chuyên điều tra các quan chức tham nhũng. Hóa trang thành thường dân, chàng trở về làng của Chunhyang và biết được sự tàn ác của Byeon Hakdo và nỗi đau khổ của Chunhyang.

Để che giấu thân phận, Yi Mongryong đã cải trang thành người ăn xin. Thương hại người ăn xin tội nghiệp, Chunhyang nhờ mẹ chăm sóc người ăn xin, mà không biết ông ta thực sự là ai.

Vào ngày sinh nhật của Byeon Hakdo, Yi Mongryong đến dự tiệc mà không được mời. Chàng đọc một bài thơ châm biếm chỉ trích sự tham nhũng của quan lại, nhưng Byeon Hakdo không hiểu ý nghĩa. Sau đó, Yi Mongryong tiết lộ thân phận thật của mình là thanh tra bí mật của nhà vua và lập tức bắt giữ Byeon Hakdo vì tội ác của ông ta.

Sau khi bắt giữ, Yi Mongryong đến thăm Chunhyang, người ban đầu không nhận ra chàng. Để thử lòng trung thành của cô, chàng giả vờ cầu hôn cô. Chunhyang kiên quyết từ chối, giữ đúng lời hứa tình yêu của mình. Vô cùng cảm động trước lòng chung thủy của cô, Yi Mongryong cho xem chiếc nhẫn mà cô đã tặng. Chunhyang cuối cùng cũng nhận ra sự thật, và hai người hạnh phúc đoàn tụ.

Yi Mongryong và Chunhyang sống hạnh phúc mãi mãi về sau, tình yêu của họ được ghi nhớ như một trong những câu chuyện tình yêu vĩ đại nhất trong văn hóa dân gian Hàn Quốc.

.... 0

18. The Story of Chunhyang

Long ago in Korea, there lived a young scholar named Yi Mongryong. He studied diligently every day, and one afternoon he went outside to get some fresh air. At a nearby garden, he saw a girl named Chunhyang riding a swing. Her grace and beauty captured his heart instantly.

Yi Mongryong sent his servant, Bangja, to ask Chunhyang to meet him, but she refused. Determined, Yi Mongryong went to speak with her mother, Wolmae, to ask for permission to marry her. Wolmae agreed, and the two young people were married that very day.

Soon after, Yi Mongryong's father, a government official, was ordered to move to Hanyang (modern-day Seoul). Yi Mongryong had to follow him, leaving Chunhyang behind. Before he left, Chunhyang gave him a ring as a symbol of her love and promised to remain faithful until he returned to take her to Seoul.

After Yi Mongryong's departure, a new magistrate arrived in the village. His name was Byeon Hakdo, a corrupt and selfish man who spent his days indulging in pleasure with gisaengs. When he heard of Chunhyang's beauty, he summoned her. Although Chunhyang was not a gisaeng, Byeon treated her like one because her mother had once been a gisaeng. He ordered Chunhyang to serve him, but she refused, declaring that she belonged to one true love.

Enraged by her refusal, Byeon Hakdo imprisoned her and planned to punish her publicly on his birthday.

Meanwhile, Yi Mongryong took the state examination in Seoul and earned the highest score. As a result, he was appointed a secret royal inspector, or Amhaengeosa, an undercover agent of the king who investigated corrupt officials. Disguised as a commoner, he returned to Chunhyang's village and learned of Byeon Hakdo's cruelty and Chunhyang's suffering.

To hide his identity, Yi Mongryong dressed as a beggar. Feeling sorry for the poor beggar, Chunhyang asked her mother to take care of him, not knowing who he really was.

On Byeon Hakdo's birthday, Yi Mongryong entered the celebration uninvited. He recited a satirical poem criticizing the magistrate's corruption, though Byeon Hakdo failed to understand the meaning. Yi Mongryong then revealed his true identity as the king's secret inspector and immediately arrested Byeon Hakdo for his crimes.

After the arrest, Yi Mongryong visited Chunhyang, who did not recognize him at first. To test her loyalty, he pretended to ask her to become his gisaeng. Chunhyang refused firmly, staying true to her promise of love. Deeply moved by her faithfulness, Yi Mongryong revealed the ring she had given him. Chunhyang realized the truth at last, and the two were joyfully reunited.

Yi Mongryong and Chunhyang lived happily ever after, their love remembered as one of the greatest tales of devotion in Korean folklore.

.... O

19. Công chúa ngủ trong rừng

Ngày xưa ngày xưa, có một vị vua và hoàng hậu tha thiết mong có con. Sau nhiều lời cầu nguyện và những chuyến hành trình, cuối cùng điều ước của họ cũng được đáp ứng, và hoàng hậu sinh được một nàng công chúa. Để ăn mừng, họ tổ chức một lễ hội và mời bảy nàng tiên, mỗi người sẽ ban phước cho công chúa một món quà đặc biệt.

Trong bữa tiệc, một bà tiên già bất ngờ xuất hiện. Bà không được mời vì đã năm mươi năm không ai nhìn thấy bà, và mọi người tin rằng bà hoặc đã chết hoặc bị ma thuật giam cầm. Cảm thấy bị xúc phạm, bà chuẩn bị ban cho công chúa một món quà tàn nhẫn. May mắn thay, một nàng tiên trẻ hơn đã trốn gần đó, sẵn sàng làm dịu bớt bất kỳ điều xấu nào mà bà tiên già định làm.

Từng người một, các nàng tiên ban phước cho công chúa vẻ đẹp, trí thông minh, sự duyên dáng, kỹ năng khiêu vũ, giọng hát tuyệt vời và tài năng âm nhạc hoàn hảo. Sau đó, bà tiên già bước tới và tuyên bố rằng công chúa một ngày nào đó sẽ đâm tay vào con suốt và rồi chết. Cả triều đình kinh hoàng.

Nàng tiên trẻ lập tức bước ra và thay đổi lời nguyền. Cô không thể hoàn toàn hóa giải nó, nhưng cô hứa rằng công chúa sẽ không chết. Thay vào đó, công chúa sẽ chìm vào giấc ngủ sâu suốt một trăm năm, và một hoàng tử sẽ đánh thức nàng khi đến lúc.

Để ngăn chặn thảm họa, nhà vua đã cấm tất cả các loại khung dệt và con suốt trong toàn vương quốc. Trong nhiều năm, công chúa lớn lên an toàn và xinh đẹp. Nhưng khi nàng khoảng mười lăm hoặc mười

sáu tuổi, nàng lang thang trong cung điện và phát hiện một bà lão đang dệt sợi trong một căn phòng trên tháp. Bà lão chưa từng nghe nói về sắc lệnh của nhà vua. Tò mò, công chúa xin được thử con suốt, và ngay khi chạm vào nó, nàng bị kim đâm vào tay và ngã vào giấc ngủ sâu.

Nhà vua nhớ đến lời tiên tri của bà tiên và nhẹ nhàng đặt công chúa lên chiếc giường được trang trí bằng vàng và bạc. Nàng trông thật bình yên, như thể chỉ đang nghỉ ngơi. Nàng tiên trẻ, người đã làm dịu lời nguyền, trở về từ một vùng đất xa xôi ngay khi nghe tin về những gì đã xảy ra. Để bảo đảm công chúa sẽ không tỉnh dậy một mình, nàng tiên đã khiến tất cả mọi người trong cung điện ngủ say—người hầu, lính canh, động vật, thậm chí cả những chiếc xiên nướng trên lửa. Sau đó, nàng tiên khiến một khu rừng gai và cây cối rậm rạp mọc xung quanh cung điện, che giấu nó khỏi thế giới.

Một trăm năm trôi qua. Một ngày nọ, một hoàng tử đi săn gần đó để ý thấy đỉnh những tòa tháp nhô lên trên một khu rừng rậm rạp. Người ta kể cho chàng nghe nhiều câu chuyện – có người nói nơi đó bị ma ám, có người cho rằng phù thủy tụ họp ở đó, và có người tin rằng một người khổng lồ sống bên trong. Nhưng một ông lão đã nói cho chàng biết sự thật: một nàng công chúa đang ngủ say bên trong, chờ đợi một hoàng tử đánh thức nàng.

Hoàng tử cảm thấy bị thu hút bởi sự bí ẩn và cưỡi ngựa tiến về phía khu rừng. Khi chàng đến gần, cây cối và gai góc tự động mở ra, cho phép chàng đi qua. Khi chàng nhìn lại, con đường đã đóng lại. Chàng tiếp tục tiến về phía trước cho đến khi đến được cung điện im lặng, nơi mọi người vẫn ngủ say như một thế kỷ trước.

Chàng đi qua những hành lang yên tĩnh cho đến khi đến một căn phòng vàng. Ở đó, chàng tìm thấy nàng công chúa, rạng rỡ sắc đẹp ngay cả trong giấc ngủ mê hoặc. Như lời tiên tri đã hứa, ngay khi chàng đến gần, phép thuật kết thúc. Nàng công chúa mở mắt và nhìn chàng với ánh mắt ấm áp, như thể nàng đã chờ đợi chàng từ lâu.

Chẳng mấy chốc, toàn bộ cung điện thức tỉnh. Các người hầu trở lại công việc của mình, các nhạc công lại tấu nhạc, và hoàng tử cùng công chúa cùng nhau dùng bữa vui vẻ trong đại sảnh. Ngay đêm đó, họ làm lễ cưới trong lâu đài.

Sáng hôm sau, hoàng tử trở về vương quốc của mình, nói với cha rằng mình đã bị lạc trong rừng. Tuy nhiên, mẹ chàng nghi ngờ chàng đang giấu điều gì đó. Trong hai năm, chàng bí mật đến thăm công chúa, và họ có hai người con: một con gái tên là Morning và một con trai tên là Day.

Khi nhà vua băng hà, hoàng tử cuối cùng cũng tiết lộ cuộc hôn nhân của mình và đưa vợ con về cung điện. Nhưng mẹ chàng, người xuất thân từ một gia tộc quý dữ, lại có những thèm muốn nguy hiểm. Khi hoàng tử ra trận, bà đã gửi hoàng hậu trẻ và các con đến một ngôi nhà trong rừng, với ý định thỏa mãn cơn thèm ăn quái dị của mình.

Bà ra lệnh cho đầu bếp hoàng gia chuẩn bị Morning cho bữa tối. Người đầu bếp, kinh hoàng, đã giấu đứa trẻ đi và thay vào đó dọn một con cừu. Sau đó, bà đòi Day, và một lần nữa người đầu bếp đã cứu cậu bằng cách thay thế bằng một con vật khác. Cuối cùng, bà ra lệnh cho người đầu bếp chuẩn bị chính

hoàng hậu trẻ. Người đầu bếp thú nhận mọi chuyện với hoàng hậu và giấu nàng cùng lũ trẻ, thay bằng dọn thịt nai lên bàn.

Một ngày nọ, mụ phù thủy nghe thấy tiếng lũ trẻ và nhận ra mình đã bị lừa. Tức giận, mụ chuẩn bị một cái bồng khổng lồ chứa đầy rắn và các sinh vật độc hại, định ném hoàng hậu, lũ trẻ và gia đình người đầu bếp vào đó. Đúng lúc đó, nhà vua bất ngờ trở về và đòi biết chuyện gì đang xảy ra. Trước khi có ai kịp trả lời, mụ phù thủy trong cơn thịnh nộ đã lao mình vào bồng và bị chính những sinh vật mình đã tập hợp tiêu diệt.

Nhà vua đau lòng trước số phận của mẹ mình nhưng nhẹ nhõm khi thấy vợ con an toàn. Gia đình đoàn tụ, và hòa bình trở lại vương quốc.

.... O

19. Sleeping Beauty

Long ago, a king and queen wished deeply for a child. After many prayers and journeys, their wish was finally granted, and the queen gave birth to a daughter. To celebrate, they held a festival and invited seven fairies, each of whom would bless the princess with a special gift.

During the feast, an old fairy arrived unexpectedly. She had not been invited because she had not been seen for fifty years, and everyone believed she was either dead or trapped by magic. Feeling insulted, she prepared to give the princess a cruel gift. Fortunately, a younger fairy hid nearby, ready to soften whatever harm the old fairy intended.

One by one, the fairies blessed the princess with beauty, intelligence, grace, skill in dance, a lovely singing voice, and perfect musical talent. Then the old fairy stepped forward and declared that the princess would one day prick her hand on a spindle and die. The court was horrified.

The young fairy immediately stepped out and changed the curse. She could not undo it completely, but she promised that the princess would not die. Instead, she would fall into a deep sleep for one hundred years, and a prince would awaken her when the time came.

To prevent the disaster, the king banned all spinning wheels and spindles throughout the kingdom. For many years, the princess grew safely and beautifully. But when she was about fifteen or sixteen, she wandered through the palace and discovered an old woman spinning in a tower room. The woman had never heard of the king's decree. Curious, the princess asked to try the spindle, and the moment she touched it, she pricked her hand and collapsed into a deep sleep.

The king remembered the fairy's prophecy and placed the princess gently on a bed decorated with gold and silver. She looked peaceful, as if she were only resting. The young fairy, who had softened the curse, returned from a faraway land as soon as she heard what had happened. To ensure the princess would not wake alone, she put everyone in the palace to sleep—servants, guards, animals, even the cooking spits over the fire. Then she caused a thick forest of thorns and trees to grow around the palace, hiding it from the world.

A hundred years passed. One day, a prince hunting nearby noticed the tops of towers rising above a dense forest. People told him many stories—some said the place was haunted, others claimed witches gathered there, and some believed a giant lived inside. But an old man told him the truth: a princess lay sleeping inside, waiting for a prince to awaken her.

The prince felt drawn to the mystery and rode toward the forest. As he approached, the trees and thorns opened on their own, allowing him to pass. When he looked back, the path had closed again. He continued forward until he reached the silent palace, where everyone lay asleep exactly as they had been a century earlier.

He walked through the quiet halls until he reached a golden chamber. There he found the princess, glowing with beauty even in her enchanted sleep. As the prophecy promised, the moment he approached, the spell ended. The princess opened her eyes and looked at him with warmth, as if she had been waiting for him all along.

Soon the entire palace awakened. The servants returned to their duties, the musicians played again, and the prince and princess shared a joyful meal in the great hall. That very night, they were married in the castle.

The prince returned to his kingdom the next morning, telling his father he had been lost in the forest. His mother, however, suspected he was hiding something. For two years, he secretly visited the princess, and they had two children: a daughter named Morning and a son named Day.

When the king died, the prince finally revealed his marriage and brought his wife and children to the palace. But his mother, who came from a family of ogres, had dangerous cravings. When the prince left for war, she sent the young queen and her children to a house in the woods, planning to satisfy her monstrous appetite.

She ordered the royal cook to prepare Morning for dinner. The cook, horrified, hid the child and served a lamb instead. Later, she demanded Day, and again the cook saved him by substituting another animal. Finally, she ordered the cook to prepare the young queen herself. The cook confessed everything to the queen and hid her with the children, serving a deer in her place.

One day, the ogress heard the children's voices and realized she had been deceived. Furious, she prepared a giant tub filled with snakes and poisonous creatures, intending to throw the queen, the children, and the cook's family into it. At that moment, the king returned unexpectedly and demanded to know what was happening. Before anyone could answer, the ogress threw herself into the tub in rage and was destroyed by the very creatures she had gathered.

The king was saddened by his mother's fate but relieved to find his wife and children safe. The family was reunited, and peace returned to the kingdom.

.... O

20. Aladdin và Chiếc Đèn Thần

Ngày xưa ngày xưa, ở một thành phố xa xôi, có một người thợ may nghèo và con trai ông, Aladdin, một cậu bé dành cả ngày chơi đùa trên đường phố thay vì học một nghề. Sau khi cha mất, Aladdin tiếp tục cuộc sống vô tư cho đến một ngày nọ, một người lạ mặt đến gần cậu. Người đàn ông này thực chất là một pháp sư người châu Phi, giả vờ là người chú thất lạc lâu năm của Aladdin.

Vị pháp sư chiếm được lòng tin của Aladdin và mẹ cậu, rồi dẫn cậu bé ra khỏi thành phố đến một hang động bí mật. Dùng phép thuật, ông ta mở cửa hang và ra lệnh cho Aladdin vào trong lấy một chiếc đèn cổ. Hang động chứa đầy những kho báu kỳ lạ và những loại trái cây phát sáng, nhưng vị pháp sư chỉ muốn chiếc đèn. Khi Aladdin từ chối giao nó trước khi leo ra ngoài, vị pháp sư đã đóng kín hang động và bỏ rơi cậu.

Bị mắc kẹt trong bóng tối, Aladdin vô tình cọ xát chiếc nhẫn mà vị pháp sư đã đưa cho cậu. Một thần đèn quyền năng xuất hiện và giải thoát cậu. Khi Aladdin trở về nhà, mẹ cậu cố gắng lau chùi chiếc đèn, và một thần đèn khác xuất hiện—thần đèn này còn mạnh hơn nữa. Từ ngày đó trở đi, chiếc đèn thần cung cấp thức ăn, của cải và mọi thứ Aladdin cần. Những trái cây thần kỳ mà chàng mang về từ hang động hóa ra lại là những viên ngọc quý.

Một ngày nọ, Aladdin nhìn thấy con gái của Sultan và đem lòng yêu nàng. Quyết tâm cưới nàng, chàng sai mẹ đến cung điện với một món quà là ngọc quý. Ấn tượng trước điều đó, Sultan đồng ý, nhưng với điều kiện Aladdin phải gửi một lễ vật xa hoa. Với sự giúp đỡ của thần đèn, Aladdin đã đáp ứng mọi yêu cầu và cuối cùng cưới được công chúa. Chàng cũng nhờ thần đèn xây dựng một cung điện tráng lệ, lộng lẫy hơn bất cứ thứ gì trong vương quốc.

Trong nhiều năm, Aladdin sống hạnh phúc với vợ mình. Nhưng ở một nơi xa xôi, tên phù thủy phát hiện ra rằng Aladdin vẫn còn sống và sở hữu chiếc đèn thần. Hắn quay lại cải trang và lừa công chúa đổi chiếc đèn cũ lấy một chiếc đèn mới. Sau khi có được chiếc đèn, hắn ra lệnh cho thần đèn mang toàn bộ cung điện—và cả công chúa bên trong—đến châu Phi.

Sultan, nhìn thấy cung điện biến mất, đổ lỗi cho Aladdin. Nhưng Aladdin đã dùng thần đèn của chiếc nhẫn để du hành đến châu Phi. Ở đó, chàng gặp lại công chúa và biết được lý do chiếc đèn bị đánh cắp. Cả hai cùng nhau lập kế hoạch. Công chúa giả vờ chào đón tên phù thủy và mời hắn rượu pha thuốc ngủ. Khi hắn gục ngã, Aladdin đã lấy lại được chiếc đèn và ra lệnh cho thần đèn trả lại cung điện về vị trí cũ.

Vua Sultan vui mừng khôn xiết khi gặp lại con gái mình. Aladdin giải thích mọi chuyện, và thi thể của tên phù thủy đã chứng minh sự thật. Hòa bình trở lại, nhưng nguy hiểm vẫn chưa chấm dứt. Em trai của tên phù thủy, thậm chí còn xảo quyệt hơn, đã đến để trả thù. Hắn cải trang thành một nữ tu sĩ, chiếm được lòng tin của công chúa và cố gắng lừa nàng xin một quả trứng chim thần kỳ – điều không thể và vô cùng nguy hiểm.

Thần đèn cảnh báo Aladdin về âm mưu này. Aladdin đã đổi đầu với nữ tu sĩ giả mạo và đánh bại em trai của tên phù thủy trước khi hắn có thể gây hại. Sau mối đe dọa cuối cùng này, Aladdin và công chúa sống trong an toàn và hạnh phúc. Khi Sultan băng hà, Aladdin lên ngôi và được nhớ đến như một vị vua khôn ngoan và hào phóng.

20. Aladdin and the Wonderful Lamp

Long ago, in a distant city, lived a poor tailor and his son Aladdin, a boy who spent his days playing in the streets instead of learning a trade. After his father died, Aladdin continued his careless life until one day a stranger approached him. This man was actually an African magician who pretended to be Aladdin's long-lost uncle.

The magician gained the trust of Aladdin and his mother, then led the boy far outside the city to a hidden cave. Using magic, he opened the entrance and ordered Aladdin to go inside and retrieve an old lamp. The cave was filled with strange treasures and glowing fruits, but the magician wanted only the lamp. When Aladdin refused to hand it over before climbing out, the magician sealed the cave and abandoned him.

Trapped in darkness, Aladdin accidentally rubbed a ring the magician had given him. A powerful genie appeared and freed him. When Aladdin returned home, his mother tried to clean the lamp, and another genie appeared—this one even stronger. From that day on, the lamp provided food, wealth, and anything Aladdin needed. The magical fruits he had brought from the cave turned out to be precious jewels.

One day, Aladdin saw the Sultan's daughter and fell in love with her. Determined to marry her, he sent his mother to the palace with a gift of jewels. Impressed, the Sultan agreed, but only if Aladdin could send an extravagant offering. With the genie's help, Aladdin fulfilled every demand and eventually married the princess. He also used the genie to build a magnificent palace, more splendid than anything in the kingdom.

For years, Aladdin lived happily with his wife. But far away, the magician discovered that Aladdin had survived and possessed the lamp. He returned in disguise and tricked the princess into exchanging the old lamp for a new one. Once he had the lamp, he commanded the genie to carry the entire palace—and the princess inside it—to Africa.

The Sultan, seeing the palace vanish, blamed Aladdin. But Aladdin used the genie of the ring to travel to Africa. There he reunited with the princess and learned how the lamp had been stolen. Together they devised a plan. The princess pretended to welcome the magician and offered him wine mixed with a sleeping powder. When he collapsed, Aladdin recovered the lamp and ordered the genie to return the palace to its original place.

The Sultan rejoiced when he saw his daughter again. Aladdin explained everything, and the magician's body proved the truth. Peace returned, but danger was not over. The magician's younger brother, even more cunning, came to avenge him. Disguised as a holy woman, he gained the princess's trust and tried to trick her into asking for a magical roc's egg—something impossible and dangerous.

The genie warned Aladdin of the plot. Aladdin confronted the false holy woman and defeated the magician's brother before he could cause harm. After this final threat, Aladdin and the princess lived in

safety and happiness. When the Sultan died, Aladdin became ruler and was remembered as a wise and generous king.

.... O

21. Mỹ Nhân và Quái vật

Ngày xưa ngày xưa, có một thương gia giàu có sống hạnh phúc với sáu con trai và sáu con gái. Nhưng rồi một loạt tai họa ập đến: nhà ông bị cháy rụi, tàu thuyền bị mất tích trên biển, và công việc kinh doanh sụp đổ. Gia đình trở nên nghèo khó và chuyển đến một căn nhà nhỏ sâu trong rừng. Các cô con gái liên tục than phiền về cuộc sống mới, ngoại trừ cô con gái út, người vẫn giữ được lòng tốt, sự vui vẻ và chăm chỉ. Vì bản tính dịu dàng, mọi người gọi cô là Mỹ Nhân.

Một ngày nọ, người thương gia nghe tin một trong những con tàu bị mất tích của mình đã trở về. Hy vọng khôi phục lại gia sản, ông lên đường đến thành phố. Các con ông đòi những món quà đắt tiền, nhưng Mỹ Nhân chỉ xin một bông hồng. Khi đến nơi, ông phát hiện ra hàng hóa trên tàu đã bị người khác lấy mất, và ông trở về nhà nghèo khó như trước.

Trên đường trở về giữa một trận bão tuyết, ông bị lạc và tìm được nơi trú ẩn trong một lâu đài bí ẩn. Bên trong, ông tìm thấy những căn phòng ấm áp và những bữa ăn ngon, mặc dù không có ai xuất hiện để chào đón ông. Trước khi rời đi, ông hái một bông hồng trong vườn để tặng Mỹ Nhân. Ngay lúc đó, một con Quái vật đáng sợ xuất hiện và buộc tội ông ăn trộm. Quái thú tuyên bố rằng người thương nhân phải chết vì tội ác của mình—trừ khi một trong những cô con gái của ông ta tự nguyện đến sống trong lâu đài thay thế ông.

Người thương nhân trở về nhà trong tuyệt vọng. Khi Mỹ Nhân biết chuyện gì đã xảy ra, nàng nhất quyết đến gặp Quái thú để cứu cha mình. Nàng cùng hắn đến lâu đài, nơi Quái thú đối xử với nàng bằng sự dịu dàng đáng ngạc nhiên. Cha nàng được đưa về nhà với những rương đầy của cải, trong khi Mỹ Nhân ở lại.

Cuộc sống trong lâu đài thật kỳ lạ nhưng thoải mái. Mỹ Nhân khám phá những căn phòng, khu vườn, thư viện tuyệt đẹp và những trò giải trí kỳ diệu. Mỗi tối, Quái thú đều đến thăm nàng. Mặc dù vẻ ngoài đáng sợ, hắn lại lịch sự và chu đáo. Theo thời gian, Mỹ Nhân bớt sợ hãi hơn, nhưng nàng vẫn nhớ gia đình mình.

Một đêm nọ, Quái thú cho phép nàng về thăm nhà trong hai tháng, cảnh báo rằng hắn sẽ chết vì đau buồn nếu nàng không trở lại đúng hạn. Mỹ Nhân hứa sẽ trở lại. Gia đình nàng chào đón nàng nồng nhiệt, nhưng những người chị gái ghen tị của nàng đã cố gắng trì hoãn sự trở về của nàng. Khi Mỹ Nhân cuối cùng vội vã trở lại lâu đài, nàng thấy Quái thú nằm trong vườn, yếu ớt và sắp chết.

Nhận ra tình cảm sâu sắc mà nàng dành cho chàng, nàng ước chàng được sống. Ngay lúc đó, Quái vật biến thành một hoàng tử đẹp trai. Chàng giải thích rằng mình đã bị nguyền rủa và chỉ có người yêu thương chàng bất chấp vẻ ngoài xấu xí mới có thể giải thoát chàng. Lòng trung thành và sự thương cảm của Mỹ Nhân đã phá vỡ lời nguyền.

Hoàng tử đưa Mỹ Nhân về vương quốc của mình, nơi gia đình nàng được chào đón nồng nhiệt, và hai người sống hạnh phúc bên nhau trong bình yên.

.... O

21. Beauty and the Beast

Long ago, a wealthy merchant lived happily with his six sons and six daughters. But a series of disasters struck: his house burned down, his ships were lost at sea, and his business collapsed. The family became poor and moved to a small cottage deep in the forest. The daughters complained constantly about their new life, except for the youngest, who remained kind, cheerful, and hardworking. Because of her gentle nature, everyone called her Beauty.

One day, the merchant heard that one of his lost ships had returned. Hoping to recover his fortune, he traveled to the city. His children asked for expensive gifts, but Beauty asked only for a single rose. When he arrived, he discovered that the ship's cargo had already been taken by others, and he returned home as poor as before.

On his way back through a snowstorm, he became lost and found shelter in a mysterious castle. Inside, he found warm rooms and delicious meals, though no one appeared to greet him. Before leaving, he picked a rose from the garden for Beauty. At that moment, a terrifying Beast appeared and accused him of stealing. The Beast declared that the merchant must die for his crime—unless one of his daughters came willingly to live in the castle in his place.

The merchant returned home in despair. When Beauty learned what had happened, she insisted on going to the Beast to save her father. She traveled with him to the castle, where the Beast treated her with surprising gentleness. Her father was sent home with trunks full of riches, while Beauty remained behind.

Life in the castle was strange but comfortable. Beauty explored beautiful rooms, gardens, libraries, and magical entertainments. Each evening, the Beast visited her. Though he looked frightening, he was polite and thoughtful. Over time, Beauty grew less afraid, but she still longed for her family.

One night, the Beast allowed her to visit home for two months, warning her that he would die of sorrow if she did not return in time. Beauty promised to come back. Her family welcomed her warmly, but her jealous sisters tried to delay her return. When Beauty finally hurried back to the castle, she found the Beast lying in the garden, weak and near death.

Realizing how deeply she cared for him, Beauty wished for him to live. At that moment, the Beast transformed into a handsome prince. He explained that he had been cursed and could only be freed by someone who loved him despite his appearance. Beauty's loyalty and compassion had broken the spell.

The prince brought Beauty to his kingdom, where her family was welcomed, and the two lived together in happiness and peace.

.... O

22. Bốn mươi tên trộm

Ngày xưa ngày xưa ở Ba Tư có hai anh em: **Cassim**, người giàu có, và **Ali Baba**, người nghèo khó, kiếm sống bằng nghề đốn củi. Một ngày nọ, khi đang nhặt củi trong rừng, Ali Baba thấy bốn mươi tên trộm cưỡi ngựa đến. Anh ta nấp trên một cái cây và quan sát tên thủ lĩnh mở một hang động bí mật bằng cách nói câu thần chú “Mở ra, vừng ơi”. Sau khi bọn trộm rời đi, Ali Baba vào hang và phát hiện ra những đồng vàng, bạc và đồ quý giá. Anh ta lấy vài túi vàng mang về nhà và chia sẻ bí mật với vợ mình.

Cassim sớm biết được phát hiện của Ali Baba và ép anh ta tiết lộ vị trí của hang động. Tham lam kho báu, Cassim một mình đến đó với những con la và những chiếc rương. Nhưng sau khi vào hang, anh ta quên mất câu thần chú để mở cửa. Khi bọn trộm trở về, chúng thấy anh ta bị mắc kẹt và đã giết chết anh ta.

Khi Cassim không trở về nhà, Ali Baba đến hang động, tìm thấy thi thể của anh trai mình và bí mật mang về. Cô hầu gái thông minh Morgiana của Cassim đã giúp che giấu sự thật bằng cách sắp xếp một đám tang tử tế và ngụy trang nguyên nhân cái chết.

Bọn trộm sớm nhận ra có người khác biết bí mật của chúng. Chúng cố gắng truy tìm kẻ đột nhập bằng cách đánh dấu nhà của Cassim, nhưng Morgiana đã nhận ra và khéo léo đánh dấu một số nhà lân cận theo cùng một cách. Âm mưu của bọn trộm thất bại, và những kẻ đưa tin của chúng đã bị tên đội trưởng xử tử.

Quyết tâm trả thù, tên đội trưởng cải trang thành một thương gia dầu mỡ và đưa ba mươi tám tên trộm trốn trong những chum dầu lớn đến nhà Ali Baba. Ali Baba chào đón hẳn như một vị khách, không hề hay biết về mối nguy hiểm. Nhưng Morgiana đã phát hiện ra âm mưu khi cô đi lấy dầu và nghe thấy tiếng nói bên trong những chum. Cô đun sôi dầu trong ấm và đổ vào từng chum, giết chết tất cả những tên trộm đang trốn. Tên đội trưởng trốn thoát nhưng thề sẽ quay lại.

Sau đó, tên đội trưởng lại cải trang một lần nữa, lần này là một thương gia tên Cogia Hassan, và kết bạn với con trai của Ali Baba. Cuối cùng, hẳn được mời đến ăn tối tại nhà Ali Baba. Morgiana nhận ra hẳn và biểu diễn một điệu múa với con dao găm. Đúng lúc cần thiết, nàng ra đòn đâm dao và giết chết hẳn, cứu mạng Ali Baba một lần nữa.

Biết ơn lòng trung thành và sự dũng cảm của nàng, Ali Baba đã trả tự do cho Morgiana và sắp xếp cho nàng kết hôn với con trai mình. Sau khi bọn trộm rời đi, Ali Baba trở về hang động và an toàn thu thập thêm kho báu. Ông truyền lại bí quyết cho con cháu mình, và họ đã sống sung túc qua nhiều thế hệ.

.... O

22. The Forty Thieves

Long ago in Persia lived two brothers: **Cassim**, who was wealthy, and **Ali Baba**, who was poor and earned his living by cutting wood. One day, while gathering firewood in the forest, Ali Baba saw forty thieves arrive on horseback. He hid in a tree and watched as their captain opened a secret cave by

saying the magic words “*Open, Sesame.*” After the thieves left, Ali Baba entered the cave and discovered piles of gold, silver, and precious goods. He took a few bags of gold home and shared the secret with his wife.

Cassim soon learned of Ali Baba’s discovery and forced him to reveal the location of the cave. Greedy for treasure, Cassim went there alone with mules and chests. But after entering the cave, he forgot the magic words to open the door again. When the thieves returned, they found him trapped and killed him.

When Cassim did not return home, Ali Baba went to the cave, found his brother’s body, and brought it back secretly. Cassim’s clever servant **Morgiana** helped hide the truth by arranging a proper burial and disguising the cause of death.

The thieves soon realized someone else knew their secret. They tried to track down the intruder by marking Cassim’s house, but Morgiana noticed and cleverly marked several neighboring houses the same way. The thieves’ attempts failed, and their messengers were executed by their captain.

Determined to take revenge, the captain disguised himself as an oil merchant and brought thirty-eight thieves hidden inside large oil jars to Ali Baba’s home. Ali Baba welcomed him as a guest, unaware of the danger. But Morgiana discovered the plot when she went to fetch oil and heard voices inside the jars. She boiled oil in a kettle and poured it into each jar, killing all the hidden thieves. The captain escaped but vowed to return.

Later, the captain disguised himself again, this time as a merchant named **Cogia Hassan**, and befriended Ali Baba’s son. Eventually he was invited to dinner at Ali Baba’s house. Morgiana recognized him and performed a dance with a dagger. At the right moment, she struck and killed him, saving Ali Baba’s life once more.

Grateful for her loyalty and courage, Ali Baba freed Morgiana and arranged for her to marry his son. With the thieves gone, Ali Baba returned to the cave and safely collected more treasure. He passed the secret to his descendants, who remained prosperous for generations.

.... O

23. Nàng Công Chúa Kiêu Ngạo

Ngày xưa ngày xưa, có một vị vua nhân từ với một cô con gái nổi tiếng về nhan sắc. Nhưng nàng cũng vô cùng kiêu ngạo. Nàng từ chối mọi người cầu hôn—vua, hoàng tử, công tước và quý tộc—cho dù họ có xứng đáng đến đâu.

Cuối cùng, nhà vua chán ngấy sự kiêu ngạo của nàng. Ông mời tất cả các quý tộc mà ông biết, hy vọng cuối cùng nàng sẽ chọn một người chồng. Họ xếp hàng trong vườn, và công chúa đi ngang qua họ, đánh giá từng người một cách khắc nghiệt. Nàng chế nhạo người đàn ông mập, người đàn ông gầy, người đàn ông xanh xao và người đàn ông mặt đỏ. Khi đến người cầu hôn cuối cùng—một người đàn ông đẹp trai chỉ có một lọn tóc nhỏ dưới cằm—nàng vẫn tìm cách xúc phạm anh ta, gọi anh ta là “Râu ria”.

Bị sỉ nhục và tức giận, nhà vua tuyên bố rằng nàng sẽ phải cưới người ăn xin nào kể tiếp đến cửa. Ngay sáng hôm sau, một người hát rong rách rưới xuất hiện. Không chút do dự, nhà vua ra lệnh kết hôn, và công chúa bị buộc phải cưới người đàn ông nghèo khổ đó bất chấp những giọt nước mắt của nàng.

Người chồng mới cưới dẫn nàng đến một túp lều nhỏ. Nàng sớm nhận ra rằng mình phải nấu ăn, dọn dẹp và làm việc như bao người phụ nữ nghèo khác. Nàng thử đan rổ, may vá và bán đồ gốm ở chợ, nhưng mọi việc đều thất bại. Đôi bàn tay mỏng manh của nàng phồng rộp, và lòng tự trọng khiến mỗi công việc đều trở nên đau đớn. Khi một người cưới ngựa say rượu phá hỏng đồ gốm của nàng, nàng trở về nhà trong nước mắt.

Thấy nàng không thể làm được những công việc này, chồng nàng tìm cho nàng công việc, làm người hầu bếp trong một cung điện hoàng gia. Nàng nuốt nước mắt và làm việc chăm chỉ, dù vẫn giấu thức ăn thừa trong túi để mang về nhà mỗi tối.

Một buổi tối nọ, cung điện tràn ngập sự náo động: nhà vua này sắp kết hôn, dù không ai biết danh tính của cô dâu. Trước khi về nhà, người đầu bếp cho phép công chúa nhìn vào đại sảnh. Khi nàng nhìn vào bên trong, chính nhà vua xuất hiện – và đó không ai khác ngoài người đàn ông đẹp trai mà nàng từng chế giễu là “Râu ria”.

Ông nhận ra nàng ngay lập tức và kéo nàng vào sảnh để khiêu vũ. Nhưng khi họ đang khiêu vũ, những mẩu thức ăn giấu trong túi nàng rơi xuống sàn, và mọi người đều cười. Xấu hổ, nàng bỏ chạy, nhưng nhà vua đã đuổi theo nàng vào một căn phòng riêng.

Ở đó, ông tiết lộ sự thật: ông không chỉ là một vị vua mà còn là người ca sĩ lang thang và người cưới ngựa say rượu. Cha nàng đã đồng ý với kế hoạch này để dạy nàng sự khiêm nhường. Tất cả những gì nàng đã chịu đựng đều nhằm mục đích làm mềm lòng nàng.

Ngập tràn trong sự xấu hổ, sợ hãi và nhẹ nhõm, công chúa cuối cùng cũng hiểu được sự kiêu ngạo của mình ngu ngốc đến mức nào. Nàng khóc trong vòng tay chồng, biết ơn sự tha thứ của chàng.

Các thị nữ mặc cho nàng những bộ quần áo lộng lẫy, và nàng được giới thiệu với triều đình như là cô dâu thực sự của nhà vua. Cha mẹ nàng vui mừng, và toàn bộ cung điện ăn mừng. Từ ngày đó trở đi, nàng công chúa kiêu ngạo ngày nào đã trở thành một nữ hoàng duyên dáng và yêu thương.

.... O

23. The Haughty Princess

Long ago, there was a good king with a daughter famous for her beauty. But she was also unbearably proud. She refused every suitor—kings, princes, dukes, and noblemen—no matter how worthy they were.

At last, the king grew tired of her arrogance. He invited every nobleman he knew, hoping she would finally choose a husband. They lined up in the garden, and the princess walked past them, judging each one harshly. She mocked the fat man, the thin man, the pale man, and the red-faced man. When she

reached the last suitor—a handsome man with only a small curl of hair under his chin—she still found a way to insult him, calling him “Whiskers.”

Humiliated and angry, the king declared that she would marry the next beggar who came to the door. The very next morning, a ragged wandering singer appeared. Without hesitation, the king ordered the marriage, and the princess was forced to wed the poor man despite her tears.

Her new husband led her away to a tiny hut. She soon learned that she would have to cook, clean, and work like any poor woman. She tried basket-making, sewing, and selling pottery in the market, but everything went wrong. Her delicate hands blistered, and her pride made every task painful. When a drunken rider destroyed her pottery, she returned home in tears.

Seeing she could not manage these tasks, her husband found her work as a kitchen maid in the royal palace. She swallowed her pride and worked hard, though she hid scraps of food in her pockets to bring home each night.

One evening, the palace was filled with excitement: the king was to be married, though no one knew the bride’s identity. Before going home, the cook allowed the princess to peek into the grand hall. As she looked inside, the king himself appeared—and he was none other than the handsome man she had once insulted as “Whiskers.”

He recognized her immediately and pulled her into the hall to dance. But as they danced, the scraps of food hidden in her pockets fell to the floor, and everyone laughed. Ashamed, she ran away, but the king followed her into a private room.

There he revealed the truth: he was not only the king but also the wandering singer and the drunken rider. Her father had agreed to the plan to teach her humility. Everything she had suffered was meant to soften her heart.

Overwhelmed with shame, fear, and relief, the princess finally understood how foolish her pride had been. She wept in her husband’s arms, grateful for his forgiveness.

The maids dressed her in fine clothes, and she was presented to the court as the king’s true bride. Her parents rejoiced, and the entire palace celebrated. From that day on, the once-haughty princess became a gracious and loving queen.

.... 0

24. Cô gái yêu thương cá

Ngày xưa ngày xưa, trong bộ tộc da đỏ Marshpee sống gần Đại Hồ, có một phụ nữ tên là Awashanks. Nàng nổi tiếng trong bộ tộc vì tính lười biếng và ngốc nghếch. Nàng cũng bị coi là vô cùng xấu xí – khuôn mặt dài và gầy, mũi to và cong, răng khắp khểnh, cằm nhọn và tai to bất thường. Vì thế, không một chàng trai trẻ nào muốn cưới cô, và mọi người thường cười nhạo vẻ ngoài của cô.

Nhưng Awashanks sở hữu một tài năng phi thường: cô có một giọng hát tuyệt đẹp. Giọng hát của cô ngọt ngào đến nỗi không ai trong bộ tộc có thể sánh được. Nàng thường ngồi trên một ngọn đồi nhỏ gần sông, hát dưới những tán cây. Những bài hát của cô mê hoặc đến nỗi muôn thú tụ tập xung quanh cô – chim chóc đậu kín cành cây, thú vật chen chúc trong bụi rậm, và cá ngoi lên mặt nước để lắng nghe. Từ những con cá nhỏ bé đến những con cá heo lớn, từ chim sẻ đến đại bàng, tất cả các sinh vật đều bị thu hút bởi giọng hát của nàng.

Trong số những chúng sinh nghe nàng có chàng trưởng tộc cá hồi, một con cá khổng lồ dài và rộng như người. Đêm nào cá này cũng đến nghe nàng hát. Vì quá to lớn, cá không thể đến gần ngọn đồi, nên cá dùng mũi đào xuyên qua lòng đất, từ từ tạo ra một con kênh từ sông lên đồi. Đêm này qua đêm khác, chú cá làm việc, cho đến khi có thể dễ dàng đến được chỗ nàng.

Chàng trưởng tộc cá hồi sớm bắt đầu nói chuyện với Awashanks, ca ngợi giọng hát của nàng và bày tỏ tình yêu của mình. Chưa từng có ai nói lời tử tế với nàng trước đây, và nàng vô cùng cảm động. Nàng bắt đầu đáp lại tình yêu của chàng cá. Nhưng có một điều khiến họ băn khoăn: cá không thể sống trên cạn, và nàng không thể sống dưới nước. Tình yêu của họ dường như không thể.

Một buổi tối nọ, khi họ ngồi bên nhau trong nỗi buồn, một người đàn ông bí ẩn xuất hiện bên cạnh Awashanks. Ông ta hỏi tại sao họ lại buồn bã, và chàng trưởng tộc cá hồi giải thích vấn đề của họ. Người lạ mặt tiết lộ rằng ông ta là linh hồn cai quản tất cả các loài cá. Ông ta nói rằng ông ta không thể biến cá thành người, nhưng ông ta có thể biến người thành cá.

Ông dẫn Awashanks xuống sông, múc nước vào tay và đổ lên đầu cô trong khi đọc những lời thiêng liêng. Ngay lập tức, thân thể cô biến đổi. Tay, chân và khuôn mặt cô thay đổi cho đến khi cô trở thành một con cá hồi xinh đẹp. Thần linh sau đó trao cô cho tộc trưởng cá hồi, và cùng nhau họ bơi vào vùng nước sâu thẳm, yên bình.

Awashanks không bao giờ quên người dân của mình. Hàng năm, vào đêm cô biến mất, người ta lại thấy hai con cá hồi khổng lồ bơi gần bờ. Chúng tiếp tục quay trở lại cho đến khi những người định cư da trắng xuất hiện. Vì sợ hãi những kẻ mới đến không tôn trọng thần linh của vùng đất, hai con cá hồi đã rời đi mãi mãi, không bao giờ xuất hiện trở lại.

.... O

24. The Maiden Who Loved a Fish

Long ago, among the Marshpee people who lived near the Great Lake, there was a woman named Awashanks. She was known throughout the tribe for being lazy and foolish. She was also considered extremely unattractive—her face was long and thin, her nose large and bent, her teeth crooked, her chin sharp, and her ears unusually big. Because of this, no young man ever wished to marry her, and people often laughed at her appearance.

But Awashanks possessed one extraordinary gift: she had a voice of incredible beauty. Her singing was so sweet that no one in the tribe could match it. She often sat on a small hill near the river, singing beneath the trees. Her songs were so enchanting that animals gathered around her—birds filled the

branches, beasts crowded the bushes, and fish rose to the surface of the water to listen. From tiny minnows to great porpoises, from wrens to eagles, all creatures were drawn to her voice.

Among the listeners was the chief of the trout, a huge fish as long and broad as a man. He came every night to hear her sing. Because he was so large, he could not get close to the hill, so he pushed his way through the earth with his nose, slowly carving a channel from the river to the hill. Night after night he worked, until he could reach her easily.

The trout chief soon began to speak to Awashanks, praising her voice and expressing his love. No one had ever spoken kindly to her before, and she was deeply moved. She began to love him in return. But one thing troubled them: he could not live on land, and she could not live in the water. Their love seemed impossible.

One evening, as they sat together in sadness, a mysterious man appeared beside Awashanks. He asked why they were sorrowful, and the trout chief explained their problem. The stranger revealed that he was the spirit who ruled over all fish. He said he could not turn a fish into a human, but he could turn a human into a fish.

He led Awashanks into the river, scooped water into his hands, and poured it over her head while speaking sacred words. Instantly, her body changed. Her arms, legs, and face transformed until she became a beautiful trout. The spirit then gave her to the trout chief, and together they swam into the deep, peaceful waters.

Awashanks never forgot her people. Every year, on the night she had disappeared, two enormous trout were seen swimming near the shore. They continued to return until the arrival of the pale-faced settlers. Fearing these newcomers who did not honor the spirits of the land, the two trout left forever, never to be seen again.

.... O

25. Người vợ ngôi sao

Ngày xưa ngày xưa, khi đàn trâu rừng vẫn còn ào ào chạy trên thảo nguyên và người ta tin rằng những vì sao đang nhảy múa trên bầu trời, có một chàng thợ săn trẻ của một bộ tộc da đỏ Hoa Kỳ tên là High-feather sống bên bờ sông Battle River. Chàng yêu thích những màu sắc tươi sáng và những thứ đẹp đẽ. Trong khi những người thợ săn khác mặc quần áo giản dị, chàng lại mặc quần bó dính cườm và vẽ lên mặt những vòng tròn và vạch đỏ. Một chiếc lông thiên nga đỏ luôn kiêu hãnh đội trên đầu chàng.

Một ngày nọ, khi đang khám phá thảo nguyên, chàng phát hiện ra một con đường mòn hình tròn kỳ lạ dẫn đến hư không. Tò mò, chàng nằm xuống giữa vòng tròn và nhìn lên bầu trời. Khi chàng quan sát, một chấm nhỏ xuất hiện phía trên chàng. Nó lớn dần lên cho đến khi chàng thấy đó là một chiếc giỏ lớn đang từ trên trời rơi xuống.

High-feather nấp giữa những bông hoa đỏ cao và nhìn chiếc giỏ đáp xuống. Bên trong là mười hai thiếu nữ xinh đẹp, khác hẳn bất kỳ thiếu nữ nào chàng từng thấy. Làn da của họ trắng nhợt, mái tóc óng ả như

lông cáo, và quần áo màu xanh da trời của họ bay phấp phới như mạng nhện. Họ bước ra và bắt đầu nhảy múa xung quanh vòng tròn, hát những bài hát hay hơn bất cứ điều gì chàng từng nghe.

Không thể kìm nén được cảm xúc, High-feather chạy về phía họ. Giật mình, các thiếu nữ vội vàng chạy ngược vào trong chiếc giỏ, chiếc giỏ bay lên trời rồi biến mất.

Từ lúc đó, High-feather không thể nghĩ đến điều gì khác. Cậu nói với mẹ mình, một pháp sư quyền năng, rằng cậu sẽ không bao giờ hạnh phúc cho đến khi cưới được một trong những thiếu nữ Ngôi Sao. Bà cảnh báo cậu rằng mong muốn đó sẽ mang lại rắc rối, nhưng cậu vẫn không chịu bỏ cuộc.

Ngày hôm sau, dùng phép thuật của mẹ, cậu cải trang thành một con chuột chũi và chờ đợi trong vòng tròn. Chiếc giỏ quay trở lại, nhưng thiếu nữ lớn nhất cảm nhận được nguy hiểm và bỏ chạy cùng các em gái trước khi cậu kịp lộ diện.

Mẹ cậu lại thử lần nữa. Sáng hôm sau, bà bảo cậu chỉ ăn dâu tây rừng và biến cậu thành một con chuột. Lần này, các thiếu nữ đáp xuống và bắt đầu nhảy múa. Nhưng một lần nữa, người chị cả lại cảm nhận được điều gì đó bất thường. Cô phát hiện ra tổ chuột và làm lũ chuột sợ hãi bỏ chạy. Chỉ có thiếu nữ út ở lại, không muốn làm hại ai.

High-feather trở lại hình dạng con người và nắm lấy cánh tay cô út. Nàng nhìn vào mắt chàng và chọn đi cùng chàng, mặc dù các chị gái van xin nàng trở về trời. Chiếc giỏ bay lên mà không có nàng, và High-Feather đưa vợ mình, người vợ yêu dấu của chàng, về nhà.

Mẹ chàng chào đón nàng nhưng dặn dò High-Feather không bao giờ được để nàng rời khỏi tầm mắt. Chàng vâng lời. Người vợ yêu dấu của chàng hái quả mọng và thêu những họa tiết sao tuyệt đẹp, nhưng nàng không sẵn bản hay ăn thịt. Nàng sống thanh thản, chỉ ăn quả mọng và bắp nghien.

Một ngày nọ, khi nàng đang thêu thùa, một con chim nhỏ màu vàng thì thầm với High-Feather về một đàn thiên nga đỏ quý hiếm ở hồ Loon. Vui mừng, chàng lên đi mà không nói với vợ. Nhưng ngay khi chàng rời đi, con chim bay đến chỗ người vợ yêu dấu của chàng và hát một bài hát về các chị gái của nàng. Nàng quên hết mọi thứ khác và chạy đến vòng tròn khiêu vũ, đến đúng lúc chiếc giỏ hạ xuống. Các chị gái van xin nàng trở về nhà. Nàng từ chối, nói rằng nàng yêu chồng mình. Nhưng họ thuyết phục nàng đến thăm cha họ trên trời chỉ trong một giờ.

Khi nàng đến, cha nàng vui mừng khôn xiết. Nhưng khi nàng cố gắng trở về trần gian, người cha đã nhốt nàng trong một đám mây trắng, hy vọng giữ nàng lại mãi mãi. Nàng khóc nhiều đến nỗi đám mây bắt đầu tan thành mưa. Sợ nàng sẽ rơi xuống đất, thân phụ thả nàng ra. Nàng đồng ý ở lại với điều kiện chồng nàng cũng được đến cùng.

Cha nàng sai người mang giỏ xuống đón High-feather.

Trong khi đó, High-feather đã sẵn được hai con thiên nga đỏ và trở về nhà thì thấy vợ mình đã biến mất. Chàng vội vã đến sàn nhảy và ngủ thiếp đi trong khi chờ đợi nàng. Lúc bình minh, chiếc giỏ hạ xuống bên cạnh chàng. Chàng trèo vào, và nó đưa chàng lên trời.

Đoàn tụ, hai vợ chồng sống một thời gian ở Xứ Các Vì Sao. Nhưng High-feather sớm chán ăn quả mọng trên mây và khao khát được trở về mặt đất. Cha của các vì sao không cho phép họ rời đi, sợ rằng ông sẽ mất con gái mình mãi mãi.

High-feather không nói gì. Thay vào đó, chàng buộc đôi cánh của những con thiên nga đỏ vào người và vợ mình. Cả hai cùng lao xuống từ rìa bầu trời và bay xuống thảo nguyên, đáp xuống an toàn gần lều của mẹ chàng. Dân làng hân hoan chào đón sự trở về của họ.

Người vợ Ngôi Sao hoàn thành tấm vải thêu để múa và cùng mọi người nhảy múa. Nàng không bao giờ quay trở lại bầu trời nữa, mặc dù cô vẫn tiếp tục chỉ ăn quả mọng và bắp.

.... O

25. The Star Wife

Once upon a time, when herds of wild buffalo still roamed the prairies and people believed that the stars danced in the sky, there lived a young hunter of a Native American tribe named High-feather on the banks of the Battle River. He loved bright colors and beautiful things. While other hunters wore simple clothing, he dressed in beaded leggings and painted his face with red rings and stripes. A red swan feather always stood proudly on his head.

One day, while exploring the prairie, he discovered a strange circular trail that led nowhere. Curious, he lay down in the center of the ring and looked up at the sky. As he watched, a small speck appeared above him. It grew larger and larger until he saw that it was a great basket descending from the sky.

High-feather hid among tall red flowers and watched as the basket landed. Inside were twelve beautiful maidens, unlike any he had ever seen. Their skin was pale, their hair shone like fox fur, and their sky-blue clothing floated like cobwebs. They stepped out and began to dance around the ring, singing songs more beautiful than anything he had heard.

Unable to contain himself, High-feather ran toward them. Startled, the maidens fled back into the basket, which rose into the sky and disappeared.

From that moment, High-feather could think of nothing else. He told his mother, a powerful magician, that he would never be happy until he married one of the Star-maidens. She warned him that such a desire would bring trouble, but he refused to give up.

The next day, using his mother's magic, he disguised himself as a gopher and waited in the ring. The basket returned, but the eldest maiden sensed danger and fled with her sisters before he could reveal himself.

His mother tried again. The following morning, she told him to eat only wild strawberries and transformed him into a mouse. This time, the maidens landed and began to dance. But once again, the eldest sister sensed something unusual. She discovered the mouse nest and frightened the mice away. Only the youngest maiden stayed behind, unwilling to harm anyone.

High-feather returned to his human form and caught her by the arm. She looked into his eyes and chose to go with him, even though her sisters begged her to return to the sky. The basket rose without her, and High-feather brought his Star-wife home.

His mother welcomed her but warned High-feather never to let her out of his sight. He obeyed. The Star-wife gathered berries and embroidered beautiful star patterns, but she would not hunt or eat meat. She lived gently, feeding only on berries and crushed corn.

One day, while she was sewing, a small yellow bird whispered to High-feather about a flock of rare red swans at Loon Lake. Excited, he slipped away without telling his wife. But as soon as he left, the bird flew to the Star-wife and sang a song about her sisters. She forgot everything else and ran to the dancing ring, arriving just as the basket descended. Her sisters begged her to return home. She refused, saying she loved her husband. But they persuaded her to visit their father in the sky for only an hour.

When she arrived, her father rejoiced. But when she tried to return to the earth, he locked her inside a white cloud, hoping to keep her forever. She wept so much that the cloud began to dissolve into rain. Fearing she would fall to earth, he released her. She agreed to stay only if her husband could join her.

Her father sent the basket down to fetch High-feather.

Meanwhile, High-feather had hunted two red swans and returned home to find his wife gone. He rushed to the dancing ring and fell asleep waiting for her. At dawn, the basket descended beside him. He climbed in, and it carried him into the sky.

Reunited, the couple lived for a time in the Star-country. But High-feather soon grew tired of eating cloud-berries and longed for the solid earth. The Star-father refused to let them leave, fearing he would lose his daughter forever.

High-feather said nothing. Instead, he fastened the wings of the red swans onto himself and his wife. Together they leapt from the edge of the sky and flew down to the prairie, landing safely near his mother's tent. The village celebrated their return.

The Star-wife finished her embroidered dancing cloth and joined the people in their dances. She never returned to the sky, though she continued to eat only berries and corn.

.... O

26. Hoàng Tử và Bảy Pháp Sư

Ngày xưa ngày xưa, ở Viễn Đông, có một Đại Hãn có hai người con trai. Một người thông minh và nhanh nhẹn, trong khi người kia thì ngu dốt và lười biếng đến nỗi dường như không lời dạy nào có thể giúp được. Sau nhiều lần thất bại trong việc giáo dục người con trai ngu dốt, cuối cùng Đại Hãn đã gửi con trai mình đến học với bảy pháp sư sống trong một hang động ở rìa vương quốc. Những pháp sư này biết mọi loại phép thuật, nhưng họ chỉ sử dụng kiến thức của mình cho những mục đích ích kỷ và độc ác. Mặc dù

họ hứa sẽ dạy dỗ chàng trai trẻ, nhưng họ bí mật lên kế hoạch giữ cho chàng ngu dốt và chỉ sử dụng chàng như một người hầu của họ.

Suốt bảy năm chàng ở với họ, nhưng chàng chẳng học được gì. Khi Hoàng Tử đến thăm hang động, chàng đã quan sát các pháp sư làm việc trong một ngày và, vì chàng rất thông minh, chàng đã hiểu được phần lớn phép thuật của họ. Nhận ra rằng em trai mình sẽ không bao giờ học được gì ở đó, chàng đã đưa em trai mình đi và bắt đầu cuộc hành trình trở về nhà.

Trên đường đi, Hoàng Tử cảm thấy hào hứng với những kiến thức phép thuật mới mà chàng đã thu được. Chàng muốn thử khả năng của mình, vì vậy chàng đã sai em trai mình đi lấy một con ngựa trắng từ một chuồng ngựa cũ và bán nó ở chợ. Hoàng tử đã cảnh báo em trai mình đừng đến gần hang động của bảy pháp sư. Nhưng người em trai ngốc nghếch đã phớt lờ lời cảnh báo. Ngay khi vừa leo lên ngựa, con ngựa lập tức phi thẳng về phía hang động, bởi vì Hoàng tử đã dùng phép thuật biến mình thành con ngựa, và các pháp sư đã dùng phép thuật kéo chàng trở lại.

Các pháp sư mua con “ngựa”, mà không biết rằng người em trai đã không tiết lộ điều gì. Hoàng tử, bị mắc kẹt trong hình dạng động vật, tuyệt vọng tìm cách trốn thoát. Như trong sách đã viết, “Bằng tất cả sức mạnh ma thuật tiềm ẩn, ta ước ao có một sinh vật nào đó đến gần để ta có thể biến mình thành và trốn thoát!” Một con cá nhỏ bơi ngang qua, và chàng lập tức biến thành nó. Các pháp sư biến thành bảy con cá lớn và đuổi theo chàng dưới nước.

Khi gần bắt được chàng, chàng lại ước ao một hình dạng khác. Một con chim trắng bay ngang qua, và chàng biến thành một con chim bồ câu. Các pháp sư biến thành bảy con diều hâu và đuổi theo chàng qua những ngọn đồi và thung lũng. Kiệt sức, Hoàng tử đến một ngọn núi sáng chói, nơi một vị sư thông thái tên là Nagarguna (Đại sư Long Thọ) sinh sống. Chàng bay vào hang động của vị sư ẩn sĩ ngay trước khi những con diều hâu đến.

Bên trong hang, Hoàng tử cầu xin vị ẩn sĩ giúp đỡ và biến mình thành viên ngọc lớn nhất trên chuỗi hạt vòng cổ của ẩn sĩ. Khi bảy pháp sư vào hang dưới hình dạng con người, họ đòi chuỗi hạt vòng cổ. Vị sư ẩn sĩ cố tình làm rơi nó, và những viên ngọc nhỏ biến thành những con sâu. Các pháp sư biến thành chim và ăn chúng. Khi viên ngọc cuối cùng rơi xuống, nó lại trở thành Hoàng tử. Hoàng tử dùng gậy đánh vào lũ chim, và chúng chết, trở lại hình dạng con người bên ngoài hang.

Nhà sư Nagarguna nhẹ nhàng khiển trách hoàng tử, nói rằng giết người là sai trái ngay cả khi tự vệ. Hoàng tử cúi đầu và thừa nhận sự thiếu hiểu biết của mình. Vị sư ẩn sĩ nói với hoàng tử rằng trí tuệ đích thực sẽ chỉ cho ông một con đường tốt hơn. Hoàng tử xin được ở lại và học hỏi, và ẩn sĩ đồng ý—với điều kiện là trước tiên chàng phải hoàn thành một nhiệm vụ lớn.

Nagarguna giải thích rằng ở rất xa có một sinh vật huyền bí tên là Siddhi-kur, phần thân trên bằng vàng và phần thân dưới bằng ngọc lục bảo, với cái đầu sáng lấp lánh như ngọc trai và một chiếc vương miện. Ở bất cứ nơi nào Siddhi-kur sinh sống, vùng đất đó đều thịnh vượng với tri thức, giàu có và tuổi thọ cao. Nếu Hoàng tử có thể bắt được sinh vật này và đưa hắn trở về, người dân trong thung lũng sẽ được ban phước lành vô cùng lớn lao.

Vị sư ẩn sĩ dạy Hoàng tử cách tìm Siddhi-kur và cách sống sót qua những hiểm nguy trên đường đi. Vị sư tặng Hoàng tử một chiếc riu thần kỳ gọi là Mặt Trăng Trắng, một chiếc bao tải nhiều màu có thể chứa trăm sinh vật, một sợi dây chắc khỏe gồm trăm sợi, và một chiếc giỏ đựng lúa mạch xua tan nỗi sợ hãi cùng một chiếc bánh không bao giờ nhỏ lại dù ăn bao nhiêu đi nữa.

Trước khi Hoàng tử rời đi, vị sư Nagarguna đã dặn dò chàng một điều cuối cùng: một khi đã cống Siddhi-kur trên lưng, chàng tuyệt đối không được nói một lời nào cho đến khi trở về hang động. Chỉ khi đó nhiệm vụ mới hoàn thành.

Với lòng can đảm và hy vọng, Hoàng tử bắt đầu cuộc hành trình dài của mình.

Mang theo những vật dụng ma thuật và lời chúc phúc của vị sư ẩn sĩ, Hoàng tử bắt đầu cuộc hành trình dài. Chàng đi bộ qua đồng bằng, rừng rậm và núi non, chỉ được dẫn đường bởi những lời dặn dò của vị sư Nagarguna. Chiếc bánh ma thuật giúp chàng không bị đói, và những hạt lúa mạch bảo vệ chàng khỏi nỗi sợ hãi.

Sau nhiều ngày, chàng đến vùng đất xa xôi nơi Siddhi-kur sinh sống. Sinh vật này đúng như lời ẩn sĩ mô tả: vàng từ thắt lưng trở lên, xanh ngọc từ thắt lưng trở xuống, với cái đầu sáng lấp lánh như xà cừ. Hoàng tử nhớ lại lời của ẩn sĩ và đưa ra chiếc riu ma thuật, chiếc bao tải nhiều màu sắc và sợi dây trăm sợi. Như lời tiên tri đã nói, “Khi người cho hắn thấy tất cả những điều này, hắn sẽ ngoan ngoãn quy phục người.”

Đúng như lời tiên tri, Siddhi-kur để cho mình được đặt vào trong chiếc bao kỳ diệu. Hoàng tử vác chiếc bao lên lưng và bắt đầu cuộc hành trình dài trở về ngọn núi rục rờ.

Con đường về nhà khó khăn hơn nhiều so với con đường đi ra. Siddhi-kur là một sinh vật huyền diệu, thông minh và tinh nghịch. Mặc dù đã đồng ý bị bắt, hắn vẫn liên tục tìm cách lừa Hoàng tử nói chuyện. Vị ẩn sĩ đã cảnh báo rằng nếu Hoàng tử nói dù chỉ một lời trước khi đến hang động, Siddhi-kur sẽ lập tức trốn thoát.

Khi Hoàng tử đi bộ, Siddhi-kur kể chuyện – những câu chuyện kỳ lạ, hay và buồn – với hy vọng khiến Hoàng tử quên đi bản thân mình. Đôi khi những câu chuyện bi thảm đến nỗi Hoàng tử cảm thấy nước mắt trào lên. Những lúc khác, chúng lại hài hước đến mức Hoàng tử suýt bật cười thành tiếng. Nhưng Hoàng tử vẫn giữ chặt môi, nhớ lời dặn dò cuối cùng của vị ẩn sĩ.

Mỗi khi Hoàng tử im lặng cho đến hết câu chuyện, Siddhi-kur lại thở dài và nói đại loại như: “À, ngài đã đưa ta đi đủ xa rồi. Giờ ta sẽ tự đi.” Nhưng ngay khi Hoàng tử nói lỏng bao tải, Siddhi-kur lại biến mất về nơi hắn được tìm thấy lần đầu. Mỗi lần như vậy, Hoàng tử lại phải quay trở lại để bắt hắn.

Việc này cứ lặp đi lặp lại. Hoàng tử mệt mỏi, nhưng không bỏ cuộc. Chàng nhớ lời hứa của Nagarguna rằng Siddhi-kur sẽ mang lại trí tuệ, thịnh vượng và trường thọ cho người dân thung lũng. Chàng cũng nhớ lời thề của mình là sẽ học hỏi trí tuệ chân chính và cai trị bằng lòng từ bi.

Cuối cùng, sau nhiều lần cố gắng, Hoàng tử đã thành công đưa Siddhi-kur đến tận ngọn núi sáng chói mà không nói một lời nào. Chàng đến trước cánh cửa gỗ của hang động ẩn sĩ và đặt bao tải trước mặt nhà sư Nagarguna.

Siddhi-kur bình tĩnh bước ra, vì Hoàng tử đã hoàn thành mọi điều kiện. Vị sư ẩn sĩ chào đón sinh vật huyền bí và dẫn ông đến một khu rừng mát mẻ trên núi, nơi ông sẽ sống trong bình yên. Từ ngày đó trở đi, thung lũng trở nên thịnh vượng. Kiến thức gia tăng, của cải tăng lên, và người dân sống lâu, khỏe mạnh.

Hoàng tử ở lại với Nagarguna và học hỏi trí tuệ cho đến khi đến lúc lên ngôi. Khi cuối cùng trở thành vua, chàng trị vì với sự công bằng, khiêm nhường và hiểu biết sâu sắc. Dân chúng yêu mến chàng, và phước lành của Siddhi-kur tiếp tục truyền lại cho nhiều thế hệ.

Như vậy, vị hoàng tử, người từng thoát khỏi bẫy pháp sư độc ác và vượt khắp thế giới để bắt giữ một sinh vật huyền bí, đã trở thành một vị vua khôn ngoan và cao quý, vương quốc của chàng thịnh vượng trong hòa bình.

Xin lưu ý rằng Hoàng tử đã học phép thuật từ bẫy pháp sư độc ác, bị họ truy đuổi và cuối cùng được một vị sư ẩn sĩ cứu giúp. Giáo lý của vị sư ẩn sĩ thể hiện tinh túy của Phật giáo: Hoàng tử phải một cách không dao động, giữ im lặng và chăm chú lắng nghe những câu chuyện khác nhau—cả vui lẫn buồn—được kể bởi một sinh vật thông thái mà chàng đã mang từ một vùng đất xa xôi về hang núi của vị ẩn sĩ.

.... O

26. The Prince and the Seven Magicians

Long ago in the Far East lived a Great Khan who had two sons. One was intelligent and quick to learn, while the other was so foolish and lazy that no teaching seemed to help him. After many failed attempts to educate the foolish son, the Khan finally sent him to study with seven magicians who lived in a cave at the edge of the kingdom. These magicians knew every kind of magic, but they used their knowledge only for selfish and harmful purposes. Although they promised to teach the young man, they secretly planned to keep him ignorant and use him only as their servant.

For seven years he stayed with them, yet he learned nothing. When the Prince visited the cave, he watched the magicians work for a single day and, because he was so clever, he understood much of their magic. Realizing that his brother would never learn anything there, he took him away and began the journey home.

As they traveled, the Prince felt excited by the new magical knowledge he had gained. He wanted to test his abilities, so he sent his brother to fetch a white horse from an old stable and sell it at the market. He warned him not to go near the cave of the seven magicians. But the foolish brother ignored the warning. As soon as he mounted the horse, it ran straight toward the cave, for the Prince had magically transformed himself into the horse, and the magicians had used their spells to pull him back.

The magicians bought the “horse,” not knowing the brother had revealed nothing. The Prince, trapped in animal form, wished desperately for a way to escape. As the text says, “By all the hidden powers of magic, I wish that some living creature would come by into which I could transform myself and so escape!” A small fish swam past, and he instantly changed into it. The magicians transformed into seven large fish and chased him through the water.

When they nearly caught him, he wished again for another form. A white bird flew overhead, and he became a dove. The magicians turned into seven hawks and pursued him across hills and valleys. Exhausted, the Prince reached a shining mountain where a wise monk named Nagarguna lived. He flew into the hermit’s cave just before the hawks arrived.

Inside, the Prince asked the hermit monk for help and transformed himself into the largest bead on the hermit’s necklace. When the seven magicians entered the cave in human form, they demanded the necklace. The hermit dropped it on purpose, and the small beads turned into worms. The magicians changed into birds and ate them. When the last bead fell, it became the Prince again. He struck the birds with a staff, and they died, returning to their human forms outside the cave.

Nagarguna rebuked him gently, saying that taking life was wrong even in self-defense. The Prince bowed his head and admitted his ignorance. The hermit monk told him that true wisdom would have shown him a better way. The Prince asked to stay and learn, and the hermit agreed—if he first completed a great task.

Nagarguna explained that far away lived a magical being called the Siddhi-kur, whose upper body was gold and lower body emerald, with a shining pearl-like head and a crown. Wherever the Siddhi-kur lived, the land prospered with knowledge, wealth, and long life. If the Prince could capture this being and bring him back, the people of the valley would be blessed beyond measure.

The hermit taught the Prince how to find the Siddhi-kur and how to survive the dangers along the way. He gave him a magic axe called White Moon, a multicolored sack that could hold a hundred creatures, a strong cord of a hundred threads, and a basket containing fear-banishing barley and a cake that never grew smaller no matter how much one ate.

Before the Prince left, Nagarguna gave him one final instruction: once he carried the Siddhi-kur on his back, he must not speak a single word until he returned to the cave. Only then would the task be complete.

With courage and hope, the Prince set out on his long adventure.

Carrying the magical tools and the hermit’s blessing, the Prince began his long journey. He walked across plains, forests, and mountains, guided only by the instructions Nagarguna had given him. The magic cake kept him from hunger, and the barley corns protected him from fear.

After many days, he reached the distant land where the Siddhi-kur lived. The creature was exactly as the hermit had described: golden from the waist up, emerald from the waist down, with a shining head like mother-of-pearl. The Prince remembered the hermit’s words and showed the magical axe, the

multicolored sack, and the cord of a hundred threads. As the text says, “When you have shown him all these things, he will yield himself quietly to you.”

Just as foretold, the Siddhi-kur allowed himself to be placed inside the marvelous sack. The Prince lifted the sack onto his back and began the long return journey toward the shining mountain.

The path home was far more difficult than the path out. The Siddhi-kur was a magical being, clever and mischievous. Although he had agreed to be captured, he constantly tried to trick the Prince into speaking. The hermit had warned him that if he spoke even a single word before reaching the cave, the Siddhi-kur would escape instantly.

As the Prince walked, the Siddhi-kur told stories—strange, beautiful, and sorrowful tales—hoping to make the Prince forget himself. Sometimes the stories were so tragic that the Prince felt tears rise in his eyes. Other times they were so funny that he nearly laughed aloud. But he kept his lips tightly closed, remembering the hermit’s final instruction.

Whenever the Prince stayed silent until the end of a story, the Siddhi-kur would sigh and say something like, “Ah, you have carried me far enough. I will walk now.” But the moment the Prince loosened the sack, the Siddhi-kur vanished back to the place where he had first been found. Each time, the Prince had to travel all the way back to capture him again.

This happened again and again. The Prince grew weary, but he did not give up. He remembered Nagarguna’s promise that the Siddhi-kur would bring wisdom, prosperity, and long life to the people of the valley. He also remembered his own vow to learn true wisdom and to rule with compassion.

Finally, after many attempts, the Prince managed to carry the Siddhi-kur all the way to the shining mountain without speaking a single word. He reached the wooden door of the hermit’s cave and placed the sack before Nagarguna.

The Siddhi-kur stepped out calmly, for the Prince had fulfilled every condition. The hermit welcomed the magical being and led him to a cool grove on the mountain, where he would dwell in peace. From that day forward, the valley prospered. Knowledge increased, wealth grew, and people lived long, healthy lives.

The Prince remained with Nagarguna and studied wisdom until the time came for him to rule. When he finally became king, he governed with fairness, humility, and deep understanding. His people loved him, and the blessings of the Siddhi-kur continued for generations.

Thus the Prince, who once escaped seven wicked magicians and crossed the world to capture a magical being, became a wise and noble ruler whose kingdom flourished in peace.

We should note that the Prince learned magic from seven wicked magicians, was pursued by them, and was ultimately rescued by a hermit monk. The hermit monk’s teachings embody the essence of Buddhism: the Prince had to unwaveringly remain silent while mindfully listening to various stories—

both joyful and sorrowful—told by a wise creature he had brought from a distant land and carried on his shoulders to the monk's mountain cave.

.... O

27. Visu và các phụ nữ cáo

Ngày xưa ngày xưa, trên thảo nguyên Suruga rộng lớn và hoang vắng, có một người tiều phu tên là Visu. Ông là một người đàn ông cao lớn và khỏe mạnh, sống trong một túp lều nhỏ với vợ con. Ngày tháng của ông trôi qua với công việc nặng nhọc, và ông hiếm khi nghĩ đến điều gì khác ngoài việc lo toan cho gia đình.

Một ngày nọ, một vị sư già đến thăm ông. Vị sư cảnh báo Visu rằng một cuộc sống không cầu nguyện có thể dẫn đến những kiếp tái sinh khủng khiếp—có lẽ là một con cóc, một con chuột, hoặc thậm chí là một con côn trùng trong vô số kiếp. Những hình ảnh đáng sợ đó làm Visu lo lắng sâu sắc đến nỗi ông hứa sẽ bắt đầu cầu nguyện.

Vị sư khuyên ông nên cân bằng cả hai bổn phận: làm việc và cầu nguyện. Nhưng Visu đã hiểu lầm. Thay vì cân bằng hai việc, ông hoàn toàn bỏ bê công việc. Ông cầu nguyện từ sáng đến tối, bỏ mặc ruộng đồng và gia đình. Mùa màng khô héo, vợ con ông gầy gò vì đói khát.

Cuối cùng, người vợ hiền lành của ông, người chưa bao giờ nói lời cay nghiệt với ông trước đây, đã cầu xin ông trở lại với trách nhiệm của mình. Bà ta chỉ vào những đứa con đang đói khát của họ và van xin ông hãy cầm rìu lên giúp họ sống sót. Lời nói của bà khiến Visu kinh ngạc. Thay vì thấu hiểu nỗi đau của bà, ông trở nên tức giận và tuyên bố rằng thần linh phải được đặt lên trên tất cả mọi thứ. Không nói lời tạm biệt, ông cầm rìu và rời khỏi nhà. Ông bỏ lại khu rừng phía sau và leo lên núi Phú Sĩ Sơn, biến mất trong màn sương mù.

Trên đỉnh núi, Visu ngồi xuống nghỉ ngơi. Ông nghe thấy tiếng sột soạt nhẹ và nhìn thấy một con cáo lên vào bụi rậm. Nhìn thấy cáo được coi là may mắn, vì vậy ông quên cả lời cầu nguyện và đuổi theo nó. Con cáo biến mất, nhưng khi Visu đi sâu hơn vào rừng, ông đến một khoảng đất trống yên tĩnh bên cạnh một con suối nhỏ.

Ở đó, hai người phụ nữ thanh lịch đang ngồi chơi cờ vây. Người tiều phu bị cuốn hút. Âm thanh duy nhất là tiếng lách cách nhẹ nhàng của các quân cờ và tiếng nước chảy. Hai người phụ nữ dường như hoàn toàn say mê trò chơi bất tận của họ, và họ không để ý đến ông. Visu quan sát mái tóc đen dài của họ, những chuyển động duyên dáng và đôi tay nhanh nhẹn lộ ra từ những ống tay áo lụa rộng. Đối với ông, cảm giác như chỉ mới một buổi chiều hè trôi qua. Nhưng thực tế, ba trăm năm đã trôi qua trong khi ông ngồi nhìn họ. Khi một trong hai người phụ nữ cuối cùng mắc lỗi trên bàn cờ, Visu phản ứng mà không cần suy nghĩ. Ngay khi ông cất tiếng, hai người phụ nữ biến thành cáo và chạy trốn vào rừng.

Visu cố gắng đuổi theo, nhưng cơ thể ông trở nên cứng đờ và nặng nề. Tóc ông mọc dài, râu chạm đất. Cán rìu bằng gỗ của ông đã vỡ vụn thành bụi. Chỉ đến lúc đó ông mới nhận ra thời gian đã trôi qua bao lâu.

Với rất nhiều khó khăn, ông mới quay trở lại nhà. Nhưng khi đến nơi túp lều của mình từng đứng, ông không thấy gì quen thuộc. Một bà lão gần đó nhìn ông với vẻ bối rối. Khi ông giải thích rằng ông chỉ mới rời nhà chiều hôm đó, bà nói với ông rằng Visu, người tiều phu, đã sống ba thế kỷ trước và đã biến mất không dấu vết.

Visu cuối cùng cũng hiểu ra. Vợ ông, con cái ông, và thậm chí cả con cháu của họ đều đã biến mất từ lâu. Các vị thần đã cho phép ông sống lâu một cách bất thường như một hình phạt vì đã bỏ rơi gia đình. Nước mắt lăn dài trên khuôn mặt già nua của ông khi ông thừa nhận mình đã thất bại với tư cách là một người chồng và người cha. Ông đã cầu nguyện trong khi những người thân yêu của mình đói khổ, quên mất rằng sự tận tâm mà không đi kèm trách nhiệm thì vô nghĩa.

Không ai biết Visu sống được bao lâu sau khoảnh khắc hối hận đó. Có người nói rằng vào những đêm trăng sáng, linh hồn nhợt nhạt của ông vẫn lang thang trên sườn núi Phú Sĩ Sơn, nhắc nhở tất cả những ai nhìn thấy ông về một chân lý giản dị: Nếu bạn cầu nguyện, bạn cũng phải làm việc.

.... O

27. Visu and the Fox Women

Long ago, on the wide and empty plain of Suruga, there lived a woodsman named Visu. He was a man of great height and strength, and he lived in a small hut with his wife and children. His days were filled with hard work, and he rarely thought about anything except providing for his family.

One day, an old monk visited him. The monk warned Visu that a life without prayer could lead to terrible rebirths—perhaps as a toad, a mouse, or even an insect for countless lifetimes. The frightening images troubled Visu so deeply that he promised to begin praying.

The monk advised him to balance both duties: to work and to pray. But Visu misunderstood. Instead of balancing the two, he abandoned work completely. He prayed from morning until night, ignoring his fields and his family. His rice crops dried up, and his wife and children grew thin with hunger.

At last, his gentle wife, who had never spoken harshly to him before, begged him to return to his responsibilities. She pointed to their starving children and pleaded for him to pick up his axe and help them survive. Her words shocked Visu. Instead of understanding her pain, he became angry and declared that the gods must come before everything else. Without saying goodbye, he grabbed his axe and walked away from his home. He left the forest behind and climbed Mount Fuji, disappearing into the mist.

High on the mountain, Visu sat down to rest. He heard a soft rustling and saw a fox slip into the bushes. Seeing a fox was considered lucky, so he forgot his prayers and chased after it. The fox vanished, but as Visu wandered deeper into the woods, he came upon a quiet clearing beside a small stream.

There, two elegant women sat playing a game of go. The woodsman was captivated. The only sounds were the gentle click of the game pieces and the flowing water. The women seemed completely

absorbed in their endless game, and they did not notice him. Visu watched their long black hair, their graceful movements, and the quick hands that emerged from their wide silk sleeves.

To him, it felt like only a single summer afternoon. But in truth, three hundred years passed while he sat watching them. When one of the women finally made a mistake on the board, Visu reacted without thinking. The moment he spoke, the two women transformed into foxes and fled into the forest.

Visu tried to chase them, but his body felt stiff and heavy. His hair had grown long, and his beard reached the ground. The wooden handle of his axe had crumbled into dust. Only then did he realize how much time had passed.

With great difficulty, he made his way back toward his home. But when he reached the place where his hut once stood, he found nothing familiar. An old woman nearby stared at him in confusion. When he explained that he had left home only that afternoon, she told him that Visu the woodsman had lived three centuries earlier and had vanished without a trace.

Visu finally understood. His wife, his children, and even their descendants were long gone. The gods had allowed him to live unnaturally long as punishment for abandoning his family. Tears ran down his aged face as he admitted that he had failed as a husband and father. He had prayed while his loved ones starved, forgetting that devotion without responsibility is empty.

No one knows how long Visu lived after that moment of regret. Some say that on bright moonlit nights, his pale spirit still wanders the slopes of Mount Fuji, reminding all who see him of a simple truth: If you pray, you must also work.

.... O

28. Trong dòng chảy đời sống

Ngày xưa ngày xưa, một vị Thiền sư Trung Quốc đã giảng dạy cho các đệ tử về cách sống với một tâm thanh tịnh và tỉnh thức. Ngài nói về Phật tánh – trạng thái mà tâm trí không còn tham lam, sân giận và phiền não. Ngài giải thích những ý tưởng của mình một cách chậm rãi và cẩn thận, hy vọng mọi người đều có thể hiểu.

Khi kết thúc, ngài mời mọi người đặt câu hỏi. Trong giây lát, cả căn phòng im lặng. Rồi một đệ tử ở phía sau do dự, lấy hết can đảm và giơ tay. Câu hỏi của anh ta không liên quan trực tiếp đến bài giảng, nhưng nó đã làm anh trăn trở từ lâu.

Anh nhắc lại cho vị Thiền sư nghe một lời dạy trước đó: lòng từ bi của Đức Phật đến với tất cả mọi người một cách bình đẳng, tùy theo nghiệp của họ, miễn là họ có thể nhận biết và sống với một tâm thanh tịnh. Sau đó, anh hỏi làm thế nào điều này có thể đúng với những người điếc không thể nghe, những người mù không thể nhìn thấy, hoặc những người vừa điếc vừa mù và có tâm đơn sơ nên không thể hiểu được Phật pháp. Anh tự hỏi làm thế nào những người như vậy có thể tiếp nhận giáo lý của Đức Phật.

Vị Thiền sư lắng nghe trong im lặng. Sau đó, ngài kể một câu chuyện từ thời thơ ấu của mình ở miền Bắc Trung Quốc. Mùa đông ở đó lạnh thấu xương. Ban đêm, cha mẹ ông sẽ quấn ông trong một chiếc chăn dày và sưởi ấm phòng bằng một chiếc bếp than nhỏ trước khi ông ngủ. Đôi khi ông thức dậy trước bình minh. Không khí trong phòng lạnh buốt, nhưng bên trong chiếc chăn, ông cảm thấy ấm áp, an toàn và được bao bọc hoàn toàn, ngay cả trước khi những chú chim đầu tiên cất tiếng hót hay những tia sáng đầu tiên chạm đến bầu trời.

Sau khi kể lại ký ức này, ông hỏi các đệ tử xem họ có hiểu không. Một đệ tử suy ngẫm rằng sự ấm áp của chiếc chăn và cái lạnh của buổi sáng mùa đông cũng là những hình thức hiển lộ của tâm nhận thức. Dòng sống không được nghe thấy, không được nhìn thấy hay không được suy nghĩ bằng lời nói, nhưng vẫn được cảm nhận sâu sắc. Cũng như vậy, tâm thanh tịnh có thể chạm trực tiếp vào cuộc sống, không chỉ phụ thuộc vào một số giác quan hay sự hiểu biết trí tuệ.

Vị Thiền sư đồng ý, nhưng thầy nói thêm một lời cảnh báo nhẹ nhàng. Thầy nhắc nhở họ rằng giải thích quá nhiều có thể kéo tâm trí ra khỏi trải nghiệm tĩnh lặng, trực tiếp. Giáo lý chân chính không tách rời khỏi cuộc sống. Đó là tuyết lạnh, là hơi ấm của bếp lò, và là sự hiện diện đơn giản của việc được sống. Sống trong tĩnh thức đó là sống trong Phật tánh.

.... 0

28. In the flow of life

A long time ago, a Chinese Zen master gave a teaching to his disciples about living with a clear and mindful heart. He spoke about the Buddha-mind—a state where the mind is free from greed, anger, and confusion. He explained his ideas slowly and carefully, hoping everyone could understand.

When he finished, he invited questions. For a moment, the room was silent. Then a disciple at the back hesitated, gathered his courage, and raised his hand. His question did not relate directly to the lecture, but it had been troubling him for a long time.

He reminded the master of an earlier teaching: that the compassion of the Buddha reaches all people equally, according to their karma, as long as they can recognize and live with a pure mind. Then he asked how this could be true for people who are deaf and cannot hear, who are blind and cannot see, or who are both hearing impaired and blind and have simple minds so they cannot understand the Dharma. He wondered how such people could receive the Buddha's teachings at all.

The Zen master listened quietly. Then he told a story from his childhood in northern China. Winters there were bitterly cold. At night, his parents would wrap him in a thick quilt and warm the room with a small charcoal stove before he fell asleep. Sometimes he woke before dawn. The air in the room was icy, but inside the quilt he felt warm, safe, and completely held, even before the first birds began to sing or the first light touched the sky.

After telling this memory, he asked his disciples if they understood. One disciple reflected that the warmth of the quilt and the cold of the winter morning were also forms of revealed awareness. They were not heard, seen, or thought about in words, yet they were still deeply felt. In the same way, the

pure mind can touch life directly, without depending only on some of the senses or on intellectual understanding.

The master agreed, but he added a gentle warning. He reminded them that explaining too much can pull the mind away from the quiet, direct experience itself. The true teaching is not separate from life. It is the cold snow, the warmth of the stove, and the simple presence of being alive. To live in that awareness is to live in the Buddha-mind.

.... O

29. Cuộc đời của sư Luang Phor Tuad

Cuộc đời của sư Luang Phor Tuad thường được miêu tả như một huyền thoại đẹp đẽ và phi thường. Ngài sinh năm 1582 và sống đến năm 1702, thọ 120 tuổi. Câu chuyện của sư bắt đầu ở làng Suan Chan, miền nam Thái Lan, nơi sư sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo. Cha mẹ sư, ông bà Khun Hu và Mae Chan, đặt tên sư là Poe, một cái tên có nghĩa gần đúng là “Cua”.

Vì cha mẹ sư làm việc nhiều giờ trên đồng ruộng, họ thường mang theo bé Poe. Khi sư mới sáu tháng tuổi, mẹ sư đặt sư trên một tấm vải dưới gốc cây râm mát trong khi bà làm việc gần đó. Một ngày nọ, khi bà trở về kiểm tra con, bà kinh ngạc khi thấy một con trăn lớn cuộn tròn lặng lẽ quanh con mình. Hàng xóm chạy đến, không biết phải làm gì.

Tin rằng con trăn có thể là một vị thần, mẹ của Poe đã hái bảy bông hoa có màu sắc khác nhau, đặt chúng lên một chiếc đĩa trước mặt con rắn và cầu nguyện với đôi mắt nhắm lại. Con trăn từ từ ngẩng đầu lên, nhả ra một quả cầu pha lê và biến mất vào rừng. Dân làng kinh ngạc. Mẹ của Poe lập tức đưa con trai và viên pha lê về nhà.

Tin tức về viên pha lê lan truyền nhanh chóng. Một người đàn ông giàu có cố gắng mua nó, và khi cha mẹ của Poe từ chối, ông ta đe dọa họ cho đến khi cuối cùng họ phải nhượng bộ. Nhưng trong vòng ba ngày, tất cả mọi người trong gia đình người giàu đều bị bệnh nặng. Một người gọi hồn nói với ông ta rằng ông ta đã lấy thứ không thuộc về mình. Kinh hãi, ông ta trả lại viên pha lê cho cha mẹ của Poe. Sau đó, vận may của gia đình được cải thiện, tiền bạc bắt đầu chảy vào.

Vì ghen tị, một số hàng xóm đã đánh cắp viên pha lê, hy vọng làm giàu. Thay vào đó, họ bị linh hồn của con trăn ám ảnh và trong nỗi sợ hãi, họ đã ném viên pha lê xuống giếng. Cha mẹ của Poe sau đó nằm mơ thấy một hồn ma nói cho họ biết nơi tìm thấy nó. Những sự kiện này đã làm sâu sắc thêm lòng sùng kính của họ đối với Đức Phật, và họ bắt đầu dâng lễ vật và giúp xây dựng chùa chiền.

Khi Poe năm tuổi, cậu đến chùa để học giáo lý của Đức Phật. Cậu là một đứa trẻ tài năng và đã nắm vững tất cả các môn học trong vòng một năm. Sau đó, cậu đi đến các làng lân cận và sau này băng qua rừng rậm để học hỏi từ các nhà sư khác. Năm mười hai tuổi, cậu được thụ giới làm sư và toàn tâm toàn ý tu tập Phật pháp. Ngài ở lại tu viện cho đến năm ba mươi tuổi, khi hay tin cha mình qua đời ở tuổi bảy mươi bảy. Không lâu sau, sư rời đi đến một tỉnh khác.

Trong chuyến đi, sư lên một chiếc thuyền hướng đến Ayutthaya, kinh đô Thái Lan lúc bấy giờ. Giữa chừng, một cơn bão dữ dội ập đến, và toàn bộ nước uống bị mất. Sau vài ngày, các hành khách trở nên tuyệt vọng và đổ lỗi cho Luang Phor Tuad về tai họa của họ. Bình tĩnh, sư yêu cầu thuyền trưởng dừng thuyền. Sư đặt một chân xuống biển, vẽ một vòng tròn trên mặt nước mặn, và bảo một thủy thủ múc nước từ giữa vòng tròn. Trước sự kinh ngạc của mọi người, nước bên trong vòng tròn đã trở nên ngọt. Các hành khách cầu xin sư tha thứ.

Khi đến Ayutthaya, sư đi bộ đến một ngôi chùa lớn nhưng bị từ chối vì trông sư nghèo khó. Ngài tiếp tục đi bộ cho đến khi tìm thấy một ngôi chùa cổ, nơi người trông coi lớn tuổi chào đón sư nồng nhiệt. Ở đó, sư nghiên cứu kinh điển Phật giáo và thiền định trong sáu tháng.

Thời đó, vị nhiếp chính của Ceylon (Tích Lan cổ) thách thức các nhà sư Thái Lan. Ông ta cử bảy nhà sư mang theo mười hai bát đựng 84.000 chữ. Thử thách là sắp xếp các chữ đó thành một bài kinh hoàn chỉnh trong vòng một tuần. Nếu thành công, nhà vua Ceylon sẽ tặng bảy chiếc thuyền vàng. Nếu không, Xiêm La (Thái Lan cổ) sẽ mất chủ quyền.

Nhiều nhà sư đã thử và thất bại. Vào đêm thứ tư, nhà vua nằm mơ thấy một con voi trắng phát sáng rực rỡ – một dấu hiệu của hy vọng. Vào ngày thứ sáu, trong khi đi khất thực, Luang Phor Tuad tình cờ nghe thấy mọi người bàn tán về vấn đề của nhà vua. Một người giàu có cảm thấy được truyền cảm hứng và mời sư vào nhà. Sau khi nghe câu chuyện, Luang Phor Tuad đồng ý giúp đỡ.

Sáng hôm sau, sư được đưa đến cung điện. Mười hai bát chữ được đặt trước mặt sư. Sư nhắm mắt lại và bắt đầu sắp xếp chúng. Sau mười lăm phút, sư tuyên bố rằng còn thiếu năm chữ. Dưới áp lực, một trong những nhà sư đến thăm cuối cùng đã tiết lộ những chữ bị thiếu. Luang Phor Tuad sau đó đã hoàn thành bài kinh một cách hoàn hảo. Các nhà sư từ Ceylon đã công nhận uy quyền tâm linh của Thái Lan và dâng tặng bảy chiếc thuyền vàng. Từ ngày đó, Luang Phor Tuad được biết đến khắp vương quốc như một vị sư thánh thiện.

Ngài ở lại kinh đô vài năm cho đến khi nhận được tin mẹ mình lâm bệnh nặng. Sư trở về miền Nam, nhưng mẹ sư qua đời không lâu sau đó ở tuổi 78. Sau đó, sư ở lại Singora.

Sau này, một vị quan trấn thủ miền Nam tên là Phang muốn quên đi quá khứ đầy rắc rối bằng cách xây dựng một ngôi chùa ở Patani. Khi ở Singora, ông nhìn thấy một vị sư già đang đi dọc bãi biển, để lại một vệt sáng phía sau. Nhận ra đây chắc hẳn là vị sư mình cần, ông đến gặp Luang Phor Tuad và xin giúp đỡ. Luang Phor Tuad đồng ý và cùng ông đến Patani. Sau vài năm, ngôi chùa được hoàn thành và đặt tên là Chang Hai, một ngôi chùa vẫn còn tồn tại đến ngày nay.

Luang Phor Tuad từng là trụ trì của tu viện này cho đến khi viên tịch vào năm 1702 ở tuổi 120.

Hơn 300 năm nay, người dân đã tôn kính Luang Phor Tuad như một trong những vị sư linh thiêng nhất của Thái Lan. Người ta tin rằng bùa hộ mệnh và tượng của sư có khả năng bảo vệ người sở hữu khỏi nguy hiểm, bệnh tật và tai nạn. Những ai mang bùa hộ mệnh của sư được cho là sẽ nhận được phước lành về sức khỏe, trí tuệ và những chuyến đi an toàn.

29. The Life of Luang Phor Tuad

The life of the monk Luang Phor Tuad is often described as a beautiful and extraordinary legend. He was born in 1582 and lived until 1702, reaching the remarkable age of 120. His story begins in Suan Chan Village in southern Thailand, where he was born into a poor farming family. His parents, Khun Hu and Mae Chan, named him Poe, a name that loosely means “Crab.”

Because his parents worked long hours in the rice fields, they often brought baby Poe with them. When he was only six months old, his mother placed him on a cloth under a shady tree while she worked nearby. One day, when she returned to check on him, she was shocked to see a large python coiled quietly around her child. Neighbors rushed over, unsure of what to do.

Believing the python might be a divine being, Poe’s mother gathered seven flowers of different colors, placed them on a plate before the snake, and prayed with closed eyes. The python slowly lifted its head, spat out a crystal ball, and disappeared into the forest. The villagers were amazed. Poe’s mother took her child and the crystal home immediately.

News of the crystal spread quickly. A wealthy man tried to buy it, and when Poe’s parents refused, he threatened them until they finally gave in. But within three days, everyone in the rich man’s household became seriously ill. A medium told him that he had taken something that did not belong to him. Terrified, he returned the crystal to Poe’s parents. After that, the family’s fortune improved, and money began to flow in.

Out of jealousy, some neighbors stole the crystal, hoping for wealth. Instead, they were haunted by the spirit of the python and, in fear, threw the crystal into a well. Poe’s parents later dreamed of a ghost who told them where to find it. These events deepened their devotion to the Buddha, and they began offering sacrifices and helping build temples.

When Poe was five years old, he went to the temple to study the Buddha’s teachings. He was a gifted child and mastered all subjects within a year. He then traveled to nearby villages and later through the jungle to learn from other monks. At twelve, he was ordained as a monk and devoted himself fully to the Dharma. He remained in the monastery until he was thirty, when he learned that his father had died at age seventy-seven. Soon after, he left for another province.

During his travels, he boarded a boat heading to Ayutthaya, the capital at the time. Halfway through the journey, a violent storm struck, and all the drinking water was lost. After several days, the passengers became desperate and blamed Luang Phor Tuad for their misfortune. Calmly, he asked the captain to stop the boat. He placed one foot into the sea, drew a circle in the salt water, and told a sailor to scoop water from the center. To everyone’s astonishment, the water inside the circle had turned fresh. The passengers begged for his forgiveness.

When he arrived in Ayutthaya, he walked to a grand temple but was turned away because he looked poor. He continued walking until he found an old temple, where the elderly caretaker welcomed him warmly. There, he studied Buddhist texts and meditation for six months.

At that time, the regent of Ceylon challenged the monks of Thailand. He sent seven monks carrying twelve bowls filled with 84,000 words. The challenge was to arrange the words into a complete sutra within one week. If successful, the king of Ceylon would offer seven golden boats. If not, Siam would lose its sovereignty.

Many monks tried and failed. On the fourth night, the king dreamed of a white elephant glowing with bright light—a sign of hope. On the sixth day, while begging for food, Luang Phor Tuad overheard people discussing the king's problem. A wealthy man felt inspired and invited him inside. After hearing the story, Luang Phor Tuad agreed to help.

The next morning, he was brought to the palace. The twelve bowls of words were placed before him. He closed his eyes and began arranging them. After fifteen minutes, he announced that five words were missing. Under pressure, one of the visiting monks finally revealed the missing words. Luang Phor Tuad then completed the sutra perfectly. The monks from Ceylon acknowledged Thailand's spiritual authority and presented the seven golden boats. From that day on, Luang Phor Tuad became known throughout the kingdom as a divine monk.

He stayed in the capital for several years until he received news that his mother was seriously ill. He returned south, but she passed away soon after his arrival at the age of seventy-eight. He remained in Singora afterward.

Later, a southern governor named Phang sought to leave behind his troubled past by building a temple in Patani. While in Singora, he saw an old monk walking along the beach, leaving a trail of light behind him. Realizing this must be the monk he needed, he approached Luang Phor Tuad and asked for his help. Luang Phor Tuad agreed and traveled with him to Patani. After several years, the temple was completed and named Chang Hai, a temple that still exists today.

Luang Phor Tuad served as its abbot until his death in 1702 at the age of 120.

For more than 300 years, people have honored Luang Phor Tuad as one of Thailand's most sacred monks. His amulets and statues are believed to protect their owners from danger, illness, and accidents. Those who carry his amulet are said to receive blessings of health, wisdom, and safe travels.

.... THE END